



BỘ THÔNG TIN CƠ BẢN DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tháng 5 năm 2022





Thành phố Hồ Chí Minh là Thành phố trẻ, tuy chỉ có hơn 300 năm hình thành và phát triển, nhưng trải qua rất nhiều biến đổi thăng trầm. Thành phố là nơi quy tụ nhiều nguồn dân cư, là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa, đồng thời đóng vai trò quan trọng là trung tâm giao thương trong nước lẫn quốc tế ngay từ khi mới hình thành Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định xưa. Vì vậy, với đặc trưng đan xen, hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại, cho đến nay, vẫn có thể tìm thấy ở những công trình kiến trúc, phong tục, lối sống của mỗi con người trên đất Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành du lịch Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố, đã và đang phát triển theo định hướng xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, hiện đại nhưng vẫn giữ được những giá trị văn hóa chỉ có riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh như du lịch văn hóa-lịch sử, du lịch đường thủy, du lịch sinh thái bên cạnh những loại hình du lịch hiện đại như du lịch MICE, du lịch y tế, du lịch thể thao,...

Nhằm thống nhất cơ bản và chuẩn hóa các thông tin về Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt các thông tin phục vụ cho du lịch, Sở Du lịch đã xây dựng ấn phẩm “Bộ Thông tin cơ bản Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh” với mục đích giới thiệu các thông tin về một số điểm đến nổi bật tại Thành phố Hồ Chí Minh đến các lực lượng phục vụ trong ngành du lịch như Hướng dẫn viên, doanh nghiệp du lịch,... cũng như khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh. Các điểm đến này hiện nay đã và đang thu hút phần lớn khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, có nơi là di tích lịch sử, có nơi là di tích kiến trúc nghệ thuật, cũng có nơi là công trình xây dựng mới, hiện đại, thể hiện sự năng động, sáng tạo của Thành phố đô thị trẻ. Thông qua ấn phẩm này, người đọc có thể nhận thấy được những giá trị văn hóa, lịch sử đặc biệt chỉ có tại Thành phố Hồ Chí Minh và chính những giá trị này đã và đang tạo cho hình ảnh Thành phố luôn là điểm đến “An toàn - Sống động - Cởi mở - Trẻ trung - Đầy hứng khởi”.

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm này, vẫn còn những thiếu sót ngoài ý muốn. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến bổ sung của các nhà nghiên cứu, của các chuyên gia du lịch và của tất cả bạn đọc để sửa đổi và tái bản những lần sau.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan, Sở - Ban - Ngành, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia du lịch và tác giả các tài liệu trích dẫn - tham khảo đã cung cấp thông tin để công tác thực hiện ấn phẩm này được hoàn thành tốt đẹp.

MỤC LỤC		Trang
LỜI GIỚI THIỆU		03
MỤC LỤC		04
NỘI DUNG		10
A	SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	10
I	Lịch sử hình thành	10
1	Thời kỳ các chúa Nguyễn (1698 - 1802)	11
2	Thời kỳ các vua Nguyễn (1802 - 1862)	12
3	Thời kỳ Pháp thuộc (1862 - 1945)	12
4	Thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)	14
5	Thời kỳ đất nước thống nhất (1975 đến nay)	15
II	Vị trí địa lý - khí hậu	
1	Vị trí địa lý	17
2	Khí hậu	17
III	Con người - Văn hóa	
1	Con người	18
2	Văn hóa	19
3	Ẩm thực	21
4	Tôn giáo	23
5	Kiến trúc	25
IV	Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh	
1	Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	28
2	Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	28
3	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	28

MỤC LỤC		Trang
4	Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh	29
B	DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ĐIỂM ĐẾN “AN TOÀN - SỐNG ĐỘNG - CỎ MỎ - TRẺ TRUNG - ĐẦY HỨNG KHỞI”	
I	Di sản Lịch sử	31
1	Dinh Độc Lập	31
2	Cầu Mống	33
3	Cột cờ Thủ Ngữ	34
4	Ngã Ba Giồng	36
5	Địa đạo Củ Chi	39
6	Căn cứ Rừng Sác	42
II	Di sản Kiến trúc nghệ thuật	46
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	47
2	Bưu điện Thành phố	49
3	Nhà hát Thành phố	50
4	Khách sạn Continental	51
5	Khách sạn Majestic	54
6	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	56
7	Tòa án nhân dân Thành phố	57
8	Trường Trung học Lê Quý Đôn	59
9	Trường Trung học phổ thông Marie Curie	60
III	Hệ thống Bảo tàng	62
1	Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	63
2	Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh	65
3	Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	68

MỤC LỤC		Trang
4	Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh	70
5	Bảo tàng chứng tích chiến tranh	72
6	Bảo tàng Áo dài	73
IV	Di sản Tôn giáo - Tín ngưỡng	75
1	Nhà thờ Đức Bà	75
2	Nhà thờ Huyện Sĩ	78
3	Nhà thờ Tân Định	80
4	Nhà thờ Cha Tam	81
5	Chùa Bà Ấn Độ	83
6	Chùa Xá Lợi	85
7	Chùa Giác Lâm	86
8	Chùa Phụng Sơn	88
9	Chùa Vĩnh Nghiêm	89
10	Hội quán Tuệ Thành (Chùa Bà)	93
11	Hội quán Nghĩa An (Miếu Quan Đế hay Chùa Ông)	95
12	Điện Ngọc Hoàng	97
13	Đền thờ Hùng Vương	98
14	Đình Minh Hương Gia Thạnh	100
15	Lăng Lê Văn Duyệt	104
16	Lăng Ông Thủy Tướng	108
V	Vui chơi - Giải trí - Mua sắm	111
1	Thảo cầm viên	112
2	Phố đi bộ Nguyễn Huệ	114
3	Phố đi bộ Bùi Viện	117

MỤC LỤC		Trang
4	Chợ Bến Thành	118
5	Chợ Bình Tây	119
C	DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	122
I	Thành phố Hồ Chí Minh sống động - Vibrant Hochiminhcity	122
II	Các Lễ hội Sự kiện Du lịch	124
1	Lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh Đón chào Năm mới	124
2	Đường hoa Nguyễn Huệ	126
3	Lễ hội Tết Việt	127
4	Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh	128
5	Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh	129
6	Lễ hội Trái cây Nam Bộ	130
7	Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - ITE HCMC	131
8	Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank	132
TÀI LIỆU THAM KHẢO - TRÍCH DẪN		133



NỘI DUNG

A. SÀI GÒN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Nguồn trích dẫn:

Thạch Phương - Lê Trung Hoa (chủ biên) (2008); Từ điển Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, NXB. Trẻ, tr. 21-24;

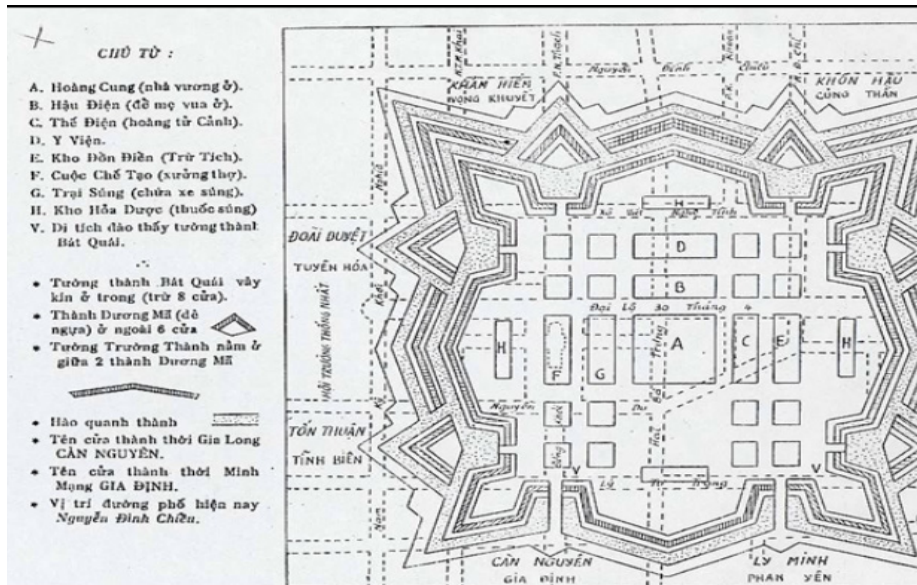
Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố tôi yêu - Sở Thông tin và Truyền thông (2014)

Năm 1698 đánh dấu sự ra đời của nền hành chính Phủ Gia Định xứ Đồng Nai (một trong những trung tâm là địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tuy nhiên, những dấu tích còn lại cho thấy ngay từ thuở khai phá, vùng đất này là nơi sinh sống của nhiều cư dân cổ thuộc nhiều nền văn hóa hợp thành. Theo nghiên cứu của các nhà địa chất học, vùng đất Sài Gòn và đồng bằng Nam Bộ đã được hình thành cách đây khoảng 6.000 năm, vào cuối thời kỳ Holocene. Con người xuất hiện ở đây khá sớm. Một số phát hiện khảo cổ học cho thấy ảnh hưởng của Văn hóa Sa Huỳnh với nhiều dấu ấn riêng trên đất Sài Gòn. Do vị trí tiếp giáp với các quốc gia cổ khiến Sài Gòn cho đến trước thế kỷ 16 đã trở thành nơi gặp gỡ, tụ hội định cư của nhiều cộng đồng dân cư. Người Việt từ các vùng ngoài di cư, khai phá vùng đất mới, đã sớm hòa đồng với các nhóm dân cư khác trên vùng đất mới, nhất là lưu vực các sông Sài Gòn, Đồng Nai, ...

Giai đoạn năm 1623 - 1698 là thời kỳ những luồng di cư của nhiều cộng đồng người Việt từ Đàng Ngoài đến Đàng Trong vào vùng đất mới, làm tăng nhanh khả năng khai hoang lập ấp ở đồng bằng Đồng Nai và đồng bằng Cửu Long. Từ đó, vùng đất Sài Gòn, Gia Định, Đồng Nai trở thành nơi phát triển nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp, khiến cho kinh tế - xã hội thêm thịnh vượng. Chính vì vậy, năm 1623, chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho đặt trạm thu thuế thương chính đầu tiên tại Sài Gòn và Bến Nghé, mở đầu cho sự xác lập thực quyền kinh tế thương mại có vai trò kiểm soát của chính quyền chúa Nguyễn trên vùng đất Sài Gòn.

Tháng 3 năm 1679, chúa Nguyễn lại cho lập đồn binh Tân Mỹ (vùng chợ Thái Bình, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 ngày nay). Quyền lực nhà nước của Chúa Nguyễn được áp đặt vào vùng đất mới phía Nam chuẩn bị cho việc hình thành bộ máy hành chính. Tuy thời điểm này chưa phân định địa giới hành chính trong toàn vùng đất mới phía Nam, nhưng Sài Gòn vẫn được xác lập một cách tự nhiên vị trí trung tâm đối với toàn vùng.

1. Thời kỳ các chúa Nguyễn (1698 - 1802)



Người sáng tạo ban đầu là Trần Văn Hoàng, một kiến trúc sư Việt Nam đầu thế kỷ 19. Bản đồ này sau đó được Petrus Ký (1837-1898) sưu tầm trong cuốn sách của ông (như được mô tả trong cuốn sách *Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận*, Nhà Xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997) Bản dịch tiếng Việt được thực hiện bởi nhà sử học Nguyễn Đình Đầu.

Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Chúa Nguyễn Phúc Chu vào Nam kinh lược, lấy đất Nông Nại lập phủ Gia Định, lấy đất Đồng Nai lập huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lấy đất Sài Gòn lập huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Đại Nam thực lục).

Huyện Tân Bình lúc bấy giờ chia làm 4 tổng: Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc và Thuận An. Dinh vừa là lý sở vừa là đơn vị hành chính. Dinh Phiên Trấn chỉ quản huyện Tân Bình.

Địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh lúc này phần lớn nằm trên đất huyện Tân Bình và một phần đất huyện Phước Long.

Năm 1732, Chúa Nguyễn cho lập dinh Điều Khiển, đặt nha thự ở phía nam dinh Phiên Trấn. Vùng Sài Gòn – Bến Nghé chính thức trở thành thủ phủ của cả Gia Định.

Năm 1757, địa phận phủ Gia Định bao trùm cả Nam Bộ. Sài Gòn khi ấy nằm trên đất thuộc hai dinh Phiên Trấn và Trấn Biên. Phiên Trấn vẫn quản huyện Tân Bình.

Năm 1772, tướng Nguyễn Cửu Đàm cho đắp lũy Bán Bích, để bảo vệ Sài Gòn - Bến Nghé. Lũy bao bọc các cơ quan quân sự, dân sự, phố chợ và nơi tập trung dân cư ở đô thị, đánh dấu lần đầu quy hoạch Thành phố. Từ đây, vùng Sài Gòn - Bến Nghé đã trở nên Thành phố với đầy đủ ý nghĩa của danh xưng này.

Theo Phủ biên tạp lục (1776) của Lê Quý Đôn, giữa thế kỷ 17, phủ Gia Định (Nam Bộ ngày nay) có 950 thôn, riêng huyện Tân Bình có 350 thôn.

Tháng 3 năm 1790, xây thành Bát Quái, gọi là Gia Định kinh.

Tháng 11 năm 1799, chúa Nguyễn Ánh tổ chức lại việc cai trị đất Gia Định, chia vạch địa giới 3 dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ.

2. Thời kỳ các vua Nguyễn (1802 - 1862)

Năm 1802, vua Gia Long bỏ Gia Định kinh, đổi Gia Định phủ thành Gia Định trấn, quản 4 dinh: Phiên Trấn, Trấn Biên, Trấn Định, Vĩnh Trấn và trấn Hà Tiên.

Địa bàn Thành phố lúc này phần lớn vẫn nằm trong huyện Tân Bình thuộc dinh Phiên Trấn và một phần nhỏ nằm trong huyện Phước Long thuộc dinh Trấn Biên.

Năm 1808, đổi Gia Định trấn làm Gia Định thành, đổi dinh Phiên Trấn thành trấn Phiên An, đổi dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hòa.

Năm 1832, giải thể Gia Định thành, đổi 5 trấn thành 6 tỉnh: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Năm 1836, đổi tên tỉnh Phiên An thành tỉnh Gia Định.

Năm 1841, địa bàn Thành phố nằm trên đất phủ Tân Bình (tỉnh Gia Định) gồm cả 3 huyện Bình Dương, Tân Long, Bình Long và một phần nhỏ trên đất huyện Ngã An và huyện Long Thành thuộc phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Tháng 01 năm 1860, thiết lập tỉnh lỵ mới của tỉnh Gia Định tại thôn Tân Tạo, huyện Tân Long, phủ Tân Bình.

Ngày 11 tháng 4 năm 1861, Đô đốc Charner ra nghị định ấn định ranh giới thành phố Sài Gòn được giới hạn bởi rạch Bến Nghé, sông Sài Gòn, rạch Thị Nghè và một đường ranh nối từ chùa Cây Mai đến phòng tuyến cũ đồn Chí Hòa. Lúc này Thành phố có khoảng 20 con đường.



Kênh Chợ Vải (Kênh Lớn) và đường Charner nhìn từ phía sông Sài Gòn vào phía tòa Thị chính (lúc này chưa xây) và cũng chưa thấy có Nhà thờ Đức Bà.
(Ảnh: Manhhai, Flickr)

3. Thời kỳ Pháp thuộc (1862 - 1945)

Năm 1862, 3 tỉnh miền Đông được chia thành 16 hạt (arrondissement).

Năm 1864, Đô đốc De La Grandière chia ba tỉnh miền Đông thành 7 khu vực chỉ huy: Bà Rịa, Biên Hòa, Cần Giuộc, Mỹ Tho, Sài Gòn - Chợ Lớn, Tân An - Gò Công và Tây Ninh.

Năm 1865, 3 tỉnh Miền Đông được chia thành 13 hạt. Hạt Sài Gòn bao gồm địa bàn huyện Bình Dương và huyện Bình Long cũ, hạt Chợ Lớn là địa bàn huyện Tân Long cũ.

Ngày 03 tháng 02 năm 1866, huyện Bình Dương hợp với huyện Bình Long thành hạt Sài Gòn.

Ngày 14 tháng 3 năm 1866, tách huyện Ngã An từ hạt Thủ Dầu Một (gồm 2 huyện Bình An và Ngã An) đặt thành huyện Thủ Đức.

Năm 1867, sau khi chiếm xong toàn bộ Nam Kỳ, thực dân Pháp đổi 6 tỉnh cũ thành 6 tỉnh mới, gồm 24 sở tham biện (inspection). Tỉnh Sài Gòn gồm 7 sở tham biện: Sài Gòn, Chợ Lớn, Phước Lộc, Tân Hòa, Tân An, Tây Ninh, Quang Hóa.

Năm 1868, chia Nam Kỳ thành 27 hạt. Hạt Ngã An được đổi tên là hạt Thủ Đức. Ngày 29 tháng 10 năm 1868, hạt Thủ Đức nhập vào hạt Sài Gòn.

Ngày 05 tháng 6 năm 1871, Nam Kỳ từ 27 hạt được giảm còn 18 hạt. Hạt Chợ Lớn gồm 2 huyện Tân Long và Phước Lộc.

Năm 1872, tỉnh Sài Gòn có 5 hạt: hạt Sài Gòn (3 huyện Bình Dương, Bình Long, Ngã An), hạt Chợ Lớn (2 huyện Tân Long, Phước Lộc), hạt Gò Công, hạt Tân An, hạt Tây Ninh.

Ngày 05 tháng 01 năm 1876, Đô đốc Duperré ra nghị định chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính (circonscription administrative): Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bát Xắc. Mỗi khu vực được chia thành nhiều hạt (arrondissement).

Ngày 08 tháng 01 năm 1877, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh chính thức thành lập thành phố Sài Gòn. Thành phố Sài Gòn được xếp vào loại thành phố cấp I (municipalité de première classe).

Ngày 20 tháng 10 năm 1879, Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Villers ban hành nghị định thành lập thành phố Chợ Lớn (municipalité de Chợ Lớn, khác với hạt Chợ Lớn) và xếp thành phố loại II.

Ngày 13 tháng 12 năm 1880, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định thành lập khu Sài Gòn - Chợ Lớn (région de Saigon – Cholon), gồm thành phố Sài Gòn, thành phố Chợ Lớn và vùng phụ cận của hai thành phố này.

Năm 1885, Thống đốc Nam Kỳ ra quyết định đổi tên hạt Sài Gòn (arrondissement de Saigon) thành hạt Gia Định (arrondissement de Giadinh) để phân biệt với thành phố Sài Gòn (ville de Saigon).

Ngày 12 tháng 11 năm 1887, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh lấy Sài Gòn làm thủ phủ của toàn Đông Dương và thiết lập phủ Toàn quyền tại Sài Gòn.

Ngày 17 tháng 12 năm 1894, Thống đốc Nam Kỳ ban hành nghị định nới rộng phạm vi thành phố Sài Gòn lên phía Bắc, lấy rạch Thị Nghè và đường Thuận Kiều (đường Cách Mạng Tháng Tám ngày nay) làm ranh giới.

Ngày 20 tháng 12 năm 1899, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi các hạt (arrondissement) thành tỉnh (province) và chia Nam Kỳ thành 3 miền: Miền Đông, Miền Trung, Miền Tây. Hạt Gia Định gọi là tỉnh Gia Định, hạt Chợ Lớn gọi là tỉnh Chợ Lớn, hạt Biên Hòa gọi là tỉnh Biên Hòa.

Năm 1910, địa bàn thành phố Sài Gòn bắt đầu giáp ranh với thành phố Chợ Lớn. Địa bàn thành phố Sài Gòn tương ứng với các quận 1, 3, 4 ngày nay. Thành phố Chợ Lớn rộng gần bằng thành phố Sài Gòn, tương ứng với địa bàn Quận 5, một phần Quận 6 và một phần Quận 10 ngày nay. Tỉnh Gia Định gồm 18 tổng, 200 xã thôn.

Năm 1917, tỉnh Gia Định có 4 quận: Gò Vấp, Hóc Môn, Nhà Bè, Thủ Đức.

Ngày 27 tháng 4 năm 1931, Tổng thống Pháp ban hành sắc lệnh thành lập địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn (région de Sài Gòn - Chợ Lớn), diện tích 5.100 ha, diện tích này rộng gấp đôi dự án xây dựng Sài Gòn theo bản đồ của Coffyn năm 1862. Về hành chính khu chia thành mười tám hộ, đánh số từ 1 đến 18, về quản lý trị an chia làm 5 quận cảnh sát (Sài Gòn 3 quận, Chợ Lớn 2 quận).

4. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)

Ngày 30 tháng 5 năm 1954, vua Bảo Đại ký dụ đổi địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn ra đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn.

Năm 1955, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn được gọi tắt là đô thành Sài Gòn.

Ngày 22 năm 10 năm 1956, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 143-NV đổi đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn thành thủ đô Sài Gòn và đổi tên 22 tỉnh ở địa phận Nam Việt.

Tỉnh Chợ Lớn bị bãi bỏ, phần lớn diện tích chuyển qua tỉnh Long An. Địa bàn Trung Quận chuyển về tỉnh Gia Định và lập thành Quận Bình Chánh.

Ngày 08 tháng 4 năm 1957, thành lập Quận Bình Chánh thuộc tỉnh Gia Định.

Ngày 29 tháng 4 năm 1957, Nghị định số 138-BNV/HC/NĐ của Bộ trưởng Nội vụ ấn định tỉnh Gia Định gồm 6 quận (ngoài bốn Quận Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức, Nhà Bè; lập thêm hai quận mới Bình Chánh và Tân Bình).



Quán cơm trưa trên đường
Nguyễn Huệ (1966).
(Ảnh vietnamese.org.au).

Ngày 27 tháng 3 năm 1959, Nghị định số 110 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về việc chia đô thành Sài Gòn ra 8 quận: Nhất, Nhì, Ba, Tư, Năm, Sáu, Bảy, Tám.

Ngày 17 tháng 01 năm 1967, Sắc lệnh số 9-SL/ĐUHC của Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương về việc thành lập quận 9 trên cơ sở hai phường An Khánh và Thủ Thiêm.

Ngày 01 tháng 7 năm 1969, Sắc lệnh số 073-SL/NV của Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa về việc thành lập quận 10 và quận 11 trên cơ sở một số phường của các quận 3, 5, 6. Đô thành Sài Gòn gồm 11 quận: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.

Năm 1972, tỉnh Gia Định gồm 8 quận: Tân Bình, Gò Vấp, Thủ Đức, Bình Chánh, Nhà Bè, Hóc Môn, Cần Giờ, Quảng Xuyên.

Từ đây, những địa danh và địa giới các quận của tỉnh Gia Định và đô thành Sài Gòn được giữ nguyên cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

5. Thời kỳ đất nước thống nhất (1975 – đến nay)

Ngày 03 tháng 5 năm 1975, theo Quyết định của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định đổi thành thành phố Sài Gòn - Gia Định, đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Quân quản thành phố.

Ngày 20 tháng 5 năm 1976, theo Quyết định số 301/UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố, thành phố Sài Gòn - Gia Định được chia thành 12 quận: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình và 5 huyện: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Thủ Đức.

Ngày 02 tháng 7 năm 1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa 6, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chính thức đặt tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí Mai Chí Thọ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đọc diễn văn tại buổi mít-tinh đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn: Ảnh tư liệu

Ngày 18 tháng 9 năm 1976, Nghị định số 164-CP của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập huyện Côn Sơn trên đảo Côn Sơn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, Nghị quyết của Quốc hội khóa 6, kỳ họp thứ 4 về việc sáp nhập huyện Duyên Hải thuộc tỉnh Đồng Nai vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 12 năm 1991, Quyết định số 405-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc đổi tên huyện Duyên Hải thành huyện Cần Giờ.

Ngày 06 tháng 01 năm 1997, Nghị định số 03/CP của Chính phủ về việc thành lập các quận mới ở Thành phố Hồ Chí Minh. Huyện Thủ Đức được chia làm 3 quận: quận 2, quận 9, Thủ Đức. Huyện Nhà Bè tách một phần để lập quận 7. Huyện Hóc Môn tách một phần để lập quận 12. Thành phố Hồ Chí Minh có 17 quận và 5 huyện.

Ngày 05 tháng 11 năm 2003, Nghị định số 130/2003/NĐ-CP về việc thành lập 2 quận mới là Bình Tân (tách ra từ huyện Bình Chánh) và Tân Phú (tách ra từ quận Tân Bình).

Từ đây, Thành phố Hồ Chí Minh có 19 quận, 5 huyện, 254 phường, 63 xã, thị trấn, diện tích 2.093 km².

Khu vực nội thành gồm 19 quận: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú (thuộc nội thành cũ) và các quận: 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức (nội thành mở rộng) với diện tích 492,22 km² với 254 phường.

Khu vực ngoại thành gồm 5 huyện: Bình Chánh, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, diện tích 1.601,48 km² với 5 thị trấn và 58 xã.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chính thức thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 01 năm 2021, thành phố Thủ Đức đã chính thức được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ Quận 2, Quận 9 và Quận Thủ Đức. Với phương án này, thành phố Thủ Đức có 34 phường và tổng diện tích tự nhiên là 211,56 km², quy mô dân số 1.013.795, giáp Quận 1, Quận 4, Quận 7, Quận 12, Quận Bình Thạnh; tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương.

Như vậy, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Thành phố Hồ Chí Minh có 21 đơn vị hành chính cấp quận/huyện, gồm 16 quận, 5 huyện và 1 thành phố trực thuộc; 312 đơn vị hành chính cấp phường/ xã/ thị trấn, cụ thể gồm 249 phường, 58 xã và 5 thị trấn.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ - KHÍ HẬU

*Nguồn trích dẫn: Cổng thông tin Điện tử Thành phố Hồ Chí Minh - CityWeb:
<http://www.hochiminhcity.gov.vn>*

1. Vị trí địa lý

Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong tọa độ địa lý khoảng 10 0 10' - 10 0 38 vĩ độ bắc và 106 0 22' - 106 054 ' kinh độ đông. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở tọa độ 10.5° Bắc và có độ cao trung bình từ 5 đến 10m; cách Thủ đô Hà Nội 1.730 km theo đường bộ, trung tâm Thành phố cách bờ biển Đông 50 km theo đường chim bay. Sông Sài Gòn dài 106 km chảy qua trung tâm Thành phố, đóng vai trò của một thủy lộ thiết yếu cho các hoạt động thương mại.

Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Địa hình tổng quát có dạng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Nó có thể chia thành 3 tiểu vùng địa hình:

- Vùng cao nằm ở phía Bắc - Đông Bắc và một phần Tây Bắc (thuộc Bắc huyện Củ Chi, Đông Bắc thành phố Thủ Đức), với dạng địa hình lượn sóng, độ cao trung bình 10-25m và xen kẽ có những đồi gò độ cao cao nhất tới 32m, như đồi Long Bình (thành phố Thủ Đức).

- Vùng thấp trũng ở phía Nam - Tây Nam và Đông Nam Thành phố (thuộc các Quận 9, 8, 7 và các huyện Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ). Vùng này có độ cao trung bình trên dưới 1m và cao nhất 2m, thấp nhất 0,5m.

- Vùng trung bình, phân bố ở khu vực trung tâm Thành phố, gồm phần lớn nội thành cũ, một phần thành phố Thủ Đức, toàn bộ Quận 12 và huyện Hóc Môn. Vùng này có độ cao trung bình 5-10m.

2. Khí hậu

Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Cũng như các tỉnh ở Nam Bộ, đặc điểm chung của khí hậu thời tiết Thành phố Hồ Chí Minh là nhiệt độ cao đều trong năm và có hai mùa mưa - mùa khô rõ ràng. Mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau), nhiệt độ trung bình 26 tới 28°C. Thành phố có 160 tới 270 giờ nắng một tháng; lượng mưa trung bình của Thành phố đạt 1.979 mm/năm; Độ ẩm tương đối của không khí bình quân/năm 79,5%; bình quân mùa mưa 80% và trị số cao tuyệt đối tới 100%; bình quân mùa khô 74,5% và mức thấp tuyệt đối xuống tới 20%.

Thành phố Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi hai hướng gió chính và chủ yếu là gió mùa Tây - Tây Nam và Bắc - Đông Bắc. Gió Tây - Tây Nam từ Ấn Độ Dương thổi vào trong mùa mưa, khoảng từ tháng 6 đến tháng 10, tốc độ trung bình 3,6m/s và gió thổi mạnh nhất vào tháng 8, tốc độ trung bình 4,5 m/s. Gió Bắc - Đông Bắc từ biển Đông thổi vào trong mùa khô, khoảng từ tháng 11 đến tháng 2, tốc độ trung bình 2,4 m/s. Ngoài ra có gió tín phong, hướng Nam - Đông Nam, khoảng từ tháng 3 đến tháng 5 tốc độ trung bình 3,7 m/s.

III. CON NGƯỜI - VĂN HÓA

1. Con người

Nguồn trích dẫn: Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh

Với diện tích 2.095,1 km², Thành phố Hồ Chí Minh được phân chia thành: thành phố Thủ Đức, 16 quận và 05 huyện với 312 phường, xã, thị trấn. Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và nhà ở ngày 01 tháng 4 năm 2019, dân số Thành phố Hồ Chí Minh là 8.993.082 người, trong đó dân tộc Kinh là 8.523.173 người chiếm 94,8% dân số Thành phố, 53 dân tộc thiểu số là 468.128 người chiếm 5,2% dân số Thành phố, có 03 dân tộc chiếm số đông và hình thành cộng đồng là dân tộc Hoa với 382.826 người chiếm 81,8% trong tổng số dân tộc thiểu số, dân tộc Khmer có 50.422 người chiếm 10,8%, dân tộc Chăm có 10.509 người chiếm 2,2%, các dân tộc còn lại rất ít chiếm 5,2%. Các dân tộc thiểu số đều đang sinh sống tại tất cả các quận, huyện, hơn ½ dân tộc Thái sống tại Quận 12, Quận Gò Vấp, Quận Bình Tân và huyện Bình Chánh; gần ½ dân tộc Ê Đê sống tại huyện Củ Chi; dân tộc Gia Rai tập trung tại huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn còn dân tộc Khmer thì có tới 40,7% dân số tại Quận Bình Tân và huyện Bình Chánh; khoảng 1/5 dân tộc Hoa tại Quận 11, dân tộc Mường đa số sống tại huyện Bình Chánh, dân tộc Chăm tại Quận 8 và dân tộc Tày, Nùng tại thành phố Thủ Đức.



2. Văn hóa

Nguồn trích dẫn:

*Cổng thông tin Điện tử Thành phố Hồ Chí Minh - www.hochiminhcity.gov.vn;
Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố tôi yêu - Sở Thông tin và Truyền thông
(2014).*

Trải qua hàng trăm năm biến động thăng trầm của lịch sử, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh “vùng đất lành chim đậu” không mang tính kỳ thị, nơi hội tụ dân cư của cả nước và nhiều sắc dân trên thế giới đã tiếp nhận, chắt lọc, hấp thụ tinh hoa văn hoá nhân loại từ Đông sang Tây. Tất cả những dòng chảy văn hoá đó đã hoà nhập cùng nhau, bổ túc cho nhau tạo nên hiện tượng “Mái nhà chung văn hoá” với những đường nét mang tính toàn cầu, diễn tả độc đáo muôn màu muôn sắc có một không hai của Thành phố trẻ năng động và giàu sức sống này.

Bản sắc văn hóa Nam Bộ vốn thống nhất trong sự đa dạng với những sắc thái văn hóa từ các dân tộc khác nhau. Nam Bộ nói chung, Sài Gòn nói riêng là miền đất tụ cư của các dân tộc Chăm, Hoa, Khmer, ... do đó, cùng với phong tục tập quán người Việt, văn hóa của các dân tộc khác đã tạo nên bức tranh văn hóa Sài Gòn nhiều màu sắc.

Chính thức vào năm 1698, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lý và bình định đất Sài Gòn. Đây là một hoạt động chính trị - quân sự mang tính chiến lược của triều đình nhà Nguyễn vào Nam lập nghiệp. Văn hoá biển đã đồng hành với người Trung Bộ trên con đường Nam tiến. Quy luật tồn tại trước thiên nhiên khắc nghiệt đã trui rèn người dân Trung Bộ thành những con người “lên non xuống biển”, cần cù, nhẫn nại, có óc mạo hiểm dám nghĩ, dám làm,... đã là những tố chất tích cực góp phần giúp cộng đồng người Việt đủ sức đương đầu với mọi trở ngại và xây dựng ước mơ trên vùng đất mới đang được khai phá. Về mặt nghề nghiệp, đáng kể nhất là người dân Miền Trung đã đưa vào Sài Gòn những nét tài hoa độc đáo của ngành nghề chạm khắc gỗ và điêu khắc đá, vốn là thế mạnh của những phường thợ chuyên lo xây dựng kinh thành và thiết kế cung đình Huế dưới triều Nguyễn. Về mặt ẩm thực, phải kể đến những món ăn đặc sắc Miền Trung trên đất Sài Gòn như mì Quảng, bún bò Huế, bánh nậm, bánh bèo, ...

Muộn hơn thời kỳ này, có một dòng văn hoá Trung Hoa hội nhập vào đất Sài Gòn thông qua những nhóm nghĩa binh “phản Thanh phục Minh” tìm đến nơi này lánh nạn. Con cháu hậu duệ của họ đã phát triển mạnh như hiện nay. Tiêu biểu và gây ấn tượng nhất là ở vùng Chợ Lớn. Đặc điểm của cộng đồng người Hoa - vốn là những lưu dân tha phương ít sở

hữu đất đai - là thương mại xuất nhập khẩu và công kỹ nghệ nhẹ. Từ xưa người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã rất nhanh nhạy; họ tiên đoán được nhu cầu xã hội, bắt mạch được tâm lý người tiêu dùng. Nhờ họ, hàng hoá được lưu thông phân phối, sản phẩm nội địa và ngoại quốc có “đầu ra đầu vào” nhờ xuất nhập khẩu. Ở Sài Gòn, cần bất cứ cái gì thì đến Chợ Lớn: từ đồ kim khí điện máy đến ngành hàng nhựa rồi đông, tây y dược,...

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm Sài Gòn phá vỡ thế “*bế quan tỏa cảng*” của triều đình nhà Nguyễn. Lúc bấy giờ văn hoá Sài Gòn đã giàu chất văn hoá bản địa: văn hoá đồng bằng Nam Bộ, văn hoá biển Trung Bộ, văn hóa của các cộng đồng dân tộc Khmer, Hoa... trên đất Sài Gòn lại có sự phát triển giao thoa văn hoá với các nước khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt là những mối quan hệ ảnh hưởng văn hóa với hai nước lớn Trung Hoa và Ấn Độ về hai lĩnh vực triết học và tôn giáo.

Chiến thắng Điện Biên Phủ (ngày 07 tháng 5 năm 1954). Hiệp định Genève tạm thời chia đôi đất nước Việt Nam, tạo biến động lịch sử gây nên làn sóng di cư từ Bắc vào Nam, trở thành một cao trào để văn hoá đồng bằng Bắc Bộ hội nhập mạnh hơn vào đất Sài Gòn. Những khu vực tập trung dân cư Bắc Bộ như: Ngã ba Ông Tạ, Xóm Chiếu Khánh Hội, Xóm Mới Gò Vấp, Trung Chánh Hóc Môn, ... đã làm cho bộ mặt Sài Gòn thêm những sắc màu văn hoá mới. Văn hoá đồng bằng Bắc Bộ với cơ cấu tổ chức làng xã chặt chẽ mang đậm tính kỷ cương trật tự xã hội đã góp phần xây dựng và làm phong phú tính cách người Sài Gòn: vừa hào sảng phóng khoáng kiểu Phương Nam, lại vừa điều độ mực thước như người Phương Bắc. Dấu ấn của văn hoá đồng bằng Bắc Bộ còn là mô hình sản xuất kinh tế theo kiểu làng nghề, phường nghề, chiếc áo dài được cải biên theo thời gian dựa trên cảm hứng xuất phát từ chiếc áo dài tứ thân trong trang phục đồng bằng Bắc Bộ. Chiếc áo dài là niềm tự hào của người dân Sài Gòn vì đã góp phần làm phong phú văn hoá Việt Nam và tôn vinh cá tính người Việt trước những trào lưu thời trang quốc tế đầy sôi động tại Thành phố này.

Vào cuối thập niên 1950, miền Nam Việt Nam - Sài Gòn trở thành thủ phủ của nền văn hoá công nghiệp kiểu Mỹ. Thế nhưng văn hoá Sài Gòn vẫn sâu gốc, bền rễ trên nền tảng văn hoá Việt Nam, giàu chất văn hoá của bản địa ba miền Bắc, Trung, Nam, biết gạn đục khơi trong, thu nhận những yếu tố tích cực của nền văn hoá công nghiệp, khi du nhập vào đất Sài Gòn trên nền tảng của văn hoá Việt Nam đã được “Sài Gòn hoá”: tận dụng sức mạnh khoa học công nghiệp, sáng tạo khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế nhằm nâng cao sức sống, kiến tạo hoà bình, phục vụ cho nhu cầu hạnh phúc của con người.

Có thể nói, chính sự giao thoa văn hóa đã khiến cho Đất và Người Sài Gòn vừa có nét tương đồng, lại vừa có nét khác biệt với cội nguồn của mình là văn hóa Việt ở Đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ. Trên mảnh đất này, người ta vừa thấy dấu ấn đậm nét của những truyền thống văn hóa dân tộc, vừa thấy sự mới mẻ, trẻ trung của những dấu ấn văn hóa từ bên ngoài đưa vào. Người Sài Gòn phóng khoáng, cởi mở trong bất cứ giai đoạn nào cũng sẵn sàng đón nhận những luồng văn hóa ngoại nhập mang nhiều giá trị tiến bộ để làm giàu thêm, đa dạng thêm vốn văn hóa của chính mình. Cho đến bây giờ, từ năm 1975 trở về sau, sự phát triển không ngừng của Thành phố này là một chứng minh cho định hướng ấy.

3. Ẩm thực

Nguồn trích dẫn:

Khai thác và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực trong xây dựng sản phẩm du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010);

Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố tôi yêu - Sở Thông tin và Truyền thông (2014).

Là trung tâm của vùng đất Phương Nam trù phú, sản vật dồi dào, nên món ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh rất đa dạng. Món ăn Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh dù bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố do sự phát triển của xã hội và khuynh hướng hòa nhập với các nước trên thế giới, nhưng vẫn đảm bảo và thỏa mãn những đặc tính chung trong ăn uống của người Việt, luôn khẳng định bản sắc dân tộc và phát triển văn hóa ẩm thực Việt Nam trong xu thế giao lưu và hội nhập hiện nay.

Là nơi quy tụ, sinh sống và gặp gỡ của dân “tứ xứ” nên Thành phố Hồ Chí Minh còn là một trung tâm ẩm thực nổi tiếng với hầu như tất cả các món ăn đặc trưng của các vùng miền, nhưng đặc trưng nhất của đất Sài Gòn thì chỉ có hai món ăn quen thuộc và được người Sài Gòn ưa thích là bánh mì Sài Gòn và cơm tấm Sài Gòn. Ngoài ra, có thể khá dễ dàng tìm thấy ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh vô số đặc sản Bắc, Trung, Nam hay quốc tế, theo đúng nguyên bản cũng có, phổ biến hơn vẫn là những món đã được “Sài Gòn hóa” để hương vị thêm phong phú, đậm đà như: phở; chả cá Hà Nội; bánh cuốn, bánh tôm Hồ Tây; cơm Bắc; nem chua; bún bò Huế; bánh bèo, bánh nậm; mì Quảng; cao lầu Hội An,... có thêm hương vị đậm chất Sài Gòn được thể hiện ở vị ngọt, nhiều rau xanh và thủy hải sản tươi sống. Chẳng hạn như món canh chua Sài Gòn - canh chua cá lóc kết hợp cả vị chua mặn của Miền Bắc, cay nồng ớt tươi của Miền Trung và cái ngọt của Miền Nam, món bò beefsteak của phương Tây thì mỏng và chín hơn, nhiều gia vị hơn, kèm rau sống, đồ chua nhiều hơn.

Bên cạnh đó, khách du lịch có thể thưởng thức một cách thích thú với hương vị không khác hương vị quê nhà ngay tại Sài Gòn, thưởng thức vô số đặc sản trên mọi miền đất nước và thế giới như món ăn Nga với đặc sản nổi tiếng của Nga là súp lạnh, salad Nga và thịt cừu nướng. Món ăn Ý thì có mì với rất nhiều loại nước sốt khác nhau: sốt cà chua, sốt tôm mực, sốt sữa, món ăn Ý còn được biết đến qua món ăn nhanh pizza. Món ăn Đức thì không thể thiếu thịt nguội, jambon, xúc xích vô cùng phong phú và đa dạng. Đặc biệt nhất là bia Đức, được sản xuất ngay tại các nhà hàng. Món ăn Pháp thường ăn kèm xà lách trộn và bánh mì và không thể thiếu rượu vang. Món ăn Hàn Quốc đa số là món nướng ăn kèm với rau xanh với rượu gạo, gần giống rượu nếp của Việt Nam, món ăn Nhật Bản thì có sushi hay sashimi, món ăn Trung Hoa thì có há cảo hay vịt quay Bắc Kinh, ngoài ra còn có món ăn Khmer, món ăn Thái Lan, món ăn Ấn Độ, món ăn hala dành cho người Hồi giáo, v.v...

Nói đến ẩm thực là nói tới những sinh hoạt gắn liền với chợ. Thành phố Hồ Chí Minh có đủ các loại chợ, có tuổi trên dưới 100 năm như Chợ Bến Thành, Chợ Bình Tây, Chợ Tân Định, Chợ Bà Chiểu, ... Ngay tại Thành phố Hồ Chí Minh còn có thể tìm đến một số khu vực, được xem như là “chợ” chuyên kinh doanh các loại gia vị cho các món ăn Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, v.v...

Thành phố Hồ Chí Minh - Sài Gòn trong tâm thức của những khách ẩm thực vẫn được mệnh danh là Thành phố không “đêm”. Bởi lẽ, từ sáng tinh mơ cho đến tối khuya, Thành phố Hồ Chí Minh - Sài Gòn có một điều rất khác biệt, đó là sự thú vị khi có thể ăn vào bất cứ giờ nào trong ngày. Là địa phương có du lịch là một trong các ngành dịch vụ mũi nhọn, văn hóa ẩm thực cũng là một phần quan trọng trong kinh doanh du lịch, tạo ra nét đặc trưng riêng để thu hút du khách du lịch.



4. Tôn giáo:

Nguồn trích dẫn:

Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh;

Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố tôi yêu - Sở Thông tin và Truyền thông (2014).

Tương ứng với sự đa dạng văn hóa tộc người, lễ hội của người dân Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh cũng rất đa dạng, bao gồm bốn loại: Lễ hội tín ngưỡng - tôn giáo, lễ hội nông nghiệp, lễ hội ngư nghiệp, lễ hội - văn hóa - lịch sử. Tất cả đều mang sắc thái Nam Bộ mặc dù nhiều lễ hội bắt nguồn từ Trung bộ. Lễ hội tín ngưỡng - tôn giáo bao gồm các lễ hội thường niên của đạo Phật, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành,... Ở các đình làng thường xuyên có các lễ hội Kỳ Yên tiến hành vào đầu năm và cuối năm để tạ ơn Thành hoàng Bổn cảnh, thần linh và các bậc tiền hiền, hậu hiền có công khai khẩn, khai cơ, giúp dân an cư lạc nghiệp. Lễ hội văn hóa - lịch sử bao gồm các lễ tết cổ truyền như tết Nguyên đán, tết Đoan ngọ, ..., các lễ hội tưởng niệm các danh nhân có công mở đất và các anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Hữu Cánh, ... Người Sài Gòn chấp nhận nhiều xu hướng tín ngưỡng khác biệt, không kỳ thị một tôn giáo nào mà vẫn giữ được tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên truyền thống của mình.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất nước. Lịch sử quá trình xây dựng, phát triển Thành phố, cùng với các điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý đã tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với các quốc gia lân cận, tác động qua lại lẫn nhau. Vì lý do đó, Thành phố Hồ Chí Minh cũng là địa phương có sự đa dạng về văn hóa - xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo bắt nguồn từ việc giao thương trong khu vực và quốc tế, các giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam được bảo tồn, phát triển song song với nét văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo trong khu vực và thế giới, làm cho bản sắc văn hóa dân tộc tại Thành phố càng phong phú, đa dạng hơn.

a) Về tín ngưỡng

Theo thống kê, hiện nay số lượng các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố là 1.073 cơ sở. Về xếp hạng di tích: 01 cơ sở là di tích cấp quốc gia đặc biệt; 19 cơ sở là di tích cấp quốc gia; 56 cơ sở là di tích cấp tỉnh/thành; 33 cơ sở nằm trong danh mục kiểm kê di tích. Phân loại cơ sở tín ngưỡng cụ thể: Đình có 296 cơ sở, Đền có 84 cơ sở, Miếu có 571 cơ sở, loại khác có 122 cơ sở (Am; Nhà Vua; Lăng; Khu tưởng niệm; Hội quán ...). Loại hình tín ngưỡng rất đa dạng: Thờ Vua Hùng có 06 cơ sở; Thờ người

có công với nước có 60 cơ sở; Thờ các vị thần thánh khác là 921 cơ sở; Nhà thờ họ có 86 cơ sở. Trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi có Luật Tín ngưỡng, tôn giáo thì công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở tín ngưỡng ngày càng được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục về chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa, tín ngưỡng được đẩy mạnh. Việc thực hiện cuộc vận động nếp sống văn minh đối với các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua đạt được một số kết quả nhất định. Hầu hết các cơ sở tín ngưỡng đều chấp hành quy định, hạn chế thắp hương, đốt vàng mã, hạn chế tệ mê tín dị đoan. Lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng diễn ra trong không khí trang nghiêm, trang trọng, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm với nhiều hoạt động, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, đồng thời thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia. Nhận thức của người dân khi tham quan, tham gia lễ hội được nâng cao, không để xảy ra những hiện tượng phản cảm, gây bức xúc dư luận.

Đối với những cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng di tích, Thành phố đã đầu tư và huy động các nguồn lực, vận động đầu tư theo phương thức xã hội hóa cho công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, tạo mối kết hợp giữa bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa và môi trường thực hành tín ngưỡng tích cực, lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán dân tộc.

b) Tình hình tôn giáo

Do lịch sử truyền giáo, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm tôn giáo lớn trong cả nước, là nơi tập trung hầu hết cơ quan Trung ương của các giáo hội, với số lượng chức sắc, tín đồ, cơ sở thờ tự và các cơ sở xã hội, cung cấp nguồn nhân lực lãnh đạo chủ yếu cho các giáo hội và có mối quan hệ quốc tế rộng rãi liên quan đến tôn giáo; là nơi thường xuyên diễn ra các lễ hội tôn giáo với quy mô lớn, có tầm ảnh hưởng trên toàn quốc.



SAIGON 1964 – Lễ đài lễ Phật Đản trên Bến Bạch Đằng, cuối đường Nguyễn Huệ

Theo thống kê, hiện nay, trên địa bàn Thành phố có 11 tôn giáo với 33 tổ chức giáo hội được Nhà nước công nhận, cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo với 2.970 cơ sở tôn giáo; 157 dòng tu nam, nữ có trụ sở chính và văn phòng đại diện tại Thành phố; khoảng 3,9 triệu tín đồ (chiếm tỷ lệ 43% dân số Thành phố), hơn 10.000 chức sắc, hơn 3.000 chức việc, khoảng gần 7.000 tu sĩ nam nữ.

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo trước đây, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo Ban Tôn giáo Thành phố, các Sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đúng theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

5. Kiến trúc

Nguồn trích dẫn: Đánh giá hiện trạng công trình biệt thự theo tiêu chí về kiến trúc - Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh - Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định từ khi bắt đầu xây dựng đã có sự tiếp cận những ảnh hưởng của văn hóa Phương Tây, giai đoạn thịnh hành nhất là khoảng thời gian cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Ngay năm 1859, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã thừa hưởng một di sản đô thị rất có giá trị, như nhiều nhà đô thị học nước ngoài từng nhận định: “cái dấu ấn Pháp” của các đô thị ở Việt Nam là dấu ấn mà không phải quốc gia nào ở châu Á cũng có được. Hơn thế nữa, đặc biệt là cuộc sống bản địa không bị dung hòa và mai một đi.

Trong giai đoạn này, phong cách kiến trúc địa phương Pháp cũng là phong cách kiến trúc phổ biến nhất với số lượng nhiều nhất được áp dụng ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, phổ biến theo 5 phong cách kiến trúc sau:

Phong cách kiến trúc Tân Cổ Điển (1888 - 1920): Với tham vọng biến đổi bộ mặt Đông Dương ngày càng lớn thông qua việc áp đặt hình thái kiến trúc trang trí mặt tiền, phong cách hàn lâm thịnh hành này tại Pháp đã được đưa vào Việt Nam.

Phong cách kiến trúc Đông Dương (1920 - 1970): Ernest Hébrard đứng đầu bộ phận quy hoạch đô thị ở Đông Dương, đã đề xướng phong cách kiến trúc mới, kết hợp các nét Âu - Á mang tên “Kiến trúc phong cách Đông Dương” vào khoảng năm 1920. Đặc điểm kiến trúc là mái lợp ngói, sử dụng mái cong đầu đao (Việt Nam), hoặc mái cong lợp ngói ống (Trung Quốc), mái chồng diêm (mái 2 tầng). Trang trí bằng các họa tiết phù điêu, sử dụng cột cổ truyền Việt Nam hoặc Trung Quốc, đa số các công trình được bố trí thêm các sân trong, giếng trời để tăng sự thông thoáng và chiếu sáng tự nhiên. Các công trình vẫn mang nét truyền thống Việt Nam (tính đối xứng, nhà 3 gian 3 chái, có hàng hiên phía trước nhà hoặc 2 bên), nhưng về hình thức và chi tiết trang trí thì mang nét Tây Âu, hoặc Pháp - Hoa.



Bò kéo xe qua đường Charner, Saigon 1948. (Ảnh LIFE)

Phong cách kiến trúc Art Deco (1920 - 1945): Sử dụng các hình khối kinh điển trong bố cục không gian, các khối vuông, chữ nhật kết hợp với các khối bán trụ tạo ra một hình thức kiến trúc hiện đại giản dị; Hệ mái bằng được cấu tạo đặc biệt để phù hợp với khí hậu nhiệt đới Việt Nam. Cũng do cấu tạo mái bằng kiểu biệt thự này mà lần đầu tiên khái niệm sân thượng được đưa vào nhà ở của kiến trúc Việt Nam; Hoa tiết trang trí đơn giản không rườm rà như những phong cách kiến trúc trước.

Phong cách kiến trúc Hiện đại (1930 – 1940): Từ năm 1940 - 1954, Pháp không xây thêm bất kỳ công trình kiến trúc nào; Đồng thời với sự phát triển của kiến trúc Đông Dương, kiến trúc Pháp ở Sài Gòn theo trào lưu chung của Phương Tây nghiêng về “kiến trúc hiện đại” sơ kỳ, mang tính công nghiệp thời đại. Đặc điểm kiến trúc là sử dụng các khối hình học điển hình, mang tính quốc tế hóa, không còn tính dân tộc và địa phương.

Phong cách kiến trúc khác: Đó là sự pha trộn giữa nhiều phong cách kiến trúc khác nhau, là sự giao thoa giữa trường phái kiến trúc Phương Đông và Phương Tây.

Ảnh hưởng của các phong cách kiến trúc Phương Tây vào kiến trúc hiện đại đã tạo nên sự phong phú đa dạng của kiến trúc Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể tạm đưa ra đây một số công trình tiêu biểu như:

- Nhà thờ Đức Bà, nhà thờ Tân Định, nhà thờ Chợ Quán, nhà thờ Văn Lang,... với phong cách Romanesque là chủ đạo trong việc sử dụng các cung tròn trên các cửa sổ, cửa đi,...

- Nhà thờ Huyện Sĩ, nhà thờ Cha Tam nổi bật với phong cách Gothic trên hệ thống các khung cửa hình lưỡi mác nhọn sắc.

- Bảo tàng Thành phố, Bưu điện Thành phố, Tòa án Thành phố,... với phong cách Phục Hưng cân đối và giàu nhịp điệu trong sử dụng các dạng cột Hy-La.

- Dinh Xã Tây (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố), với phong cách Baroque thể hiện trên bề mặt tường đặt những nhóm tượng đa dạng.

- Dinh Norodom (nay là Dinh Độc Lập), Nhà hát Thành phố,... với phong cách cổ điển Pháp uy nghi khi sử dụng những mái cao (mansard), lợp ngói ardoise, cửa sổ mái (lucarnes),...

- Một kiểu pha trộn khá đặc sắc khác nữa, giữa hai phong cách văn hóa Hoa và Pháp trong khu vực Chợ Lớn (đường Triệu Quang Phục và Hải Thượng Lân Ông, Quận 5); hay ở khu vực chợ Cũ (đường Hồ Tùng Mậu, Quận 1) có thể thấy sự đa dạng hơn với những kiểu pha tạp giữa các yếu tố Việt - Hoa - Ấn - Hồi - Pháp trên các dãy phố này. (Ảnh tư liệu)



Hình ảnh Dinh Xã Tây xưa



Hình ảnh dinh Norodom xưa



Khu chung cư cũ trên đường Trần Hưng Đạo



Kiến trúc mái của Hội quán Ôn Lăng

IV. CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Gồm các phòng - ban: Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ban Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành phố, Thành ủy thành phố Thủ Đức, các Quận - Huyện ủy, Đảng ủy cấp trên cơ sở và và cơ sở trực thuộc Thành ủy.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Gồm các phòng - ban: Văn phòng Hội đồng Nhân dân Thành phố, Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Đô thị và Ban Văn hóa - Xã hội.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân 21 quận - huyện:

- Năm 2020, thành phố Thủ Đức được thành lập sau khi sát nhập 3 quận: Quận 2, 9 và Thủ Đức

- 16 quận nội thành: Quận 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Tân Bình, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Tân, Gò Vấp và Phú Nhuận

- 05 huyện ngoại thành: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ.

3.2. Các đơn vị Sở, Ban, Ngành Thành phố:

- Các cơ quan nội chính: Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố, Thanh tra Thành phố, Sở Tư pháp.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước cấp Sở: Sở Công thương; Sở Du lịch; Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố; Sở Giao thông vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Xây dựng; Sở Y tế.

- Các cơ quan ngành chuyên môn: Ban An toàn giao thông; Ban Dân tộc Thành phố, Ban Đổi mới Quản lý Doanh nghiệp; Ban Tôn giáo Thành phố; Cục Hải quan Thành phố; Cục Thống kê Thành phố; Cục Thuế Thành phố; Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố; Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố và Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và các Ban Quản lý, Trường, Hội, ...

4. Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1993: Thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1997: Tiếp nhận quản lý Tạp chí Người Du lịch từ Tổng Công ty Saigontourist, đổi tên thành Tạp chí Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2001: Nhận Huân chương Lao động hạng III

Năm 2005: Lần đầu tiên tổ chức các sự kiện thường niên:

- Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh
- Lễ hội Trái cây Nam Bộ
- Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - ITE HCMC
- Liên hoan Món ngon Các nước

Năm 2006: Nhận Huân chương Lao động hạng II

Năm 2007:

- Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2007

- Sở Du lịch triển khai xây dựng bộ nhận diện Vibrant Ho Chi Minh City

Năm 2008: Sở Du lịch hợp nhất với Sở Văn hóa Thông tin và Sở Thể dục Thể thao thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2011:

- Nhận Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng ngành du lịch giai đoạn 1975 - 2010 “Thương hiệu - Hội nhập - Phát triển”

Năm 2012: Thành lập Trung tâm Xúc tiến Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2013: Tổng đài Thông tin Du lịch 1087 được chính thức công bố

Năm 2014: Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh được tái thành lập, với 6 phòng chức năng chuyên môn và hai đơn vị trực thuộc là Trung tâm Xúc tiến Du lịch Thành phố và Tạp chí Du lịch Thành phố.

Năm 2015: Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015

Năm 2016:

- Nhận Cờ thi đua của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2016

- Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2016

Năm 2017: Ngành Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh đón du khách quốc tế thứ 6 triệu

Năm 2018: Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018

Năm 2019:

- Nhận Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thành tích tốt trong xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch năm 2019

- Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc công tác tổ chức, chăm lo Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

Năm 2020:

- Nhận Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thành tích tốt trong xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch năm 2020

- Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích Hoàn thành xuất sắc công tác phòng, chống dịch Covid-19

- Nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020

Năm 2021:

- Nhận Cờ thi đua của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021

- Tạp chí Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập mới, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-----o0o-----

GIÁM ĐỐC SỞ DU LỊCH QUA CÁC THỜI KỲ:

1. Bà **Kha Quỳnh Dung**, nhiệm kỳ 1993 - 1995;
2. Bà **Nguyễn Thị Thảo**, nhiệm kỳ 1996 - 1998;
3. Bà **Trương Ngọc Thủy**, nhiệm kỳ 1998 - 2000;
4. Bà **Nguyễn Thị Lập Quốc**, nhiệm kỳ 2001 - 2007;
5. Bà **Đổng Thị Kim Vui**, nhiệm kỳ từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008;
6. Bà **Văn Thị Bạch Tuyết**, nhiệm kỳ từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 9 năm 2016;
7. Ông **Bùi Tá Hoàng Vũ**, nhiệm kỳ từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020;
8. Bà **Nguyễn Thị Ánh Hoa**, nhiệm kỳ từ tháng 10 năm 2020 đến nay.

B. DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ĐIỂM ĐẾN “AN TOÀN - SỐNG ĐỘNG - CỞI MỞ - TRẺ TRUNG - ĐẦY HỨNG KHỞI”

I. DI SẢN LỊCH SỬ

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Sài Gòn - Chợ Lớn và toàn Nam Kỳ trở thành nơi hoàn thành trọn vẹn cuộc Tổng Khởi nghĩa giành chính quyền, lật đổ chế độ thực dân, phát xít và phong kiến tay sai trên đất nước Việt Nam, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng ngay sau đó, khi thực dân Pháp tái chiếm Đông Dương làm thuộc địa, thành phố Sài Gòn lại trở thành nơi bắt đầu của Nam Bộ kháng chiến, mở đầu cho quá trình liên tục chống chiến tranh xâm lược hàng chục năm sau đó.

Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh là nơi mở đầu cho cuộc kháng chiến anh dũng ở Nam Bộ chống quân xâm lược Pháp, cũng là nơi kết thúc thắng lợi hoàn toàn quá trình 30 năm trường kỳ đấu tranh giành độc lập, thống nhất non sông. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại Sài Gòn - Gia Định, là hình ảnh đẹp nhất, rõ rệt nhất về Sài Gòn - Gia Định “Thành đồng của Tổ Quốc”, “đi trước về sau”, kiên cường, bất khuất để Tổ quốc thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà.

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh có 02 Di tích được xếp hạng Quốc gia đặc biệt, 24 Di tích lịch sử xếp hạng cấp Quốc gia và 50 Di tích lịch sử xếp hạng cấp Thành phố. Có thể tự hào khẳng định, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn lưu giữ rất nhiều những công trình mang đậm dấu ấn lịch sử đầy hào hùng và anh dũng của các thế hệ cha anh đi trước.

1. Dinh Độc lập

Năm 2009, Dinh Độc Lập được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt.

Tên gọi:

Từ khi được xây dựng trên mảnh đất này cho đến nay, Dinh đã mang thêm 3 tên gọi khác nhau và chứng kiến 3 thời kỳ lịch sử khác nhau của Việt Nam.

- Dinh Norodom (1868 - 1954)
- Dinh Độc Lập (1954 - 1975)
- Dinh Độc Lập (Năm 1975 đến nay).

Địa chỉ: Số 135 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Dinh Độc Lập có diện tích tổng cộng là 120.000 m² (300m x 400m).

Sau khi chiếm xong Lục tỉnh Nam Kỳ, năm 1858, chính quyền Pháp cho thiết kế và xây dựng tại trung tâm thành phố Sài Gòn một dinh thự và

đặt tên là Dinh Norodom.

Công trình được khởi công ngày 23 tháng 2 năm 1868 và hoàn tất năm 1871. Thống đốc Pháp tại Nam Kỳ là La Grandière đã đặt viên đá đầu tiên. Lúc đầu Dinh là nơi ở của các Thống đốc Nam Kỳ, về sau Dinh trở thành phủ toàn quyền Pháp tại Đông Dương.

Từ năm 1871 - 1945, đã có nhiều đời toàn quyền Pháp đã sử dụng dinh thự này làm nơi ở và nơi làm việc trong suốt thời gian ở Đông Dương. Thống đốc đầu tiên ở và làm việc tại đây Thủy sư đô đốc Roze (1871).

Từ tháng 9 năm 1945 - 1954, Dinh Norodom được sử dụng là trụ sở làm việc của chính quyền Pháp tại Sài Gòn - Gia Định, người cuối cùng là Cao ủy tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, đại tướng Paul Ely (1954).

Ngày 07 tháng 9 năm 1954, đại tướng Paul Ely, Cao ủy tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương thay mặt cho nước Pháp đã trao trả Dinh Norodom cho đại diện nhà cầm quyền Sài Gòn là Ngô Đình Diệm (ông Ngô Đình Diệm lúc này làm Thủ tướng). Ngày 08 tháng 9 năm 1954, ông Ngô Đình Diệm đã chính thức đổi tên Dinh Norodom thành Dinh Độc Lập.

Từ tháng 9 năm 1954 đến tháng 2 năm 1962, Dinh Độc Lập là nơi ở và nơi làm việc của Tổng thống Ngô Đình Diệm và gia đình cố vấn Ngô Đình Nhu.

Ngày 27 tháng 2 năm 1962, Dinh Độc Lập bị quân đảo chính ném bom làm sập một phần cánh trái, vì không thể khôi phục được như cũ nên Tổng thống Ngô Đình Diệm quyết định cho phá hủy toàn bộ Dinh cũ và xây dựng lại Dinh thự mới ngay trên nền đất đó, nhưng vẫn giữ tên Dinh Độc Lập.

Ngày 01 tháng 7 năm 1962, Dinh Độc Lập mới được khởi công xây dựng với bản đồ án thiết kế của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, người Việt Nam đầu tiên đoạt giải Khôi nguyên La Mã về kiến trúc.

Đầu tháng 11 năm 1963, cuộc đảo chính giết chết anh em Tổng thống Diệm - Nhu đã làm cho công trình này bị đình trệ 6 tháng, đến tháng 3 năm 1964, việc xây dựng Dinh mới được tiếp tục và hoàn thành ngày 31 tháng 10 năm 1966 (trong thời gian xây dựng Dinh thự, gia đình Tổng thống Ngô Đình Diệm chuyển sang sống tại Dinh Gia Long; công trình đang dở dang thì Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát. Vì vậy có thể nói, Tổng thống Ngô Đình Diệm là người khởi xướng xây dựng dinh thự này nhưng ông không được sống ở đây một ngày nào; người sống ở đây lâu nhất là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu).

Từ tháng 10 năm 1967, ông Nguyễn Văn Thiệu với tư cách là Tổng thống đệ nhị Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đã đến sống tại Dinh thự này cho đến ngày 21 tháng 4 năm 1975.

Mùa xuân năm 1975, ngày 30 tháng 4 năm 1975, lực lượng quân Giải phóng đã tiến vào Dinh Độc Lập, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh và chiến dịch giải phóng hoàn toàn Miền Nam. Dinh Độc Lập trở thành điểm hội tụ của chiến thắng.

Tháng 11 năm 1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất hai Miền Nam - Bắc đã diễn ra tại Dinh Độc Lập.

2. Cầu Mống

Năm 2014, Cầu Mống được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Cầu Mống

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 và đường Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Cầu Mống bắc qua rạch Bến Nghé, nơi giáp ranh giữa Quận 1 và Quận 4 hiện nay.

Cầu có một nhịp, theo dạng vòm cong như cầu vồng nên có tên gọi là cầu Mống, Cầu do Công ty vận chuyển hàng hải Messageries Maritimes của Pháp bỏ vốn xây dựng những năm 1893 - 1894, là một trong những cây cầu đầu tiên do người Pháp xây dựng nhằm giảm bớt giao thông trên cầu Quay (tiền thân cầu Khánh Hội ngày nay).

Kỹ thuật xây dựng cầu độc đáo, chỉ có một hệ thống cầu vượt bằng thép dài 128m, rộng 5,2m, lể 0,5m, không tay vịn, theo kỹ thuật Eiffel và do Levallois - Perret - một chi nhánh của công ty Eiffel ở Sài Gòn thực hiện. Phần chịu lực của cầu dồn về phía các mố cầu, phần ở giữa cao hơn nên không gây cản trở đến việc đi lại của các ghe thuyền di chuyển trên rạch Bến Nghé. Dốc cầu được xây bằng đá và độ dốc vừa phải, hai bên đầu cầu có cầu thang lên xuống dành cho người đi bộ. Đây được xem là cây cầu sắt hiện đại nhất lúc bấy giờ.



Trong giai đoạn thi công Đại lộ Đông - Tây và Đường hầm sông Sài Gòn, cầu Mống được tháo dỡ hoàn toàn, sau khi công trình này hoàn tất thì cầu Mống đã được lắp ghép lại theo nguyên bản và gia cố thêm phần trụ móng và trang bị chiếu sáng mỹ thuật.

3. Cột cờ Thủ Ngũ

Năm 2016, Cột cờ Thủ Ngũ được xếp hạng là Di tích lịch sử cấp Thành phố

Tên gọi: Cột cờ Thủ Ngũ, còn gọi là cột tín hiệu

Địa chỉ: Bến Bạch Đằng, đường Tôn Đức Thắng, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Cột cờ Thủ Ngũ được xây dựng khoảng nửa đầu thế kỷ 19 đến nay đã hơn 150 năm, sự hình thành, lưu truyền về lịch sử cột cờ Thủ Ngũ tại bến Bạch Đằng là đóng góp phong phú cho danh mục các địa danh xưa khi tìm hiểu giá trị lịch sử - văn hóa của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Công trình cột cờ Thủ Ngũ tọa lạc trên mũi đất ở ngã ba sông Sài Gòn và rạch Bến Nghé; ngày nay, tiếp giáp tuyến đường Tôn Đức Thắng - đường Võ Văn Kiệt; đồng thời tiếp giáp một bên công trình cầu Khánh Hội.

Giữa thế kỷ 19, thực dân Pháp nổ súng xâm chiếm Đà Nẵng (1858) rồi đến Sài Gòn - Gia Định (1859). Sau khi chiếm và phá xong Thành Gia Định (Thành Phụng), thực dân Pháp nhanh chóng cho xây dựng các công trình, cơ sở phục vụ nhu cầu khai thác thuộc địa. Pháp cho xây dựng khu hành chính bao gồm nhiều dinh thự, cơ sở hành chính, bệnh viện, nhà thờ, cầu đường,... Các công trình đã làm thay đổi diện mạo Sài Gòn rất nhiều.

Do vị trí thuận lợi, công thương nghiệp phát triển đã làm xuất hiện nhiều công trình kiến trúc phục vụ cho doanh thương và sản xuất công nghiệp. Khu vực Bến Nghé - Sài Gòn, các bến cảng được xây dựng phục vụ cho thương nghiệp ngày càng phát triển. Để tàu thuyền thuận tiện ra vào vận chuyển hàng hóa và biết thông tin tàu nhổ neo, cập bến, tàu di chuyển trên sông Sài Gòn vào vàm rạch Bến Nghé và cả các tàu thuyền qua lại tiền cảng Vũng Tàu, người Pháp đã cho xây một cột tín hiệu rất cao, đứng xa hàng cây số vẫn nhìn thấy. Cột tín hiệu có tên gọi là Mât des Signaux (cột cờ Thủ Ngũ).

Một số tài liệu có ghi chép về hai mốc xây dựng cột cờ Thủ Ngũ là năm 1863 và năm 1865. Nhưng một tài liệu khác lại nêu rằng cột cờ xây dựng vào tháng 10 năm 1865. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa xác định được cột cờ Thủ Ngũ được xây dựng và khánh thành vào năm nào.

Theo “*Gia Định phong cảnh vịnh*” Trương Vĩnh Ký ghi chép, xuất bản năm 1882 và Nguyễn Đình Đầu giới thiệu, Nhà Xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh phát hành năm 1997 có ghi:

...“Gia Tân nền trạm thuở xưa

Ngày nay có dựng cột cờ gần bên”...

Và có chú giải rằng: “Trạm Gia Tân thuở trước ở tại vàm Bến Nghé, nơi có dựng cột cờ Thủ Ngũ bây giờ đó”. Qua hai câu thơ trên biết được thuở trước nơi đây có cái trạm mang tên gọi Gia Tân, nhưng trạm xây năm nào, được sử dụng với mục đích gì thì không được nhắc đến. Nhưng ở cái nền trạm ấy nay thấy có Cột cờ được dựng gần bên. Như vậy, căn cứ vào tài liệu này có thể nói rằng Cột cờ Thủ Ngũ được xây dựng những năm đầu thời kỳ Pháp thuộc ở Sài Gòn, khoảng thời gian tương đối nhất là thập niên 60 của thế kỷ 19.



Cột cờ Thủ Ngũ (Nguồn: Zing.vn)

Vì sao cột cờ mang tên “Thủ ngũ”? Theo từ điển: “Thủ Ngũ” là ngôn ngữ ám hiệu bằng tay. Tuy nhiên, theo từ điển Hán – Việt: “Thủ” là đầu, phía đầu, phần đầu; còn “Ngũ” là tín hiệu, động tác để truyền đạt tư tưởng, tin tức. Vậy, đây là cột có công năng treo vật báo hiệu.

Trong bài viết cột cờ Thủ ngũ của tác giả Kim Sơn đăng trên tạp chí Xưa và Nay, số 7, năm 1997 có nêu: Cột cờ được xây dựng với mục đích quan sát tàu thuyền qua lại trên sông Sài Gòn. Theo học giả Vương Hồng Sển mô tả: “Trên chót ngọn cờ thường thấy treo ám ngữ, ban ngày là cờ vải, cờ màu, hoặc một quả bóng sơn đen, ban đêm thì treo một ánh đèn, khi trắng khi đỏ, tức là ám hiệu báo tin cho tàu bè biết hiệu lệnh tránh lỗ rạn hiểm nguy, ghe thuyền qua lại, trong lúc vô ra sông Sài Gòn”. Từ đó đến nay, Cột cờ đã trải qua nhiều lần xuống cấp và trùng tu.

Trong giai đoạn 1890 - 1910, Cột cờ được dựng lại bằng sắt, cao 35m và bổ sung thêm sàn đứng kéo cờ. Cầu tàu trước Cột cờ được mở rộng. Khu vực gần Cột cờ có thêm một số công trình phục vụ cho chức năng bến cảng như tòa nhà kiểm tra thuế quan và nhà kho. Một số công trình lớn và quan trọng của khu vực được hình thành ở khu vực xung quanh Cột cờ, tiêu biểu là Bến cảng Nhà Rồng và trụ sở Cục Hải quan Thành phố ngày nay.

Trong những năm 1920, một công trình hình bát giác một tầng có mái dốc được xây dựng dưới chân Cột cờ. Cầu tàu trước Cột cờ được mở rộng. Khu vực trước Cột cờ có một quầy bán hàng giải khát tên tiếng Pháp là La Pointe des Blagueurs, dịch ra có nghĩa là Mũi Tán dóc.

Vào những năm 1930, kiến trúc Cột cờ không có sự thay đổi lớn. Các nhà kho, quầy bán hàng và công trình xung quanh được tháo dỡ để xây dựng một công viên dọc bờ sông Sài Gòn và rạch Bến Nghé. Đến những năm 1940, Cột cờ được xây dựng lại với hình thức kiến trúc có sự thay đổi.

Từ năm 1975 - 2000, công trình trải qua một số lần cải tạo và bỏ phần mở rộng được xây dựng từ những năm 1960. Năm 2011, công trình được trùng tu với hình dạng kiến trúc được thấy như ngày nay.

Ngày nay, cột cờ Thủ Ngữ không còn giữ chức năng báo hiệu cho tàu thuyền ra vào sông Sài Gòn, mà trở thành điểm ngắm cảnh, tham quan tìm hiểu cội nguồn - nơi ghi dấu những giá trị lịch sử hình thành và phát triển của Thành phố cho bao thế hệ người dân.

Công trình cột cờ Thủ Ngữ tọa lạc trên khu công viên có diện tích 2.907 m², tiếp giáp đường bờ kè sông Sài Gòn. Khu công viên là mũi đất nhô ra sông, ở phần nhô ra được bao hình vòng cung. Cột cờ có hình dáng như cột thuyền buồm, được làm bằng sắt, hình trụ tròn, sơn màu xám. Cột cờ gồm có hai đoạn: một đoạn trụ dài và một đoạn trụ ngắn. Gần đỉnh trụ dài có bộ quan sát diện tích nhỏ, hình bán nguyệt, bộ quan sát được đặt trên bộ đỡ bằng sắt, hàn chắc chắn vào thân cột. Xung quanh bộ quan sát có các thanh sắt kết nối với nhau tạo thành lan can bảo vệ người đứng quan sát. Từ bộ quan sát có một đoạn trụ ngắn, trên thân trụ có hai kết cấu khung hình tam giác có tác dụng làm điểm neo dây chằng góp phần giữ thăng bằng cho cột cờ. Cột cờ được giữ đứng vững bởi phần chân được lắp đặt chắc chắn với nền đất và các dây thép chằng về bốn góc. Hai thang để lên bộ quan sát được cấu tạo bởi các dây thép, buộc chặt từ cột cờ đến mặt đất; được đặt ở hai hướng. Đồng thời, hệ thống thang dây cũng giúp giữ thăng bằng chắc chắn cho cột cờ.

Phía dưới cột cờ là khối công trình gồm: nhà sáu cạnh được xây kết nối với nhà hình bát giác. Nhà hình bát giác được xây cao hơn nhà sáu cạnh một đoạn khoảng 60cm. Khối công trình có hai tầng mái được lợp ngói. Tiếp giáp phía dưới mái nhà bát giác là đoạn tường có các lam gió hình sóng nước lồng vào nhau.

Hiện nay, khối công trình này được sử dụng làm phòng trưng bày, giới thiệu hình ảnh về lịch sử hình thành và phát triển Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngã Ba Giồng

Năm 2002, Ngã Ba Giồng được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia

Tên gọi: Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng

Địa chỉ: Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Khu di tích Ngã Ba Giồng là nơi tố cáo tội ác thực dân Pháp đã sát hại nhiều chiến sĩ cách mạng sau ngày Nam Kỳ Khởi nghĩa.

Ngã Ba Giồng là một khu đất gò, có diện tích trên 2.300 m² nằm trong ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, giáp ranh ấp 3 và 5 xã Xuân Thới Thượng. Ngã Ba Giồng còn có tên là Ngã Ba Bằng Lăng vì trên có trồng nhiều cây bằng lăng.

Khu vực này thực dân Pháp đã xây dựng thành bãi xử bắn các chiến sĩ cách mạng sau ngày Nam Kỳ Khởi nghĩa. Điểm bắn chiếm khoảng đất rộng, hình thang có hai cạnh đáy 18m và 60m, hai cạnh xiên 42m và 46m bao quanh bởi ba con đường Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Bứa và tỉnh lộ 9 (đường đi Đức Hòa - Long An). Trên gò này, thực dân Pháp cho cắm một hàng 6 cột, cao 2,2m, cách đều nhau 2,8m. Cột bằng gỗ tròn có đường kính 20cm, chân cột dính chặt xuống đất bằng xi măng trộn đá xanh khiến cột đứng rất vững mặc dù mưa gió. Phía sau hàng cột này, đắp mô đất dài và cao trên 2m. Mô đất có chiều dài 22m và cách hàng cột độ 1,5m dùng để chắn đạn. Trước hàng cột là khoảng đất rộng, trồng trái giáp ranh đường lộ (đường Phan Văn Hớn bây giờ). Khu vực này tráng xi măng và dùng làm điểm tập trung cho việc chuẩn bị xử bắn.

Trước khi dựng điểm bắn Ngã Ba Giồng, thực dân Pháp đã xử bắn tại Ngã Tư Giếng Nước (nay là bệnh viện đa khoa Hóc Môn) các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng như: đồng chí Hà Huy Tập - Tổng Bí thư, đồng chí Võ Văn Tần, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - Xứ ủy viên kiêm Bí thư Thành ủy. Khu vực gần rạp hát, đã xử bắn đồng chí Phạm Văn Xứng - Bí thư Huyện ủy Hóc Môn, đồng chí Đặng Công Bình chỉ huy cuộc khởi nghĩa tại Hóc Môn. Đây là thời điểm khốc liệt nhất trong cuộc chiến chống thực dân Pháp. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ tuy thất bại nhưng là tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa năm năm sau đó để giành thắng lợi cách mạng mùa thu lịch sử tháng 8 năm 1945.

Di tích Ngã Ba Giồng có giá trị rất lớn về lịch sử cách mạng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngã Ba Giồng cho thấy lòng dũng cảm và khí tiết của đồng bào chiến sĩ trong nước là vô tận. Máu càng đổ ở Ngã Ba Giồng thì sức chiến đấu của nhân dân ta càng dâng cao. Thực dân Pháp càng răn đe trấn áp thì phong trào đấu tranh càng nở rộ. Thực dân Pháp lập bãi bắn Ngã Ba Giồng nhằm thực hiện một khía cạnh trong mưu đồ nhưng mưu đồ này lại phản tác dụng. Hàng ngàn người ngã xuống tại Ngã Ba Giồng thì lại có hàng ngàn chiến sĩ khác tiếp nối ý chí lớp người đi trước. Khi sử dụng bãi bắn Ngã Ba Giồng, thực dân Pháp hy vọng dập tắt ngọn lửa khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng không lường được đó là chính từ bãi bắn Ngã Ba Giồng đã kích thích từng đợt đấu tranh mãnh liệt trong nhân dân ta và sau này dẫn đến cuộc Nam Bộ Kháng chiến.



Khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng

Sau ngày Giải phóng Miền Nam, chính quyền Thành phố đã nhanh chóng dọn dẹp, phục hồi lại di tích Ngã Ba Giồng. Thời gian này, các lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh thường đến viếng điểm di tích Ngã Ba Giồng trong dịp kỷ niệm Nam Kỳ Khởi nghĩa hàng năm.

Năm 1980, huyện Hóc Môn quy hoạch lại Ngã Ba Giồng, phục hồi toàn bộ khu di tích với 6 cột gỗ dùng để cột các chiến sĩ cách mạng, đắp lại ụ đất dài phía sau hàng cột dùng chắn đạn, tráng xi măng mặt bằng điểm di tích, đặt một lư hương bằng xi măng cao 0,6m, đường kính 0,5m.

Ngoài ra cách điểm di tích 300m, còn có một nhà truyền thống và một nhà khách nhằm phục vụ các đoàn đến tham quan di tích Ngã Ba Giồng. Nhà truyền thống trưng bày hình ảnh, tư liệu về giai đoạn lịch sử diễn ra Nam Kỳ Khởi nghĩa và một số ảnh về các chiến sĩ hy sinh tại Ngã Ba Giồng.

Hàng năm vào các ngày lễ lớn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Thành phố Hồ Chí Minh thường tổ chức những đêm lửa trại để ôn lại truyền thống đấu tranh của lớp người đi trước tại Di tích Ngã Ba Giồng.

5. Địa đạo Củ Chi

Năm 2015, Địa đạo Củ Chi được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt.

Tên gọi:

Địa đạo Củ Chi còn gọi là Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố (nay gọi là Bộ Tư lệnh Thành phố).

Di tích còn có tên gọi khác là Địa đạo Bến Dược - là tên gọi Bến đồ Dược: đồng thời còn có tên gọi được sử dụng trong các văn bản nhằm đảm bảo tính bí mật trong chiến tranh như: căn cứ T4, I4 là mật danh của quân khu Sài Gòn - Gia Định, căn cứ phân khu 1 (tháng 10 năm 1967 - tháng 4 năm 1972).

Địa chỉ: Ấp Phú Hiệp thuộc xã Phú Mỹ Hưng, căn cứ Hồ Bò - địa danh Hồ Bò, tại ấp Phú Hiệp thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Địa đạo Củ Chi là căn cứ của Khu ủy, Quân khu Sài Gòn - Gia Định và Huyện ủy Củ Chi, gắn liền với vai trò lãnh đạo của các cơ quan lãnh đạo vùng Sài Gòn - Gia Định. Đồng thời, Địa đạo Củ Chi là một công trình kiến trúc quân sự được kiến tạo trong lòng đất có tác dụng to lớn trong cuộc chiến tranh nhân dân của quân và dân Củ Chi nói riêng và Nam Bộ nói chung, có giá trị lịch sử và khoa học trên nhiều phương diện: nghệ thuật chiến đấu, nghệ thuật cấu trúc và giá trị nhân văn... trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước và tồn tại, phát huy giá trị cho đến ngày nay.

Do yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Địa đạo Củ Chi được hình thành từ rất sớm, khoảng năm 1948, đầu tiên tại hai xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An. Lúc đầu địa đạo chỉ có từng đoạn ngắn, chủ yếu là để bám trụ hoạt động trong vùng địch và tên Địa đạo Củ Chi xuất hiện từ đó đến nay.

Sang giai đoạn từ 1961, sau khi Khu ủy và Quân khu Sài Gòn - Gia Định chọn Củ Chi làm căn cứ, địa đạo trở thành nhu cầu cấp thiết, vừa có tác dụng trú ẩn bảo toàn lực lượng vừa để tấn công tiêu diệt địch, bảo vệ căn cứ cách mạng, bảo vệ quê hương, nên đã trở thành một phong trào mạnh mẽ, sôi nổi của quân dân Củ Chi và lực lượng bám trụ chiến đấu tại đây. Cho đến thời điểm 1963-1966, Địa đạo Củ Chi phát triển thành hệ thống liên hoàn, nhất là ở các xã phía Bắc thuộc vùng giải phóng Củ Chi với hơn 200km tỏa rộng trong lòng đất, kết hợp với hệ thống chiến hào, công sự trên mặt đất, tạo thành trận đồ rộng lớn như thiên la địa võng.

Hầm bí mật cấu tạo theo nhiều cách, nhưng chủ yếu là trong lòng đất, chỉ có một miệng lên xuống vừa lọt vai người và có lỗ thông hơi để thở. Người cán bộ ở dưới hầm, đóng nắp lại và được nguy trang kín đáo, kẻ địch đi trên mặt đất khó phát hiện được căn hầm. Sau này, có sáng kiến cần phải kéo dài hầm bí mật thành những đường hầm và trở lên mặt đất bằng nhiều cửa bí mật để vừa trú ẩn vừa đánh lại quân địch và khi cần sẽ thoát khỏi chỗ nguy hiểm đến một nơi khác.

Hầm bí mật được đào quanh nhà, quanh vườn và trong rừng, ở những nơi cây cối rậm rạp. Ban đầu các hầm chỉ đào riêng lẻ, dần dần để linh hoạt chạy tránh giặc và chiến đấu, các hầm được kéo dài, nối thông với nhau, nối với các ụ chiến đấu và giao thông hào, từ nhà này sang nhà khác, từ xóm này sang xóm khác tạo thành hệ thống hầm bí mật liên gia, kết hợp với hầm chông, cạm bẫy tạo nên một thế trận lợi hại. Mỗi đoạn địa đạo đều phải đào và dọn dẹp dứt điểm ngay hôm đó, nguy trang cẩn thận không để bị phát hiện. Miệng địa đạo thường trở lên ở giữa bụi tre, bụi tầm vông hoặc nơi kín đáo, bất ngờ mà không bị nghi ngờ... nắp bằng gỗ (loại gỗ tốt, ít bị mối mọt), được nguy trang rất kỹ. Quanh miệng địa đạo có bố trí hầm chông, hố đinh, gài trái nổ, ...



Từ năm 1965-1966, khi quân đội Mỹ ào ạt đưa quân vào miền Nam để tham chiến và tổ chức đánh phá địa đạo một cách quy mô với phương tiện hiện đại. Quân và dân Củ Chi thực hiện khẩu hiệu: “một tắc không đi, một ly không rời”, bộ đội, dân quân du kích, cơ quan Dân Chính Đảng cùng với nhân dân ra sức xây dựng hoàn thiện địa đạo, chiến hào, công sự, xây dựng “xã ấp chiến đấu”, xây dựng “làng ngầm” trong địa đạo, thiết lập vành đai xung quanh căn cứ Đồng Dù, tạo thành thế trận vững chắc, với hàng chục hạng mục công trình có độ dài đường xương sống khoảng 200km, cùng với hệ thống bãi tử địa, hầm chông, bom mìn, ụ ổ chiến đấu và hệ thống vành đai.

Hệ thống địa đạo hoàn thành với hàng chục công trình. Địa đạo có cả những hầm rộng làm phòng họp, xưởng sản xuất vũ khí, hầm quân y, kho hậu cần, bếp và hầm ngủ. Người dân đã đưa cả nơi ăn chốn ở xuống sâu dưới đất, mọi sinh hoạt chuyển hẳn vào lòng đất: nấu nướng, ăn ngủ, học tập, giải trí đều ở dưới hầm. Sản xuất thủ công như may mặc áo quần, đan lát cũng dưới hầm.

Vì vậy mà làng xã chiến đấu ở cùng giải phóng mang tên “Làng ngầm”. Dưới đó, người dân dự trữ lương thực, thực phẩm, có cả chỗ cất giấu đồ dùng, dụng cụ sản xuất. Bố trí được cả chỗ để chăn nuôi lợn, gà và nhốt trâu bò tránh đạn. Có gia đình sắp xếp nhà của mình một cách ngăn nắp, gọn gàng, có giường phản, bàn ghế, hòm, ... tử tế. Nơi ngủ, nơi tiếp khách riêng biệt. Vẫn có chỗ để bàn thờ ông bà. Nếu là cơ quan thì trong địa đạo bố trí: phòng làm việc, phòng ăn, phòng ngủ, chỗ nghỉ ngơi, phòng hội họp, bếp Hoàng Cầm cải tiến, giếng nước, nhà vệ sinh,... Cơ quan y tế thì có hầm giải phẫu, hầm điều trị thương binh, bệnh binh,... Tất cả cố gắng tạo ra cuộc sống ổn định bình thường, không khác biệt so với cuộc sống trên mặt đất.

Địa đạo đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, được đánh giá là công trình vĩ đại và độc đáo của Việt Nam.



6. Căn cứ Rừng Sác

Năm 2004, Căn cứ Rừng Sác được xếp hạng là Di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Tên gọi: Căn cứ Rừng Sác Cần Giờ

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Rừng Sác có diện tích 710km², giới hạn bởi sông Soài Rạp và quốc lộ 15 chạy dài từ Sài Gòn ra biển. Trong hệ thống sông ngòi của Rừng Sác có bốn sông lớn: Soài Rạp, Đồng Tranh, Thị Vải và Lòng Tàu. Chiều rộng và độ sâu của lòng sông Lòng Tàu rất thuận tiện cho tàu lớn đi lại. Vì thế đã từ lâu sông Lòng Tàu đã trở thành đường thủy quan trọng từ biển vào Sài Gòn. Quân đội Pháp và Mỹ đều sử dụng trục đường thủy chiến lược này để đưa vũ khí vào Sài Gòn, từ đó cung cấp cho các chiến trường. Tuy nhiên, Rừng Sác - Cần Giờ có địa hình đó rất thuận lợi cho chiến thuật du kích, đây chính là mối hiểm họa đối với tàu bè quân sự của địch trên sông. Do điều kiện địa lý, dân cư như thế, Rừng Sác từ lâu đã trở thành địa bàn có tầm quan trọng chiến lược về quân sự, vì vậy Cần Giờ có tổ chức Đảng từ rất sớm.

Trong Cách mạng Tháng Tám, các xã ở Cần Giờ đã giành được chính quyền và thành lập Chính quyền cách mạng: xã Bình Khánh, Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Cần Thạnh, Long Thạnh, Đồng Hòa và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của khu vực Vũng Tàu, Nhà Bè.

Lực lượng vũ trang cách mạng có mặt đầu tiên tại Rừng Sác là lực lượng Bình Xuyên mà thủ lĩnh là Dương Văn Dương. Ông xuất thân là một giang hồ hào hiệp, vốn là một nông dân nghèo mang dòng máu Thiên địa hội của cha, Dương Văn Dương sớm nắm bắt được chủ trương cách mạng, thành lập lực lượng lấy tên Bình Xuyên, một tên ấp của làng Chánh Hưng (Quận 8 bây giờ), lực lượng bao gồm các nhóm vũ trang giang hồ trong “Bình Xuyên”. Thanh thế vang dội Sài Gòn, Chợ Lớn và lan ra Lục tỉnh. Tháng 8 năm 1945, lực lượng Bình Xuyên tự hào đứng vào “Mặt trận Việt Minh”. Mỗi thủ lĩnh Bình Xuyên được cách mạng giao cho một cương vị chỉ huy.

Cuối năm 1945, Dương Văn Dương đã về Rừng Sác chọn năm điểm để xây dựng căn cứ. Từ đó, căn cứ Rừng Sác của các lực lượng cách mạng hình thành. Nơi đây lần lượt có mặt gần một trăm bộ phận từ cấp thoát ly, hậu cứ của các cơ quan lãnh đạo các tỉnh Gò Công, Chợ Lớn, Bà Rịa, thị xã Vũng Tàu, các cơ quan kháng chiến Sài Gòn (liên hiệp công đoàn,

biệt động, công an xung phong, ...), các cơ quan Dân Chính, Đảng các quận Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đức, Hòa Tân (Gò Công), các xã đất liền phía Tây sông Soài Rạp.

Đầu năm 1947, theo sự chỉ đạo của Trung ương về tăng cường lực lượng cho Nam Bộ và công tác vận động Bình Xuyên, một trong những tiểu đoàn Nam tiến từ Hà Nội đã vào Nam mang tên Dương Văn Dương làm nòng cốt, kết hợp với chi đội 13, thành lập trung đoàn Dương Văn Dương tại Rừng Sác. Lễ thành lập tổ chức ngày 21 tháng 02 năm 1948 tại ấp Gia Thuận, xã Lý Nhơn. Đây là trung đoàn đầu tiên của miền Đông Nam Bộ.

Bộ đội Rừng Sác trong kháng chiến chống thực dân Pháp đã lập nên nhiều chiến công vang dội. Chiến công lớn nhất là trận đánh chìm tàu Louberbier trọng tải 7.000 tấn trên sông Lòng Tàu bằng thủy lôi do các chiến sĩ của trung đoàn 300 thực hiện. Đó là chiếc tàu của thực dân Pháp bị đánh chìm lớn nhất từ trước tới giờ trên sông Lòng Tàu. Từ đó, trên sông này có hẳn một đại đội dùng thủy lôi chuyên đánh tàu của địch trên sông rạch Rừng Sác.

Tối ngày 19 tháng 3 năm 1950, đội biệt động của trung đoàn 300 đã dùng 3 khẩu súng cối 82mm nã 20 phát đạn vào hai chiếc tàu của Mỹ Stichden và Anderson đậu trên sông Sài Gòn, hợp sức cùng với nhân dân Sài Gòn biểu tình chống sự can thiệp của quân đội Mỹ. Trong đó có sự đóng góp hết sức ý nghĩa của các chiến sĩ Rừng Sác.

Thời kỳ chống Pháp, các đơn vị Rừng Sác - Cần Giuộc có một số đơn vị đóng quân trong nhà dân, đình miếu hoặc trong rừng đã miêu tả như sau:

“Những ngôi nhà kháng chiến nối nhau qua cầu khỉ, thấp thoáng trong rừng nước mặn. Nhà sàn Rừng Sác đi vào lịch sử kháng chiến như chòi dựng ở Tháp Mười, nhà lá trung quân ở miền Đông Nam Bộ. Những đường cầu chà là dài dằng dặc, nối liền từ gò nổi này sang cù lao kia giống như những lối mòn của chiến khu đất liền”. Hầm trú ẩn đắp nổi, cao 1,5m. Bên cạnh căn cứ của quân đội là các chòi của nhân dân đi theo kháng chiến, cơ quan kháng chiến ở đâu thì dân dựng chòi ở đó. Việc đóng quân không cố định nơi nào mà thường xuyên thay đổi.



Căn cứ Rừng Sác - Căn Giò trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được miêu tả như sau:

“Việc sinh hoạt không như trên rừng hay đất liền, tha hồ đào công sự, làm lều trại, với địa bàn sông nước mênh mông, dòng thủy triều lên xuống hai lần mỗi ngày đêm, quanh năm mặn đắng sinh lầy, sông rạch chằng chịt, nên toàn bộ căn cứ phải dựng trên sạp đước, sạp chà là, làm cầu sà n nổi trên mặt nước để sinh hoạt, họp hành, cả đau ốm đều phải ngồi xồm hay đi lại trên cầu bắt dài, dẫu mình trong những lùm cây rậm rạp, còn phải chằng dây móc chống chọi với trực thăng rà soát truy tìm căn cứ. Hầm hố thì chặt gỗ làm sườn, khung chắc chắn xong đắp bùn lên cao khỏi mặt nước để phòng chống đạn pháo, đạn bắn thẳng từ tàu chiến trên sông, mỗi đơn vị đại đội hay tiểu đoàn đều bố trí phân tán nhỏ ra để khỏi bị lộ lưng. Mỗi khi đi hành quân hay công tác đều phải chờ lúc nước lớn để đi bằng ghe xuống chèo bơi. Trong thời kỳ kháng chiến ác liệt không còn một ghe xuống còn nguyên vẹn, thì có cách hành quân bằng đi bộ, mỗi người nhất thiết phải có đôi giày vải cao cổ (thường gọi là giày bắt cua) để chống chọi lại gai chà là (rất nhọn lại giòn dễ gãy, khi đâm vào da thịt lập tức để lại đầu nhọn không thể đi được nếu chưa cạy ra, phải chờ vài ngày mưng mủ để nặn hơn), rễ đước cứng đâm thủng chân, cú thế băng rừng, gặp rạch cạn thì lội qua, khi thủy triều dâng cao cứ hai người một, căng tấm ni lông choàng mưa ra, chắt súng đạn, bong bị lên, mỗi người nắm một đầu tấm ni lông nhanh chóng bơi qua rạch, leo lên sinh lầy, rũ tấm choàng cột vào thắt lưng, vác súng mang bong hành quân tiếp. Ngay cả khi có chiến sĩ bị thương cũng phải sử dụng tấm ni lông nóc dài 3m, túm hai đầu, để thương binh nằm ngửa, lấy bong thay gối, hai chiến sĩ đặc công thủy bơi lội thật giỏi kéo dần theo dòng nước về đến bệnh xá điều trị, đây cũng là biện pháp duy nhất vì không thể nào dùng cáng xe thô, băng ca như những chiến sĩ khác.

Năm 1965, có nhà ở một tiểu đội (từ 7 đến 10 người), có hội trường sinh hoạt trung đội từ 20 đến 30 người, hầm trú ẩn đắp nổi, công sự nửa nổi nửa chìm. Địa điểm đóng quân thường là một trung đội có giao thông hào xung quanh.

Từ thời kháng chiến đến năm 1968, hầm chiến đấu cũng như hầm ở tại căn cứ là hầm nổi làm hoàn toàn bằng cây mắm, chà là, nhà cột bằng cây đước, lợp bằng lá dừa nước. Từ năm 1968 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 nhà lợp bằng ni lông.

Những chiến công của Đoàn 10 Rừng Sác đã đi vào lịch sử của quân sự Việt Nam như một huyền thoại. Đó là niềm tự hào, là đóng góp to lớn,

là điểm son chói lọi của binh chủng đặc biệt tinh nhuệ. Thắng lợi của các chiến sĩ đặc công Rừng Sác là sự mưu trí tài tình, là sự dũng cảm vô song, là phương pháp lãnh đạo tổ chức khoa học, là sự thắng lợi của trí tuệ, của tinh thần cách mạng Việt Nam.

Những trận đánh của chiến sĩ đặc công Rừng Sác đã gây lên được tiếng vang lớn trên chiến trường trong nước và quốc tế, khích lệ khích lệ tinh thần đồng bào và chiến sĩ cả nước. Góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc.



Qua hai thời kỳ kháng chiến, các đơn vị đã đóng quân rải rác trong khu Rừng Sác, do thường xuyên bị đánh phá, nên luôn phải di chuyển, ít khi đóng cố định ở một địa điểm trong một thời gian dài. Khi đi, toàn bộ căn cứ đều bị phá hết. Có thời gian năm 1969-1972, bộ đội đặc công Rừng Sác phải sống ở trên cây không có nhà cửa. Thậm chí rừng cây còn bị rải chất độc cho rụng lá.

Vì vậy không còn nhà cửa hay nhiều vết tích của căn cứ Rừng Sác năm xưa. Hiện nay, chỉ có thể xác định từng vùng các đơn vị thường đóng quân khi trước như vùng Rừng Sác bên bờ sông Lòng Tàu hoặc cạnh những con rạch, vị trí này thuận lợi cho việc tiếp cận mục tiêu trên sông Lý Nhơn, An Thới Đông, Bình Phước, Đông Hòa, Long Hòa, ... Trên cơ sở đó, vùng căn cứ ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, Cần Giò được chọn để bảo tồn, tôn tạo di tích. Khu vực này có diện tích 1.204.781m². Nơi đây đã từng là nơi đóng quân của Huyện ủy Cần Giò và của đội 4, đội 6, Đoàn 10 Rừng Sác, đó là các nơi: Mương Sâu, Mương Cạn, Khe Ốc, Khe Nhàn. Vùng căn cứ Rừng Sác tại ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, huyện Cần Giò là nơi đại diện cho cả một vùng căn cứ Rừng Sác rộng lớn.

Ngày 21 tháng 01 năm 2000, Tổng Thư ký Tổ chức Giáo dục - Khoa học - Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã ký quyết định công nhận rừng ngập mặn Cần Giò là khu vực Dự trữ Sinh quyển rừng ngập mặn thế giới đầu tiên của Việt Nam, chính thức gia nhập Mạng lưới 368 Khu Dự trữ Sinh quyển của 91 nước trên thế giới. Việc gia nhập các Khu Dự trữ Sinh quyển quốc tế đã chứng minh năng lực và sự đóng góp có hiệu quả của Việt Nam nói chung, của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và sự nghiệp giữ gìn giá trị văn hóa và bảo tồn thiên nhiên cho nhân loại.

II. DI SẢN KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục của cả Liên bang Đông Dương, được mệnh danh là “Hòn ngọc Viễn Đông” (La Perle de l’Extreme-Orient) hay một “Paris nhỏ ở Viễn Đông” (Le Petit Paris de l’Extreme-Orient).



Saigon 1882 – CAFE RESTAURANT DE MARSEILLE – Quai de Commerce (bến Bạch Đằng ngày nay). Ảnh Manhhai, Flickr

Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nhiều nước Đông Nam Á, kiến trúc thời thuộc địa cuối thế kỷ 19 nửa đầu thế kỷ 20 đã để lại cho Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh nhiều di sản kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao như Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố, Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện Thành phố, Chợ Bến Thành, ... Có thể nói hiếm có đô thị nào ở Đông Nam Á lại có nhiều dạng kiến trúc, nhiều trường phái, phong cách nghệ thuật Phương Tây chịu ảnh hưởng Phương Đông (kiến trúc thời thuộc địa) như Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Hơn thế nữa, các nhà kiến trúc Pháp khi đến Việt Nam đã nghiên cứu thời tiết, khí hậu nhiệt đới khá kỹ lưỡng và đã thành công khi sử dụng tài tình kỹ thuật và vật liệu địa phương để xây dựng công trình kiến trúc, nhất là về mặt khắc phục khí hậu mưa nắng thất thường ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

“Sài Gòn đặc biệt mang dấu ấn Pháp, nhưng Sài Gòn chưa bao giờ là nước Pháp. Nếu có mang dấu ấn của các nhà kiến trúc Pháp thì ngược lại chính các nhà kiến trúc Pháp cũng mang nặng dấu ấn của Sài Gòn” - Ông Stephane Doyet, nguyên Tùy viên văn hóa Lãnh sự Pháp ở Thành phố Hồ Chí Minh đã nói như thế, cho đến nay các kiến trúc Pháp ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn là điều rất hấp dẫn đối với tất cả du khách.

Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh có hơn 300 năm tuổi, trải qua bao nhiêu thăng trầm, nơi đây, vẫn còn giữ được những công trình có gần 300 năm hình thành và xây dựng. Thành phố Hồ Chí Minh có 31 Di tích kiến trúc nghệ thuật xếp hạng cấp Quốc gia và 75 Di tích kiến trúc nghệ thuật xếp hạng cấp Thành phố. Đây là niềm tự hào rất lớn không chỉ của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng mà còn là cả nước nói chung.

1. Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2020, Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Ủy ban Nhân dân Thành phố, tên gọi thời Pháp là Dinh Xã Tây.

Địa chỉ: Số 86 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, năm 1862, Thống đốc Quân sự - Đại tá Hải quân Jean Bernard Jauréguiberry (tạm thay quyền Phó Đô đốc Charles Rigault de Genouill) ký Nghị định quy hoạch Sài Gòn. Năm 1867, Thống đốc Quân sự - Chuẩn Đô đốc Pierre Paul Marie de La Grandière cho bầu Hội đồng thành phố. Ngày 08 tháng 01 năm 1877 Nghị định thành lập Hội đồng thành phố Sài Gòn được ban hành. Hội đồng thành phố Sài Gòn gồm 12 người, trong đó có tám người Pháp, một người ngoại quốc không phải gốc Á, một người gốc Á và hai người bản xứ. Viên chức cai trị cao nhất của thành phố Sài Gòn là Đốc lý và hai Phó Đốc lý. Vì vậy mà trụ sở của Hội đồng thành phố được gọi là Dinh Đốc lý, người dân thường gọi là Dinh Xã Tây.

Hội đồng Thành phố được thành lập nhưng chưa có trụ sở chính thức, phải thuê cánh trái tòa nhà của một thương gia người Hoa là Wang Tai (nay là trụ sở Cục Hải quan Thành phố) để làm việc.

Năm 1871, chính quyền Pháp dự định xây dựng một văn phòng chính thức cho Hội đồng thành phố. Sau nhiều lần tranh cãi về địa điểm và hai lần tổ chức thi đồ án thiết kế, đồ án của kiến trúc sư Gardès đã được chọn. Năm 1898, tòa nhà được khởi công xây dựng tại vị trí cuối đường Charner (đường Nguyễn Huệ ngày nay). Lúc đầu, họa sĩ Ruffet thực hiện phần trang trí nội thất. Do sự bất đồng ý kiến giữa họa sĩ Ruffet và các nghị viên người Việt trong Hội đồng thành phố, Ruffet không thực hiện được phần trang trí nội thất và năm 1907 công việc này được giao cho họa sĩ Bonnet.

Năm 1909 tòa nhà Hội đồng thành phố được khánh thành với sự tham dự của Toàn quyền Đông Dương.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công trên cả nước. Sáng ngày 25 tháng 8 năm 1945, hàng trăm nghìn người với cờ, hoa, biểu ngữ, ... đã tập trung trước Dinh Xã Tây và khu vực xung quanh để chào mừng lễ ra mắt của Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ.

Từ sau năm 1954 đến năm 1975, chính quyền Sài Gòn đặt chức Đô trưởng để quản lý thành phố, sử dụng Dinh Xã Tây làm trụ sở nên dinh

được đổi tên thành Tòa Đô chính.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tòa nhà được sử dụng làm trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có bề ngang rộng đến 30m nhìn thẳng ra đường Nguyễn Huệ. Trước kia phía trước tòa nhà là một bãi cỏ rộng, nơi ban nhạc của Hải quân Pháp thường biểu diễn cho công chúng xem, nay là vườn hoa có đặt tượng Bác Hồ và bia lưu niệm sự kiện công bố Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ.

Phần chính giữa tòa nhà là ngọn tháp nhô cao, hai bên có tầng mái cân đối. Đây là kiểu kiến trúc thường thấy ở Miền Bắc nước Pháp. Trên đỉnh tháp treo quốc kỳ, phía dưới có chiếc đồng hồ tròn. Chính giữa tháp đắp nổi một phù điêu hình một nữ thần, hai thiên thần nhỏ cùng các con thú. Trên mặt tiền mỗi tầng tháp gắn tượng hai nữ thần tay cầm thanh gươm, chung quanh là những sản vật địa phương. Thiết kế mặt đứng công trình có sự pha trộn của nhiều phong cách kiến trúc châu Âu: bố cục mặt bằng kiểu Phục Hưng, trang trí kiểu baroque và rococo, cửa sắt kiểu art - nouveau,... Hàng cột tròn theo thức cột Corinth chống đỡ phần trung tâm của lầu một, được xen kẽ với các cửa vòm, tạo sự thông thoáng, mềm mại cho tòa nhà. Trục trung tâm của tòa nhà càng nổi bật với cách trang trí dày đặc những tràng hoa tròn, dây lá, mô tip lá phiên thảo, phù điêu mặt người, mặt sư tử trên tháp, các cột chống đỡ dưới ban công, ... Cổng chính hình vòm với năm cổng rộng, liên tiếp nhau cũng được trang trí khá cầu kỳ với những dây hoa, lá. Các cánh cửa đều được làm bằng sắt và được uốn hoa văn rất đẹp. Cổng phụ ở mặt tiền là lối cho xe hơi chạy thẳng vào sân trong tòa nhà. Các mô tip trang trí trên cổng phụ khá đơn giản với những tràng hoa cách điệu.



Từ cổng chính dẫn vào sảnh lớn giữa tầng trệt, hướng thẳng đến cầu thang dẫn lên lầu một. Nội thất tòa nhà được trang trí phong phú, đầy khắp các bức tường và trần nhà với rất nhiều những bó hoa hay vòng hoa, lá cọ, cành nguyệt quế, ruy băng, tranh kính nhiều màu sắc hay những bức họa trên trần... rất thời thượng lúc bấy giờ.

Qua gần một trăm năm tồn tại, dáng vẻ bên ngoài tòa nhà vẫn luôn được bảo tồn nguyên nét ban đầu, bên trong có vài cải tạo, thay đổi nhỏ. Những năm 1990, nhiều trụ đèn được lắp đặt để chiếu sáng bên ngoài tòa nhà. Năm 2005, trong quan hệ hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh, các chuyên gia ánh sáng của thành phố Lyon đã thiết kế và lắp đặt hệ thống chiếu sáng nghệ thuật làm cho tòa nhà càng thêm rực rỡ.

Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là một công trình tiêu biểu về phong cách kiến trúc, nghệ thuật trang trí vào đầu thế kỷ 20, xứng đáng là nơi làm việc của cơ quan đứng đầu Thành phố, nơi họp Hội đồng Nhân dân, nơi đón tiếp các phái đoàn ngoại giao quốc tế, ...

2. Bưu điện Thành phố

Tên gọi: Bưu điện Thành phố

Địa chỉ: Số 02 Công xã Paris, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Đây là một công trình kiến trúc có giá trị tiêu biểu nghệ thuật cuối thế kỷ 19.

Tòa nhà Bưu điện Thành phố với diện tích 26.000m² được khởi công xây dựng vào ngày 14 tháng 11 năm 1886 và hoàn thành năm 1891 do 2 kiến trúc sư người Pháp Alfrend Foulhoux và Henri Auguste Vildieu thiết kế theo phong cách baroque và cổ điển châu Âu. Vòm mái bằng thép bên trong và các vật liệu bằng thép sử dụng trong công trình do công ty Gustave Eiffel thiết kế và sản xuất. Từ khi xây dựng đến nay, tòa nhà chính vẫn được giữ nguyên thiết kế ban đầu.

Đặc điểm nổi bật của tòa nhà được kiến trúc sư thiết kế bố cục cân đối của các hạng mục công trình mang tính nghệ thuật cao. Bưu điện Thành phố là tòa nhà ba tầng: tầng hầm, tầng trệt và tầng lầu, có bố cục cân đối, đối xứng nhau qua trục trung tâm. Tầng hầm là văn phòng làm việc của nhân viên bưu điện. Trục trung tâm của tòa nhà gồm có tiền sảnh, đại sảnh ở tầng trệt được thiết kế thông tầng, tầng trên là phòng làm việc được xây nhô cao hơn so với hai khối nhà ở hai bên. Mặt tiền tầng lầu được trang trí kết hợp với phong cách kiến trúc bản địa và Phương Tây.

Khu vực giữa tiền sảnh, tên 35 nhà bác học danh nhân như: Vonlta,

Ampère, Ohm, Watt, Bell, Morse,... được ghi trên những tấm sứ trắng men có hoa văn trang trí.

Mặt trước tiền sảnh tòa nhà, hai bên là hai tượng đài, bên trái là tượng đài Chiến sỹ Giao bưu - Thông tin thời kỳ kháng chiến, bên phải là tượng Bưu điện thời kỳ phát triển hiện đại - đây là công trình chào mừng Kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 1998).

Cửa chính của tòa nhà có dạng cửa vòm. Chính giữa vòm cửa đắp nổi chân dung thần Mercure với vòng nguyệt quế bao quanh, là vị thần tượng trưng cho sự liên lạc của loài người. Cửa vào tiền sảnh bằng thép, có mái che. Cách kiến trúc bên trong bưu điện giống như nhà ga Orsay của Paris. Mái của tiền sảnh là những vòm cung đan chéo nhau. Các điểm tiếp nối giữa trụ và kèo sắt được thiết kế công phu, chạm khắc hoa văn đẹp.

Khi vừa qua khỏi cổng ra vào chính - phía bên phải là bản đồ Sài Gòn và vùng phụ cận năm 1892 và bên trái là bản đồ Nam Kỳ vào thời kỳ mới xây dựng tòa nhà năm 1936 - cả hai bản đồ này được vẽ bằng sơn dầu ngay trên tường và mặc dù đã trải qua hơn trăm năm tuổi nhưng màu sắc vẫn còn sặc sỡ và rõ nét.

Bưu điện Thành phố là một trong những công trình kiến trúc hiện đại được xây dựng ở Sài Gòn vào cuối thế kỷ 19 với phong cách kiến trúc cổ điển châu Âu. Đặc biệt vòm mái, cột thép, lam thép, ... của hãng Eiffel là vật liệu phổ biến lúc bấy giờ. Với tuổi thọ hơn trăm năm tuổi, toàn bộ khối kiến trúc tòa nhà vẫn còn nguyên vẹn, vẫn giữ được tầm vóc của một công trình kiến trúc, văn hóa nghệ thuật tráng lệ độc đáo. Công tác giữ gìn bảo quản, duy tu vẫn được thực hiện thường xuyên, không làm thay đổi nguyên trạng kiến trúc nhằm bảo tồn, phát huy sự hấp dẫn của khối kiến trúc cổ tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc cuối thế kỷ 19 của Thành phố và của quốc gia.

3. Nhà hát Thành phố

Năm 2021, Nhà hát Thành phố được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Nhà hát Thành phố, còn gọi là Nhà hát Tây.

Địa chỉ: Số 7 Công trường Lam Sơn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Nhà hát Thành phố có diện tích 2.016m².

Năm 1863, để giúp vui cho quân viễn chinh, một đoàn diễn viên từ Pháp sang biểu diễn tại nhà của thủy sư đô đốc Bonard ở công trường Đồng Hồ (Place de l' horloge, khu vực Nguyễn Du, Đồng Khởi ngày nay)

Đến năm 1898, theo lệnh của thống soái Hoeffet, một nhà hát được khởi công xây dựng.

Công trình do kiến trúc sư Eugène Feret thiết kế, công ty Ernest Guichard thi công mang phong cách kiến trúc Baroque. Mặt tiền nhà hát chịu ảnh hưởng nghệ thuật khá rõ nét của nhà hát Petit Palais được xây cất cùng năm tại Paris. Ngày 01 tháng 01 năm 1900, nhà hát được khánh thành. Nhà hát được xây dựng tại khu vực đẹp nhất Sài Gòn lúc bấy giờ và được đánh giá là một công trình văn hóa tiêu biểu và tốn kém nhất Sài Gòn thời Pháp thuộc lúc bấy giờ.

Năm 1902, nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn vận động một số nhóm nghệ sĩ ở Pháp sang trình diễn. Đoàn nghệ sĩ thường biểu diễn liên tục trong 6 tháng vào các ngày thứ 3,5,7 và chủ nhật rồi về Pháp, 6 tháng sau quay trở lại.

Nhận thấy nhà hát bỏ không sẽ uổng phí nên toàn quyền Albert Sarraut cho người Việt Nam thuê. Buổi trình diễn đầu tiên của người Việt Nam tại nhà hát là vào đêm 16 tháng 11 năm 1918 do các nhà văn Hồ Biểu Chánh, Lê Quang Liêm, Đặng Thúc Liêng, Nguyễn Văn Kiêu,... đứng ra tổ chức. Nhưng sau đó nhà hát lại vắng vẻ vì lúc ấy gánh hát còn ít và không đủ điều kiện để thuê nhà hát biểu diễn.

Từ năm 1928 đến năm 1942, thỉnh thoảng mới có buổi biểu diễn, hoạt động chủ yếu của nhà hát lúc bấy giờ là tổ chức lễ phát thưởng, gán huân chương, ...

Năm 1929, đại thi hào Ấn Độ Rabindranath Tagore nhân chuyến sang Nhật Bản trở về đã ghé qua Sài Gòn và diễn thuyết tại nhà hát.

Năm 1943, mặt chính diện nhà hát được cải tạo để phù hợp với diện mạo chung hiện đại của khu trung tâm Sài Gòn theo quy hoạch mới.

Năm 1945, Nhật nắm chính quyền, quân đồng minh tấn công quân Nhật đã làm hư một phần mái hướng Bắc.

Năm 1950, nhà hát được chính phủ Trần Trọng Kim cải tạo để làm trụ sở Quốc hội.

Năm 1954, nhà hát là nơi tạm cư của thường dân Pháp di cư từ miền Bắc vào theo hiệp định Giơnevê.

Từ năm 1955 đến 1975, nhà hát là trụ sở của Quốc hội chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhà hát được trả lại đúng chức năng ban đầu, không chỉ là nơi thường xuyên diễn ra các buổi biểu diễn nghệ thuật, nhiều sự kiện liên quan lĩnh vực văn hóa, xã hội cũng được tổ chức tại nhà hát.

Nhà hát mang phong cách cổ điển Châu Âu với các thành phần kiến trúc được tạo thành hình khối, mái gẫy, các thức cột tiêu biểu của kiến trúc Hy Lạp, La Mã. Vòm thép của vòm mái khán phòng, các cột thép, vì kèo thép, xà gỗ thép, ngói, xi măng,... đều được đưa từ Pháp sang. Các mô tip trang trí phỏng theo phong cách trang trí của các nhà hát Pháp thế kỷ 19 cũng như được đặt làm từ Pháp. Đặc biệt nhà hát là công trình duy nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh được lợp bằng ngói ardoise, là nhà hát được thiết kế theo tiêu chuẩn kinh điển của Châu Âu, với kỹ thuật xây dựng bằng thép của Gustave Eiffel.

Không chỉ là nhà hát đầu tiên ở Việt Nam được xây dựng bằng kỹ thuật xây dựng hiện đại, vật liệu xây dựng bền vững, nhà hát còn là một trong những công trình đánh dấu thời kỳ chuyển theo hướng hiện đại của thế giới trong lịch sử kiến trúc Việt Nam.

Năm 1998, nhân Kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện trùng tu toàn bộ nhà hát, phần lớn tượng, phù điêu được phục chế.

Năm 1999, Tập đoàn Lion của Pháp đã lắp đặt lại hệ thống âm thanh, ánh sáng cho nhà hát, sau đó lắp đặt hệ thống chiếu sáng nghệ thuật vào ban đêm.

Nhà hát Thành phố được xem là nhà hát đa năng, thường xuyên tổ chức biểu diễn sân khấu nghệ thuật, chương trình biểu diễn hòa nhạc, đồng thời cũng được sử dụng để tổ chức một số sự kiện lớn của Thành phố. Ngoài ra, chủ nhật hàng tuần, chương trình hòa tấu nhạc kèn thường xuyên được tổ chức tại khu vực trước tiền sảnh nhà hát.

4. Khách sạn Cotinental

Năm 2012, khách sạn Continental được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Khách sạn Continental, còn có tên gọi khác là khách sạn Hoàn Cầu.

Địa chỉ: Số 132 - 134 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Khách sạn được xây dựng năm 1878, hoàn thành năm 1880 với 3 tầng lầu.

Người có công đầu tiên xây khách sạn này là ông Pierre Cazena, người chuyên sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng trang trí nội thất.

Năm 1911, công tước Montpensie, người từng xây dựng lầu ông Hoàng ở Phan Thiết mua lại khách sạn này. Nhà thơ Ấn Độ Rabindranath Tagore,

người đoạt giải Nobel văn chương (năm 1913) đến Việt Nam và nghỉ ngơi tại đây. Năm 1924 - 1925, nhà văn người Anh Andre Malreaux cùng vợ là Clara đã đến và nghỉ tại khách sạn.

Năm 1930, Mathieu Franchini người từ đảo Corse thuộc Pháp mua lại khách sạn trên và tiếp tục kinh doanh thành đạt trên 25 năm.

Từ sau năm 1954 đến năm 1975, Philippe Franchili con trai của Mathieu Franchini quản lý điều hành khách sạn (từ năm 1960 đến năm 1970 khách sạn Continental còn có thêm bảng hiệu “Đại lục lữ quán”).

Thời kỳ trước năm 1975, với vị trí trung tâm Sài Gòn, lại bên cạnh trụ sở Quốc hội của Chính quyền Sài Gòn, khách sạn được mệnh danh là “đài phát thanh Continental”, nơi nhiều phóng viên các báo quốc tế chọn đặt văn phòng giao dịch, nơi gặp gỡ và tập hợp các nhà báo, nhà văn để thu thập tin tức thời sự nóng bỏng ở chiến trường.

Tháng 5 năm 1975, khách sạn được quốc hữu hóa và giao cho công ty Cung ứng Tàu biển quản lý và đổi tên là Hải Âu.

Tháng 12 năm 1984, Ủy ban nhân dân Thành phố giao khách sạn cho Công ty Du lịch Sài Gòn quản lý.

Năm 1987, Tổng Công ty Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành sửa chữa, nâng cấp khách sạn và lấy lại tên cũ Continental.

Sau năm 1975, đã có nhiều nguyên thủ của các quốc gia khi đến Việt Nam đã nghỉ tại khách sạn. Trong đó có ông Mohamad Mahathis nguyên Thủ tướng Malaysia, ông Valéry Giscard d'Estaing, ông Jacques Chirac nguyên Tổng thống Pháp.

Khách sạn Continental nằm ở vị trí trung tâm Thành phố, khách sạn có diện tích hơn 3.000m², với 83 phòng, có 3 khối nhà A, B, C và khuôn viên trung tâm.

Kiến trúc khối nhà A và khối nhà B là công trình xây dựng cách nay trên 120 năm, là công trình kiến trúc gốc của khách sạn.

Giữa 3 khối nhà A, B, C là công viên nhỏ, là một sân trong, mỗi cạnh hơn 25m, là nơi thông gió, đón ánh sáng mặt trời. Sân công viên có 3 cây hoa sứ cổ thụ trồng từ năm 1880, tỏa bóng mát cho cả công viên. Từ tầng trệt của khối nhà khách sạn đều có cửa thông ra công viên này.

Về kiến trúc, mặt ngoài ba khối nhà của khách sạn được trang trí tỉ mỉ công phu; hệ thống cột tròn, cột vuông tại mỗi khối nhà được tô đắp các đường gờ chỉ trang trí kết hợp với hoa văn dây lá; các hành lang, ban công được xây dựng ra phía ngoài, vừa tạo lối đi, vừa để che mưa nắng; các vách lan can được thiết kế thoáng nhẹ bởi vật liệu sắt tạo hoa văn hoặc các console hình lục bình; các cửa sổ hình vòm được thiết kế vừa phải, tô

điểm nhẹ nhàng bằng các hoa văn đơn giản góp phần tạo cho người trong phòng không bị gò bó. Cùng với kết cấu bền vững, có thể thấy rõ trang trí thẩm mỹ theo phong cách châu Âu đã tạo nên một công trình có giá trị nghệ thuật, có hồn và mang nét riêng của khách sạn.

Hiện vật lưu giữ:

- Các bình gốm men gồm: Bình sứ men xanh, trên thân bình có hình người Châu Âu, đường kính miệng 50cm, được lưu giữ từ năm 1880 đến nay. 1 bình gốm men xanh, cao 1m. 1 bình gốm men trắng cao 75cm.

- Các hiện vật bằng đồng gồm: 1 đỉnh trầm, cao 85cm, đường kính miệng 70cm, đặt trên giá gỗ có chạm mặt hổ phù. 1 tượng cổ Napoleon cưỡi ngựa. 1 ấm cope. 1 bình đựng rượu. 1 gạt tàn thuốc.

- 1 bộ sa lông cổ (gồm 2 ghế băng có thành tựa, 4 ghế đơn, 2 đôn và một bàn hình chữ nhật) được làm bằng gỗ chạm trổ nhiều chủ đề và được cẩn trai.

- 2 tủ gỗ lắp kính có các đồ dùng, dụng cụ của nhà hàng (đồ đựng súp, dao, muỗng, nĩa... chất liệu đồng, bạc), những hiện vật này có niên đại đầu thế kỷ 20.

- 2 bức ảnh tư liệu về khách sạn khi mới xây dựng.

5. Khách sạn Majestic

Tên gọi: Khách sạn Majestic, còn gọi là Khách sạn Cửu Long

Địa điểm: Số 1 đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Đầu thế kỷ 20, tại góc giao lộ Catinat và Quai de Belgique (nay là đường Đồng Khởi và Tôn Đức Thắng), khách sạn Majestic đã được xây dựng theo phong cách Baroque rất được ưa chuộng lúc đó và ngay cả hiện nay, tòa nhà mang dáng vẻ kiến trúc cổ Châu Âu thời Phục Hưng, sang trọng bậc nhất Sài Gòn, Đông Dương bấy giờ. Theo dòng thời gian, khách sạn Majestic được xem như một biểu tượng của Thành phố, là hình ảnh thân thuộc trong mắt người dân Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh và du khách quốc tế.

Theo tài liệu lịch sử, khách sạn Majestic được xây dựng bởi một thương gia người Việt gốc Hoa giàu có bậc nhất xứ Sài Gòn - Gia Định lúc bấy giờ là ông Hui Bon Hoa (hay còn gọi là Chú Hỏa). Đây cũng là người đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc làm thay đổi diện mạo đất Sài Gòn trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20.

Khách sạn Majestic khánh thành vào năm 1925, gồm 3 tầng lầu với 44 phòng ngủ và là nơi lui tới thường xuyên của giới thượng lưu và những

quan chức cấp cao tại Đông Dương lúc bấy giờ.

Năm 1948, khách sạn Majestic được bàn giao cho Sở Du lịch và Triển lãm Đông Dương (The Indochina Tourism & Exhibition Department), do ông Franchini Mathieu, một người Pháp điều hành. Từ đó, khách sạn này trở thành điểm đến lý tưởng của du khách, đặc biệt trong cuộc chiến tranh Việt Nam, giới ký giả nước ngoài, giới tình báo, mật vụ, ... thường “lui tới”.

Đến năm 1965, khách sạn Majestic được chính quyền Sài Gòn chuyển giao cho Nha Du lịch và Tổng cục Phát triển Du lịch, đồng thời được xây dựng thêm 2 tầng, một phòng họp chuẩn quốc tế, một nhà hàng theo sự phác họa của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ và được đổi tên là khách sạn Hoàn Mỹ.

Năm 1975, khách sạn được mang một tên mới là khách sạn Cửu Long, nhưng tên giao dịch vẫn là Majestic và trực thuộc sự quản lý của Công ty Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1994, khách sạn được đầu tư sửa chữa theo lối kiến trúc Châu Âu thời Phục Hưng cùng nhiều hạng mục khác như quầy bar, phòng họp quốc tế,

Năm 1997, khách sạn Majestic là một trong hai khách sạn 4 sao đầu tiên của Thành phố.

Đến năm 2003, khách sạn Majestic tiếp tục việc mở rộng quy mô thêm tòa nhà 8 tầng, nâng tổng số phòng khách sạn lên 175 phòng nhưng vẫn giữ những đường nét cổ kính đặc trưng của mình.

Năm 2007, khách sạn Majestic vinh dự là khách sạn đầu tiên được Tổng cục Du lịch Việt Nam công nhận đạt chuẩn 5 sao do người Việt đầu tư, quản lý và điều hành.

Những nhân vật nổi tiếng và chính khách đã từng thăm và lưu trú tại Khách sạn Majestic:

- Nhà văn Nhật Bản - Kaito Takeshi, giai đoạn 1964 - 1965,
- Tổng thống Pháp - Francois Mitterand, tháng 3 năm 1993,
- Nữ diễn viên Pháp Catherine Deneuve, năm 1993,
- Giáo sư Trần Văn Khê, năm 1998,
- Hoàng tử Nhật Bản - Akishito, tháng 6 năm 1999,
- Thái tử Anh - Edwards Andrew, tháng 3 năm 1999,
- Ông H.E. Naruhto - Thái tử Nhật Bản, năm 2009,
- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang,
- Công chúa Thái Lan,
- Thủ tướng Singapore - ông Goh Chok Tong và ông Lý Hiển Long,

- Thái tử Đan Mạch,
- Thủ tướng Vanuatu,
- Tổng thống Bulgaria.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tên gọi:

- Tòa nhà chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn (1930-1957)
- Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (Việt Nam Cộng Hòa, từ năm 1957 đến tháng 4 năm 1975)
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (từ tháng 7 năm 1976 đến nay)

Địa chỉ:

Số 17 đường Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Tòa nhà trụ sở Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vào năm 1929-1930. Tòa nhà tọa lạc ngay bên bến Chương Dương nhìn ra rạch Bến Nghé, có mặt bằng hình chữ nhật gồm một tầng hầm, tầng trệt và hai tầng lầu.

Phong cách kiến trúc của tòa nhà rất đặc biệt, đó là sự pha trộn giữa phong cách kiến trúc châu Âu kết hợp với đường nét kiến trúc Chăm, Khmer, thể hiện ở hình khối, mô típ trang trí các mặt đứng, cột, rào lưới, cửa sắt, hành lang, lan can, ban công, góc mái, trán cửa, ... Đặc trưng trang trí những mô típ hoa sen, dây lá, các hình tượng tựa đầu chim thần Garuda, rắn Naga cách điệu; thanh cuộn cửa sổ.

Trên cổ trần mặt tiền tòa nhà đắp nổi dòng chữ “NGÂN - HÀNG NHÀ - NƯỚC VIỆT - NAM” sơn màu đỏ. Tòa nhà có một cổng chính và hai lối ra vào. Ở vị trí các góc cong của tòa nhà trang trí những dải băng hình cánh sen, nụ sen, dây lá và ô hình thoi trên các đầu cột. Toàn bộ các mặt đứng của tòa nhà trang trí dải băng hình cánh sen diềm theo sàn và cổ trần; bố trí nhiều cửa sổ đăng đối nhau.

Tuy trải qua một quá trình lịch sử đã lâu, nhưng tòa nhà này đang còn được bảo quản khá tốt. Tòa nhà được xếp vào loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, với các hiện vật thuộc di tích gồm: một số máy móc, trang thiết bị chuyên ngành; một số bàn ghế làm việc, bộ salon; hệ thống quạt và đèn treo tường cùng một số bộ động cơ thang máy hiện không còn sử dụng đang lưu giữ trong kho.

7. Tòa án nhân dân Thành phố

Năm 2012, Tòa án nhân dân Thành phố được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Tòa án nhân dân Thành phố, tên gọi thời Pháp là Pháp đình Sài Gòn.

Địa chỉ: Số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Tòa án nhân dân Thành phố - thời Pháp thuộc là Pháp đình Sài Gòn được xây dựng năm 1881 theo bản thiết kế của kiến trúc sư Jules Bourad. Việc xây dựng các tòa nhà chính kéo dài trong khoảng năm 1881 - 1886 (kiến trúc sư Bourard cũng là tác giả thiết kế Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn xây dựng năm 1877 - 1880). Tòa nhà lúc đầu xây dựng theo hình chữ H gồm một tầng hầm, một tầng trệt và một tầng lầu. Năm 1961, xây dựng thêm dãy nhà phía sau, nhưng vẫn giữ phong cách kiến trúc đặc thù của khối nhà phía trước nên toàn thể công trình cũ - mới vẫn hài hòa.

Hai bên cổng có hai căn nhà giống nhau và cùng được xây dựng với tòa nhà chính vào năm 1881, với kết cấu nhà trệt tường gạch mái ngói. Toàn bộ khuôn viên của tòa án rộng 18.320m², trong đó thành phần chính là tòa nhà ở giữa, đây là thành phần kiến trúc có giá trị nhất, còn bảo tồn được khá nguyên vẹn phần kiến trúc ban đầu như từ khi mới xây dựng.

Toàn bộ công trình được quét vôi màu vàng, các phù điêu trang trí màu trắng nổi bật trên nền vôi vàng. Về trang trí ngoại thất của tòa nhà được gìn giữ hoàn chỉnh như kiến trúc ban đầu. Các hàng cột đôi, phù điêu gờ chỉ, vòm cuốn, dãy cửa sổ lá sách to rộng,... đã tạo nên nét riêng biệt cho tòa dinh thự này. Đặc biệt có giá trị là các bức phù điêu được bố trí một cách hài hòa khắp bốn mặt đứng của công trình.

Các công trình này được mô phỏng kiến trúc Pháp và có một số thay đổi cho phù hợp hoàn cảnh địa phương, có được gọi đó là trào lưu kiến trúc Đông Dương. Phong cách Baroc và Roccoco gọi chung là Barocco, mặt tiền và nội thất các công trình được trang trí bằng nhiều tác phẩm điêu khắc, hoa văn và gờ chỉ một cách trau chuốt.

Các kiểu kiến trúc, mỹ thuật cổ Hy Lạp, La Mã được thể hiện trên công trình tòa án Thành phố đã tạo cho công trình kiến trúc có một giá trị văn hóa lớn, độc đáo. Ở đây các tác phẩm điêu khắc, các chi tiết trang trí cho công trình vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn. Hiện nay trong công trình còn 5 tượng đồng, nhiều bức phù điêu được tạo hình sắc sảo trang trí trên mặt tường công trình. Nổi bật nhất là phù điêu trên tiền sảnh dưới

mái cao nhất của tòa nhà.

Cổng tòa án có hai trụ hai bên, thân trụ vuông. Trên đầu mỗi trụ có đắp tượng bán thân Marianne đội mũ lưỡi trai Phrygian (Mariannne là biểu tượng của Cộng hòa Pháp). Cửa cổng tòa án được làm bằng sắt, hoa văn trên cửa sắt được làm theo kiểu Phương Tây.

Nét đặc thù của công trình là sự kết hợp giữa kiến trúc Châu Âu và kiến trúc La Mã, giữa kiến trúc Phương Đông và Phương Tây mang nhiều ý nghĩa. Nổi bật nhất là phù điêu trên tiền sảnh, dưới mái cao nhất của tòa nhà, chất liệu bằng xi măng: ở giữa là tượng thần Công Lý, tay phải cầm kiếm, tay trái để lên cuốn sách luật sách có ghi chữ CODE (bộ luật), hai bên tượng thần công lý là hai người Việt Nam. Bên phải là người phụ nữ tay cầm nón quai thao, bên trái là người đàn ông vắn khăn tay cầm nón lá.

Bên trong tòa nhà, các tác phẩm điêu khắc tập trung ở không gian sảnh và cầu thang chính. Không gian nội thất được thiết kế thông thoáng với những dãy hành lang dài, đại sảnh rộng. Ngoài những bức tượng, trên tường và trần nhà còn có rất nhiều bức phù điêu và hoa văn trang trí, tạo cho không gian sảnh chính từ tầng trệt đến tầng lầu sự lộng lẫy và trang nghiêm.

Cửa chính của tòa nhà được xây theo kiểu vòm tròn, được chia làm ba cửa liên tiếp bằng nhau. Cánh cửa làm bằng sắt, sơn màu xanh, có hoa văn theo kiểu châu âu. Sảnh lớn của tòa án là khu vực tập trung nhiều nhất tượng và các bức phù điêu. Trên tường, trên trần nhà của sảnh lớn lầu 1 được trang trí hoa văn, theo phong cách Châu Âu cổ điển, chủ yếu là hoa lá cách điệu, đầu cột đều có hoa văn trang trí. Hai bức tượng được bố trí hai bên chân cầu thang dẫn lên sảnh trên lầu 1. Bên phải là tượng nữ thần Công lý (Justice) tay phải đặt trên đốc kiếm, tay trái xách túi trong đó có một bình rượu. Bên trái là tượng nữ thần Đoàn kết (Union) tay phải giữ tấm khiên, tay trái cầm cành ô lư. Tượng cao 2m, làm bằng đồng đen.

Hai bên sảnh lớn lầu một là hai phòng xử án lớn bằng nhau. Trong phòng được trang trí trên cửa sổ, trên vòm cửa, trên trần nhà, trên cửa sổ có đắp nổi đầu tượng thần. Bàn ghế gỗ trong phòng được chạm trổ và dùng từ khi mới xây dựng tòa án đến nay.

Hai bên sảnh chính là những dãy phòng làm việc, các phòng này đều có trần cao, cửa sổ và cửa ra vào đều làm bằng gỗ, theo kiểu cửa chớp, có vòm tròn phía trên tạo sự thông thoáng không khí, có khả năng cách âm, cách nhiệt, chống rung và chống ồn rất tốt.

Tầng trệt và lầu một có chiều cao trung bình từ sàn tới trần là 6m. Tầng hầm có chiều cao trung bình từ nền tới trần là 3m, được dùng làm

kho lưu trữ hồ sơ và sử dụng vào mục đích chuyên môn khác.

Hiện vật lưu trữ:

- Tượng thần Công lý, đặt tại sảnh lớn, bằng đồng cao 2m.
- Tượng thần Đoàn kết, đặt tại sảnh lớn, bằng đồng cao 2m
- Tượng thần, đặt tại sảnh lớn lầu 1, bằng đồng cao 1,7m

Nhìn chung đây là công trình kiến trúc có tuổi đời hơn 100 năm, là công trình kiến trúc Pháp có giá trị nghệ thuật. Mục đích ban đầu của người Pháp là xây dựng tòa nhà này làm công sở cho cơ quan xét xử đã hơn một trăm năm qua và cho đến nay, các chính quyền đương thời đều sử dụng đúng mục đích xây dựng ban đầu.

Sau ngày giải phóng cho đến nay, đây là trụ sở của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, khu nhà này là trụ sở của bốn cơ quan:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tòa án Phúc thẩm tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Viện Phúc thẩm tối cao.
- Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Trường Trung học Lê Quý Đôn

Năm 2016, Trường Trung học Lê Quý Đôn (Trường Trung học cơ sở - Trường Trung học phổ thông) được xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Trường Trung học Phổ thông Lê Quý Đôn. Tên gọi thay đổi qua các thời kỳ:

- Năm 1875, Trường mang tên Collège Indigène (Trường Trung học Bản xứ).
- Năm 1928, Trường mang tên Lycée Chasseloup Laubat (Trường Trung học Chasseloup Laubat).
- Năm 1954, Trường mang tên Lycée Jean Jacques Rousseau (Trường Trung học Jean Jacques Rousseau).
- Từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Trường mang tên Trung tâm giáo dục Lê Quý Đôn.
- Năm 1977, Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tách khuôn viên trường thành hai cơ sở Trường cấp II Lê Quý Đôn và Trường cấp III Lê Quý Đôn.
- Từ năm 1980 đến nay trường mang tên Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn và Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn.

Địa chỉ:

Số 110 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Năm 1874, sau khi chiếm trọn cả Nam Kỳ, chính phủ Pháp tiến hành xây dựng khu vực Bến Nghé thành đô thị kiểu Pháp, mở rộng thành phố và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Khu vực Quận 3 lúc ấy thuộc tổng Bình Chánh Thượng, Địa hạt 20, được xây dựng thành khu vực hành chính, cư trú nên không có nhà máy, xí nghiệp lớn. Lúc ấy, tại khu vực các Phường 6, Phường 7 thuộc Quận 3, chính phủ Pháp cho xây dựng khu vực riêng biệt được gọi là khu dành riêng cho người châu Âu, khu của quan Pháp.

Tháng 7 năm 1871, Đô đốc Dupré lập tại Sài Gòn trường Sư phạm thuộc địa (École normale coloniale) để đào tạo giáo viên, công chức cho ngành địa chính. Một số ý kiến cho rằng trường Sư phạm thuộc địa được xây dựng tại vị trí Bảo tàng Chứng tích chiến tranh ngày nay.

Năm 1874, trường đổi tên gọi là Collège indigène (trường Trung học Bản xứ), năm 1875 trường chuyển về khu đất đối diện với dinh thống đốc Nam Kỳ.

Collège indigène thành lập nhằm phục vụ nhu cầu đào tạo con em người Pháp sinh sống tại Sài Gòn. Chương trình giảng dạy theo chính quốc (chương trình Pháp), dạy từ tiểu học đến tú tài. Ngôi trường được khởi công xây dựng vào cuối năm 1874 và hoàn tất vào năm 1877.

Khi việc xây dựng chưa hoàn thiện thì năm 1876, Collège indigène được đổi thành Collège Chasseloup-Laubat (tên của ông Bộ trưởng người Pháp François Marquis de Chasseloup-Laubat). Collège Chasseloup-Laubat nhận các học sinh người Pháp và các học sinh người Việt có quốc tịch Pháp, trường chia thành hai khu riêng biệt, khu châu Âu (Khu dành riêng học trò người Pháp, gọi là Quartier Européen) và khu bản xứ (Khu dành cho học trò người Việt, gọi là Quartier indigène), đều học chung chương trình Pháp và thi tú tài Pháp, riêng khu dành cho học trò Việt có thêm giờ học tiếng Việt.

Công trình kiến trúc Trường Trung học Lê Quý Đôn là một trong những công trình trường học được xây dựng theo lối kiến trúc Pháp những năm cuối thế kỷ 19 tại thành phố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Trường được thiết lập và tồn tại đến nay đã hơn 135 năm, các khối nhà được giữ gìn, bảo quản tốt. Khối cổng, hai nhà giáp cổng, mái đón và dãy nhà A là những phần công trình được bảo tồn gần như nguyên vẹn kiểu dáng kiến trúc cổ của ngôi trường năm xưa.

9. Trường Trung học phổ thông Marie Curie

Năm 2015, Trường Trung học Phổ thông Marie Curie được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Trường Trung học phổ thông Marie Curie. Tên gọi thay đổi qua các thời kỳ:

- Năm 1918, trường mang tên Ecole Primaire et Supérieure francaises des Jeunes Filles (Ecole Primaire et Supérieure franaises des Jeunes Filles được viết tắt là EPS des J.F Francaises) (Trường dạy nữ sinh cấp tiểu học).

- Năm 1942, trường mang tên Collège Calmette (Trường Cao đẳng Calmette).

- Năm 1947, trường mang tên Petit Lycée Calmette (Trường Trung học cơ sở Calmette).

- Năm 1948, trường mang tên Lycée Marie Curie (Trường Trung học Marie Curie).

- Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Trường Trung học Marie Curie được giao lại cho chính quyền thành phố và trở thành trường công lập.

- Năm 1997, trường mang tên Trường Trung học bán công Marie Curie.

- Từ năm 2006 đến nay, trường mang tên Trường Trung học phổ thông Marie Curie.

Địa chỉ: Số 159 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Trường Trung học Phổ thông Marie Curie thuộc loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật.

Năm 1915, các giáo sư người Pháp đã khởi dựng trường học cho các nữ sinh người Pháp và một số người Việt Nam xuất thân từ các gia đình giàu có và có thế lực ở Sài Gòn. Đến năm 1918 việc xây dựng hoàn tất, khánh thành trường mang tên Ecole Primaire et Supérieure francaises des Jeunes Filles, chủ yếu là dành cho các nữ sinh. Trong khuôn viên của trường có bố trí khu nội trú dành cho học sinh ở các tỉnh lên học. Tất cả các môn học đều được giảng dạy bằng tiếng Pháp.

Đến năm 1948, vì trường dành cho nữ sinh nên tên trường được đổi là Lycée Marie Curie (Trường Trung học Marie Curie), để tưởng nhớ bà Marie Curie (1867 – 1934), là một nhà vật lý và hóa học người Pháp gốc Ba Lan. Bà được coi là người tiên phong trong việc nghiên cứu về tính phóng xạ (bà là người đặt ra thuật ngữ phóng xạ). Marie còn là phụ nữ đầu tiên nhận giải Nobel, người đầu tiên và là phụ nữ duy nhất vinh dự giành được hai Giải Nobel trong hai lĩnh vực khác nhau - vật lý và hóa học. Bà Marie Curie cũng là nữ giảng viên đại học đầu tiên tại Đại học Paris (Sorbonne).

Trường Trung học Phổ thông Marie Curie là một trong những công trình trường học được xây dựng theo lối kiến trúc rất riêng của thời Pháp những năm đầu thế kỷ 20 tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Trường được thiết lập và tồn tại đến nay đã hơn 100 năm, các khối nhà được giữ gìn, bảo tồn khá tốt; phản ánh các đường nét của kiến trúc Tây Âu thời Phục Hưng.

Các dãy nhà thể hiện được nét kiến trúc cổ xưa, là điểm nhấn của toàn bộ công trình kiến trúc trường Marie Curie với phần mặt dựng có nhiều chi tiết trang trí tỉ mỉ, đặc sắc. Kiến trúc của dãy nhà này được xây dựng theo kiểu các cửa vòm và tường chịu lực chống đỡ toàn bộ phần mái ngói của công trình. Nổi bật nhất dãy nhà là cổng vòm cao 5m, tạo lối đi chính dẫn vào sân trường và các dãy phòng học, trán vòm trang trí theo mô típ của kiến trúc La Mã các họa tiết dây hoa lá. Vòm cửa hình vòng cung, lớp vòng cung bên trong ốp gạch Marsell màu đỏ lớp bên ngoài ốp gốm men xanh, chính giữa có viên “đá khóa” quét vôi trắng, kiểu trang trí rất phổ biến trong kiến trúc La Mã cổ đại.

Cổng vòm chia dãy nhà thành hai khối phòng. Một số phòng vẫn giữ được hệ thống cửa ra vào, cửa sổ cũng là dạng cửa vòm chính giữa có viên đá khóa, khung cửa làm bằng gỗ, hai cánh mở ra, dạng lá xách.

Ba dãy nhà chính vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn những đường nét kiến trúc từ ngày mới xây dựng đến nay. Cả ba dãy được xây dựng giống nhau gồm tầng trệt và một lầu. Cầu thang lên xuống bằng gỗ được đặt ở hai đầu mỗi dãy. Các dãy nhà được xây dựng theo kiểu kiến trúc cổ La Mã với hệ thống cửa vòm và tường chịu lực.

Hành lang lầu một có các bệ cửa sổ hình chữ nhật nhô ra bên ngoài, khung và cánh cửa sổ bằng gỗ mở ra sân trường, lấy gió và ánh sáng cho các lớp học.

Mái các dãy nhà lợp ngói đỏ, các console đỡ lấy phần mái hiên bằng gỗ, được tạo dáng thanh thoát.

Hiện vật lưu trữ:

Tượng bán thân Marie Curie bằng đá, đặt tại hồ bán nguyệt.

III. HỆ THỐNG BẢO TÀNG

Bảo tàng đầu tiên ở Thành phố Hồ Chí Minh ra đời từ những năm đầu thế kỷ 20, do người Pháp xây dựng với tên gọi là Bảo tàng Blanchard de la Brosse, thành lập 1929 (nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh).

Hiện nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh có 13 bảo tàng (07 bảo tàng do Sở Văn hóa và Thể thao quản lý, 03 bảo tàng do quân đội quản lý và 03 bảo

tàng tư nhân). Đây cũng là nơi có số lượng bảo tàng nhiều nhất so với các tỉnh thành trên cả nước.

Theo số liệu ghi nhận tính đến hết năm 2017, từ 07 bảo tàng do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, tổng số hiện vật là 545.632 (trong đó có 206.542 hiện vật gốc); với 259 bộ sưu tập, trong đó có 61 bộ quý hiếm (37.784 hiện vật). Trong đó, có 16 bảo vật quốc gia (tính đến năm 2020). Tổng diện tích trưng bày: 25.126m² (trong nhà: 19.275m², ngoài trời: 5.851m²).

Chính từ sự đa dạng về loại hình mà nội dung trưng bày của các bảo tàng tại Thành phố rất phong phú, không chỉ giới thiệu về lịch sử và văn hóa địa phương, mà còn của cả khu vực Nam Bộ, Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, gắn liền với quá trình giao lưu tiếp biến và hội nhập văn hóa trên vùng đất này.

Đến với bảo tàng, du khách không chỉ được tham quan những di sản kiến trúc đẹp mang phong cách thuộc địa với nhiều trường phái, được xây dựng từ đầu thế kỷ 20 như: Tòa nhà Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh, ... mà ở đây, qua các sưu tập hiện vật trưng bày tại các bảo tàng du khách có thể tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hơn 300 năm, lịch sử mỹ thuật vùng đất Phương Nam hay về lịch sử - văn hóa thu nhỏ của cả đất nước Việt Nam; về khát vọng hòa bình của một dân tộc đã đi qua những cuộc chiến tranh kéo dài hơn nửa thế kỷ.

1. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2011, Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố

Tên gọi: Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 1 đường Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Tòa nhà Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những công kiến trúc cổ đô thị tại Sài Gòn xưa do người Pháp xây dựng trên 150 năm.

Năm 1860, nhận thấy địa điểm thuận lợi, tính ưu việt vượt trội của ngã ba sông Sài Gòn và Bến Nghé trong việc phục vụ quân sự và khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã cho khảo sát địa điểm này để xây dựng bến cảng.

Theo PGS.Ts Nguyễn Phan Quang, Th.s Lê Huỳnh Hoa và Th.s Trần Thị Thanh Thanh thì trên thực tế năm 1860: “Thực dân Pháp đã đón một

số tư sản người Hoa ở Singapore sang nhận thầu xây dựng bến tàu dài 1.800m trên bờ sông Sài Gòn” và “Ngày 02 tháng 02 năm 1860 Cảng Sài Gòn đã bắt đầu xuất khẩu hàng hóa”.

Tòa nhà là trụ sở của công ty vận tải Hoàng Gia Pháp, là một trong những công trình lớn đầu tiên tại bến cảng sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Tòa nhà được xây dựng theo lối kiến trúc pha trộn Âu - Á gồm 1 tầng trệt và 2 tầng lầu, hành lang xung quanh rộng rãi, mái lợp ngói. Bốn góc mái có tượng rồng cách điệu, trên bờ nóc mái có tượng 2 rồng quay đầu vào nhau. Giữa bờ nóc mái có biểu tượng của hãng vận tải Hoàng Gia Pháp với Tượng Niệm Hoàng Hậu, đầu ngựa và mỏ neo. Với đặc điểm kiến trúc pha trộn độc đáo này nên ngôi nhà của công ty vận tải Hoàng Gia Pháp được gọi là Nhà Rồng và bến cảng cũng mang tên bến Nhà Rồng. Mặt tiền khối nhà này hướng về phía Bắc nơi ngã 3 rạch Bến Nghé đổ ra sông Sài Gòn. Phía bên kia rạch là Cột cờ Thủ Ngữ được xây dựng năm 1865 nay thuộc Quận 1.

Ngày 05 tháng 6 năm 1911, tại bến cảng Nhà Rồng người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba đã lên tàu Đô đốc Latouche-Tréville đi tìm đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam.

Năm 1955, sau khi thất bại phải rút quân khỏi Việt Nam, người Pháp giao lại cảng Nhà Rồng cho chính quyền Miền Nam Việt Nam. Mái Nhà Rồng được sửa chữa, 2 rồng cũ được quay ra 2 bên. Biểu tượng của hãng vận tải Hoàng Gia Pháp vẫn được giữ nguyên, sau đó quân đội Mỹ đã sử dụng Nhà Rồng là trụ sở của cơ quan tiếp nhận viện trợ quân sự của Mỹ.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngôi nhà được giao cho Cục Đường biển Việt Nam quản lý.

Từ năm 1982, khu Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập và sau đó là Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (1995) cho đến nay Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh



đã sưu tầm trên 1.700 hiện vật, tư liệu, hình ảnh,... liên quan đến tiểu sử và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những biểu tượng của Thành phố Hồ Chí Minh. Là nơi trưng bày, giới thiệu phục vụ nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế đến học tập, tìm hiểu về thân thế sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, người “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”.

2. Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2012, Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi:

- Dinh Thống đốc Nam Kỳ,
- Soái phủ Nam Kỳ,
- Dinh Khâm sai,
- Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam bộ,
- Dinh Thủ hiến Nam phần,
- Dinh Quốc khánh, trụ sở Tối cao Pháp viện,
- Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nay là Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 65, đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Gần cuối thế kỷ 19, chính quyền thực dân Pháp tiến hành xây dựng nhiều công trình tại trung tâm thành phố Sài Gòn. Trên khuôn viên rộng lớn bao gồm 4 con đường La Grandière (Lý Tự Trọng), Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa), Palanca (Lê Thánh Tôn) và Pellerin (Pasteur), chính quyền cho xây dựng một bảo tàng thương mại để trưng bày các sản phẩm cho địa phương. Công trình do kiến trúc sư Foulhuox thiết kế, khởi công xây dựng vào năm 1885. Sau khi khánh thành vào năm 1890, Thống đốc Nam Kỳ là Henri Eloi Danel sử dụng làm dinh thự, vì vậy tòa nhà này được gọi là dinh Thống đốc Nam Kỳ hay Soái phủ Nam Kỳ.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 09 tháng 3 năm 1945, nơi đây trở thành dinh thự của Thống đốc Nhật Yoshi Minoda. Tháng 7 năm 1945 Nhật đầu hàng quân đồng minh, dinh được giao cho chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim làm dinh Khâm sai.

Trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa do Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo quyết định chiếm dinh Khâm sai Nam Kỳ, treo

cờ làm tín hiệu khởi nghĩa cho toàn thành phố. Cách mạng Tháng Tám thành công, Ủy ban chấp hành lâm thời Nam Bộ đặt trụ sở ở đây.

Khi Pháp tái chiếm Nam Kỳ vào cuối tháng 9 năm 1945, tòa nhà là trụ sở của phái đồng minh. Ngày 30 tháng 11 năm 1945, nghi lễ quân đội đồng minh tiếp nhận gươm báu đầu hàng của chính quyền Nhật được tổ chức tại đây. Một thời gian sau, nơi đây làm trụ sở của Cao ủy Cộng hòa Pháp. Từ 23 tháng 5 năm 1947, Pháp giao dinh cho Lê Văn Hoạch làm trụ sở chính của Nam Kỳ tự trị. Ngày 02 tháng 6 năm 1948, đổi thành dinh Thủ hiến Nam phần, sau đó là dinh Thủ tướng của chính quyền Bảo Đại.

Ngày 09 tháng 01 năm 1950, hơn 2.000 học sinh, sinh viên Sài Gòn biểu tình trước dinh Thủ hiến Nam phần, đòi mở cửa các trường ở Sài Gòn. Cuộc biểu tình bị đàn áp, khiến cho nhiều học sinh, sinh viên bị chết và bị thương, trong đó có học sinh Trần Văn Ôn. Khi Tổng thống Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã dùng tòa nhà này thành Dinh Quốc khánh. Thời kỳ này con đường trước toàn nhà đổi tên thành đường Gia Long nên tòa nhà cũng được gọi là Dinh Gia Long.

Ngày 27 tháng 02 năm 1962, Dinh Độc Lập bị ném bom, Tổng thống Ngô Đình Diệm dời phủ tổng thống sang đây. Tổng thống Ngô Đình Diệm đã cho xây dựng một hầm trú ẩn ở trong dinh. Hầm do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thiết kế, được xây dựng từ tháng 5 năm 1962 đến tháng 10 năm 1963.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Ủy ban nhân dân Sài Gòn - Gia Định, sử dụng tòa nhà làm nơi sinh hoạt văn hoá, biểu diễn văn nghệ và triển lãm các chuyên đề thời sự phục vụ đồng bào. Ngày 12 tháng 08 năm 1978, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sử dụng tòa nhà này làm Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Bảo tàng Cách mạng được đổi tên thành Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng trên khuôn viên rộng hơn 12.000m².

Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vào cuối thế kỷ 19 là một trong những công trình tiêu biểu của kiến trúc thuộc địa ở Sài Gòn nói riêng, ở Việt Nam nói chung. Tòa nhà được xây dựng dựa trên phong cách cổ điển châu Âu nhưng phần mái ngói lại mang tên nét Á Đông. Các tác phẩm điêu khắc trang trí cho tòa nhà được xử lý tinh tế, toàn bộ tòa nhà như một tác phẩm mỹ thuật hoàn chỉnh, cân đối, hài hòa. Tuy công trình đã xây dựng được hơn một trăm năm nhưng bộ phận khung chịu lực còn rất bền chắc chứng tỏ công trình được xây dựng bằng kỹ thuật cao.

Tòa nhà chính của khối nhà được xây dựng trên diện tích đất 1.711m², theo kỹ thuật xây dựng của Pháp cuối thế kỷ 19. Các thành phần kiến trúc của khối nhà được tạo thành hình khối theo phong cách kiến trúc Châu Âu, có bố cục cân đối, đối xứng nhau qua trục dọc. Giống như phần lớn các công trình kiến trúc do người Pháp xây dựng ở Sài Gòn vào khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, mái nhà được lợp ngói âm dương tiểu đại, dàn mái bằng thép kết hợp với gạch ngói bản địa. Gạch lát nền thép, xi măng được mang từ Pháp sang.

Trên các bức tường thấp bao quanh khối nhà chính được thiết kế nhiều thức cột kiểu cổ điển Hy Lạp, La Mã. Đường diềm mái ở hai bên mặt trái, phải của khối nhà được trang trí như một dải phù điêu với các loại cây cỏ xen kẽ các chim, thú miền sông nước Nam Bộ như cá, tôm, cò, diệc... Nhô cao trên nền phù điêu ở mặt chính diện là mười phù điêu các con cá sấu, cá chép hoặc chim diệc, trên nền phù điêu ở hai bên trái, phải mỗi bên có hai phù điêu giống như vậy.

Hầm trú ẩn: Có 4 căn hầm được thiết kế sâu khoảng 4m dưới mặt đất, ngay phía sau khối nhà A, đủ tiện nghi để có thể ở lâu dài dưới hầm. Từ hai khối cửa phòng có hai đường hầm ăn thông với nhau. Hiện nay các hầm này trưng bày một số hình ảnh, hiện vật liên quan tới Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Hiện vật lưu trữ:

Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh chính là nơi trưng bày các hiện vật là ghế trường kỷ được Tổng thống Ngô Đình Diệm sử dụng dưới hầm trú ẩn trong thời gian xảy ra đảo chính và một bàn tròn bằng gỗ thường được đặt ở bàn tiếp khách của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Hai hiện vật này đang được trưng bày ở phòng hiện vật.

Bảo tàng có diện tích trưng bày trên 2.000m², gồm các nội dung thường xuyên: “Tiền Việt Nam” (Từ thế kỷ 10 đến nay); Văn hóa Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh; Kỷ vật kháng chiến; Địa lý - Hành chính Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh; Thương cảng - Thương mại dịch vụ Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh; Ngoài ra còn có trưng bày chuyên đề và trưng bày trực tuyến.

Ngoài các phòng trưng bày cố định, trên sân vườn xung quanh khu nhà A còn có một số hiện vật giới thiệu phương tiện vận chuyển của dân cư thành phố như xe kéo, xe xích lô, xe thổ mộ và các hiện vật thời kỳ kháng chiến chống Mỹ như súng hỏa tiễn, pháo cao xạ, xe tăng M41, máy bay A-37, máy bay F-5A, trực thăng UH-1, một số xe hơi và một khẩu pháo thần công được vớt ở lòng sông Nhà Bè.

3. Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2012, Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước năm 1975, người Sài Gòn quen gọi là dinh thự Chú Hỏa (tức Hui Bon Hoa, Hứa Bồn Hòa).

Địa chỉ: Số 97A đường Phó Đức Chính và số 54 đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Khoảng đầu thế kỷ 20, chính quyền thực dân Pháp đồng ý cho ông Hui Bon Hoa (Chú Hỏa) - một thương nhân Hoa Kiều nổi tiếng giàu có ở thành phố Sài Gòn xây dựng tòa dinh thự trên một khuôn viên rộng lớn gần 10.000m² thuộc khu trung tâm của thành phố. Trên khuôn viên gần 10.000m² ông đã xây dựng ba tòa nhà vào các thời điểm khác nhau. Theo ghi chép của một số nhà nghiên cứu:

- Tòa nhà thứ nhất (số 97A đường Phó Đức Chính) được xây dựng năm 1925 và hoàn thành năm 1928, nhưng một số ý kiến khác cho rằng năm 1928 ngôi nhà mới bắt đầu được xây dựng.

- Với phong cách kiến trúc của tòa nhà thứ hai (số 97 đường Phó Đức Chính) được cho rằng tòa nhà này được xây dựng vào khoảng thập niên 50, hình thành muộn hơn so với tòa nhà thứ nhất.

- Tòa nhà thứ ba (số 54 đường Nguyễn Thái Bình) được cho là xây dựng vào khoảng thập niên 30.

Nhiều năm qua, đến nay vẫn chưa có tài liệu nào viết chính xác về thời điểm xây dựng cũng như thời gian hoàn thành các công trình ấy. Chỉ có thể suy luận chủ quan rằng ba tòa nhà được xây dựng khoảng thập niên 20 đến thập niên 50 của thế kỷ 20, là một trong những công trình tiêu biểu về loại kiến trúc đô thị cổ của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Sau khi có quyết định thành lập bảo tàng, nội thất tòa nhà được cải tạo để phù hợp không gian trưng bày còn bên ngoài vẫn được giữ nguyên.

Tòa nhà được thiết kế có sự kết hợp tinh tế giữa phong cách Tân cổ điển và Art-Déco, phong cách Á Đông cũng được kết hợp để tăng tính thẩm mỹ và đáp ứng yếu tố thời tiết. Các cửa vòm và tường chịu lực có dáng dấp của kiến trúc Baroque, các thức cột Doric, thức cột Ionic được sử dụng trang trí thật tinh tế; bố cục có các khối hình vuông, hình tròn xen kẽ thể hiện phong cách Art-Déco của những năm 30; tầng mái có kiểu dáng mái đền, miếu của người Trung Quốc, mái lợp ngói ống diềm mái

ốp gốm men màu.

Phần trưng bày bảo tàng gồm các tầng 1, tầng 2 và tầng 3 của các khối nhà và sân vườn trước tòa nhà. Bảo tàng Mỹ thuật có khu trưng bày trong nhà và khu trưng bày ngoài trời được bố trí như sau:

Tầng 1: dành cho hoạt động triển lãm mỹ thuật của những tác giả trong và ngoài nước.

Tầng 2: trưng bày các tác phẩm hội họa và điêu khắc có giá trị mỹ thuật của những tác giả trong và ngoài nước.

Tầng 3: có các gian phòng trưng bày các tác phẩm mỹ thuật từ thế kỷ 7 đến đầu thế kỷ 20.

Phần trưng bày ngoài trời gồm có sân trước, sân sau và hành lang.

Hệ thống thang máy là một trong những hệ thống thang máy đầu tiên xuất hiện trong công trình biệt thự tại Sài Gòn những năm đầu thế kỷ 20.

Năm 1996 Bảo tàng có hơn 14.000 hiện vật, hiện nay đã có hơn 21.000 hiện vật.

Các bộ sưu tập được sắp xếp theo 02 nội dung chính: mỹ thuật cổ, mỹ thuật đương đại và đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Mỹ thuật cổ trưng bày những hiện vật đặc sắc theo tiến trình lịch sử mỹ thuật:

Mỹ thuật Chăm-pa, mỹ thuật Óc Eo và hậu Óc Eo từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 17;

Cổ vật Việt Nam (Gốm sứ, đồ sơn son thếp vàng, gỗ khảm xà cừ...) từ đầu thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20;

Nghệ thuật Phương Tây ở Việt Nam từ thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20: các sưu tập gốm Lý - Trần - Lê; gốm Bát Tràng; gốm men lam Huế; gốm Sài Gòn xưa; đồ thờ cúng bằng chất liệu đồng; đồ gỗ chạm, gỗ cẩn xà cừ...

Mỹ thuật hiện đại gồm các phần trưng bày:

Các bộ sưu tập gốm sứ, bộ sưu tập lư chất liệu đồng và bộ sưu tập hiện vật chất liệu đá rất phong phú về kiểu dáng, một số hiện vật có kiểu dáng độc đáo và đặc biệt về hiệu đề như bộ sưu tập hiện vật gốm sứ có hiệu đề “Nhuộc Thâm Trân Tàng” có niên đại thế kỷ 18 và khoảng cuối thế kỷ 19;

Các bộ sưu tập mỹ thuật Nam Bộ thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 20;

Gốm Việt Nam đầu thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20; Mỹ thuật đồng Việt Nam thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20;

Nghệ thuật điêu khắc cổ đồng bằng Nam Bộ;

Nghệ thuật điêu khắc cổ Champa;

Bộ sưu tập tượng nhà mồ Tây Nguyên được bảo quản trưng bày tại Bảo tàng được chạm khắc bởi các nghệ nhân người Bana và Gia Rai - giới

thiếu một truyền thống văn hóa rất riêng của đồng bào dân tộc sinh sống tại vùng đất cao nguyên phía Nam.

4. Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2012, Bảo tàng Lịch sử Thành phố được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường Nguyễn Bình Khiêm là một trong những con đường xưa nhất thành phố Sài Gòn. Thời gian đầu thời kỳ Pháp thuộc được gọi là con đường số 2. Từ ngày 02 tháng 6 năm 1871, đổi tên thành đường Tây Ninh. Năm 1897 đến năm 1943, lần lượt mang tên Rousseau, Docteur Angier. Ngày 22 tháng 3 năm 1955, đổi tên là đường Nguyễn Bình Khiêm.

Quá trình lịch sử:

Ngày 24 tháng 11 năm 1927, Thống đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse đã ký quyết định thành lập một bảo tàng để triển lãm lúa gạo. Bảo tàng mang tên ông, được xây dựng theo đồ án của kiến trúc sư Auguste Delaval. Sau khi khánh thành vào ngày 01 tháng 01 năm 1929, bảo tàng được sử dụng thành nơi trưng bày dân tộc học và nhân chủng học của Việt Nam và các nước trong khu vực. Tuy đồ án do kiến trúc sư người Pháp thiết kế nhưng tòa nhà lại mang nét kiến trúc Phương Đông.

Trên khuôn viên rộng 6.057m², bảo tàng gồm hai khối nhà: tòa nhà trước xây dựng năm 1927, diện tích và tòa nhà sau bắt đầu xây dựng vào năm 1970, có diện tích 1.000m², được xây nối tiếp vào tòa nhà cổ, tạo thành một khoảng sân bên trong.

Ngay từ khi mới thành lập, bảo tàng đã có 2.893 cổ vật, chủ yếu là bộ sưu tập của Holbe được mua lại với giá 45.000 France. Viễn Đông Bác Cổ Học Viện (Ecole Francaise d'Extreme-Orient) chịu trách nhiệm chỉ đạo về mặt chuyên môn. Chỉ riêng trong năm đầu tiên, Bảo tàng đã đón 14 vạn lượt người đến tham quan.

Năm 1956, chính quyền Sài Gòn đổi tên thành Viện Bảo tàng Quốc gia Việt Nam, trưng bày mỹ thuật Việt Nam, Chăm, Khmer, Trung Quốc, Nhật Bản và các sắc tộc thiểu số.

Khoảng năm 1970, một tòa nhà hình chữ U, do kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng thiết kế, được xây nối tiếp vào tòa nhà cũ nhưng đến khoảng năm 1984 khu nhà này mới được đưa vào sử dụng.

Ngày 23 tháng 9 năm 1978, bảo tàng chính thức mang tên “Bảo Tàng lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh” thuộc hệ thống bảo tàng của Việt Nam.

Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh là một trong số ít các công trình kiến trúc ở Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện sự giao lưu văn hóa và kiến trúc Pháp - Việt vào nửa đầu thế kỷ 20. Bảo tàng được thiết kế theo phong cách kiến trúc thường được gọi là “phong cách Đông Dương”: phối hợp nghệ thuật kiến trúc truyền thống bản địa với bố cục, kỹ thuật Phương Tây. Các thành phần kiến trúc của bảo tàng được bố trí đối xứng tuyệt đối về mặt bằng (các khối nhà, phòng phụ, cầu thang, thiên tỉnh,...) cũng như mặt đứng (tháp bát giác và hai khối nhô ở hai bên, ba khối nhà của tòa nhà sau, trang trí trên mái...). Thể hiện ý thức về tầm quan trọng của mối quan hệ giữa kiến trúc với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa, tác giả công trình đã khéo léo đưa ra các giải pháp xử lý khí hậu nóng ẩm bằng các mái hiên, hành lang rộng, tận dụng ánh sáng tự nhiên bằng sân thiên tỉnh và các cửa sổ sát mái; bản sắc văn hóa bản địa thể hiện qua thiết kế các tầng tháp bát giác có mái ngói cong chồng diêm, các console đỡ tầng mái,

Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh là bảo tàng đầu tiên được thành lập ở Nam Bộ và hoạt động xuyên suốt nên có thể nói đây là bảo tàng lâu đời nhất ở Miền Nam. Các hiện vật trưng bày ở bảo tàng đã giúp cho khách tham quan hiểu được lịch sử dân tộc, đất nước Việt Nam và các nền văn hóa trong khu vực.

Hiện nay Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 36.000 hiện vật phản ánh lịch sử và các nền văn hóa Việt Nam, Champa, Óc Eo, Khmer, ... cùng một số nước Châu Á, đồng thời thay đổi một cách cơ bản nội dung trưng bày. Dựa vào thành tựu nghiên cứu của các ngành sử học, khảo cổ học dân tộc học, bảo tàng giới thiệu một cách có hệ thống tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến năm 1945. Ngoài ra, bảo tàng còn trưng bày một số chuyên đề như văn hóa Óc Eo, văn hóa cổ Đồng bằng sông Cửu Long, nghệ thuật Champa. Nội dung trưng bày tại 18 phòng trưng bày trong nhà và một khu trưng bày ngoài trời, được chia thành 2 phần:

Phần 1: Lịch sử Việt Nam từ thời tiền sử đến năm 1945, giới thiệu cuộc sống của người tiền sử Việt Nam đến thời sơ sử; thời kì dựng nước và giữ nước của các dân tộc Việt Nam, các triều đại phong kiến Việt Nam: Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn; các nền văn hóa nổi tiếng: văn hóa Đông Sơn, văn hóa Đại Việt, văn hóa Champa...

Phần 2: Các chuyên đề giới thiệu khái quát về văn hóa các dân tộc phía Nam Việt Nam và đặc trưng văn hóa một số nước Châu Á: sưu tập tượng Phật một số nước Châu Á, điêu khắc đá Campuchia, sưu tập của

Vương Hồng Sển, đồ gốm của một số nước Châu Á, xác ướp Xóm Cải - Thành phố Hồ Chí Minh, sưu tập sủng thần công...

5. Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh

Tên gọi: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh được thành lập ngày 04 tháng 9 năm 1975 với tên gọi “Nhà trưng bày tội ác Mỹ ngụy”, sau đổi thành “Nhà trưng bày tội ác chiến tranh xâm lược” (1990), ngày 04 tháng 7 năm 1995 đổi tên thành “Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh”. Hiện nay, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh nằm trong hệ thống các bảo tàng Việt Nam, các bảo tàng vì hòa bình thế giới và là thành viên của Hội đồng các bảo tàng thế giới (ICOM).

Địa chỉ: Số 26 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh là Bảo tàng chuyên đề nghiên cứu, sưu tầm, lưu trữ, bảo quản và trưng bày những tư liệu, hình ảnh, hiện vật về những chứng tích và hậu quả của các cuộc chiến tranh mà các thế lực xâm lược đã gây ra đối với Việt Nam.

Từ năm 2002 đến ngày 30 tháng 4 năm 2010, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh được đầu tư xây dựng mới nhằm hiện đại hóa toàn diện hoạt động.

Bảo tàng lưu giữ hơn 20.000 tài liệu, hiện vật và phim ảnh, trong đó hơn 1.500 tài liệu, hiện vật, phim ảnh được trưng bày thường xuyên, bao gồm:

- Chuyên đề “Những sự thật lịch sử”: gồm hình ảnh, hiện vật về quá trình chính quyền và quân đội Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- Chuyên đề “Hồi niệm”: trưng bày những ảnh tư liệu về chiến tranh Việt Nam do 2 phóng viên Tim Page và Horst Faas thực hiện nhằm tưởng niệm những phóng viên chiến trường đã chết trong chiến tranh Việt Nam. Bộ sưu tập gồm có 204 tác phẩm của 133 phóng viên chiến trường thuộc 11 quốc tịch.

- Chuyên đề “Việt Nam - Chiến tranh và Hòa bình”: Bộ sưu tập ảnh tư liệu của nhà nhiếp ảnh Nhật Bản Ishikawa Bunyo. Ông là phóng viên của hãng Farkas Studio - Hongkong, tham gia tác nghiệp tại chiến trường Việt Nam từ tháng 01 năm 1965 đến tháng 12 năm 1972. Sau chiến tranh Việt Nam kết thúc, ông trở lại Việt Nam, chụp ảnh và cho ra đời Bộ sưu tập ảnh tư liệu “Việt Nam - Chiến tranh và Hòa bình”. Năm 2015, ông đã trao tặng bộ sưu tập cho Bảo tàng.

- Chuyên đề “Chất độc da cam trong chiến tranh Việt Nam”: Bộ sưu tập ảnh tư liệu của nhà nhiếp ảnh Nhật Bản Goro Nakamura. Ông là nhiếp ảnh gia tự do. Ông sang Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1970. Xúc động trước thảm cảnh do chiến tranh gây ra, ông đã trở lại Việt Nam nhiều lần để ghi lại hậu quả của chất độc da cam/dioxin trong chiến tranh.

- Chuyên đề “Bồ câu trắng”: là không gian dành để giáo dục cho thiếu nhi Việt Nam và quốc tế về ý thức chống chiến tranh phi nghĩa và tình yêu hòa bình, tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới thông qua các hoạt động văn hóa, mỹ thuật.

- Chuyên đề “Tội ác chiến tranh xâm lược”: Trưng bày những chứng tích của cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ gây ra đối với nhân dân Việt Nam từ bắt bớ, tra tấn, giết hại người dân, đến gây ra các vụ thảm sát tập thể; sử dụng bom đạn tàn phá nhà cửa, bệnh viện, trường học gây nhiều tổn thất và thương vong đối với người dân Việt Nam.

- Chuyên đề “Hậu quả chất độc da cam trong chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam”: trưng bày hình ảnh, tư liệu, hiện vật về hậu quả chất độc hóa học do quân đội Mỹ gây ra và sự vượt khó vươn lên của các nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.

- Chuyên đề “Thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến”: giới thiệu những hình ảnh, tư liệu, hiện vật của các nước trên thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

- Chuyên đề “Chế độ lao tù trong chiến tranh xâm lược Việt Nam”.

6. Bảo tàng Áo dài

Địa chỉ:

Khu nhà vườn Long Thuận, số 206/19/30 Long Thuận, Phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số 77 đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, tên gọi Phòng trưng bày áo dài.

Quá trình lịch sử:

Phòng trưng bày áo dài:

Đây là không gian triển lãm áo dài, từ áo dài hiện đại đến áo dài Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời, những chiếc áo dài trải qua các thời kỳ lịch sử, những chiếc áo dài của nghệ sĩ Việt Nam được nhà thiết kế Sĩ Hoàng thiết kế, sưu tập đã góp mặt tại đây.

Khó khăn lớn nhất của việc sưu tập áo dài là với người Việt, khi mất đi thường chôn theo cùng chiếc áo đẹp nhất, còn lại thông thường gia đình lưu giữ làm kỷ vật. Nhưng nhà thiết kế Sĩ Hoàng đã thuyết phục được gia đình của những người nổi tiếng trao tặng bảo tàng những hiện vật quý giá

đó. Đó là chiếc áo của:

- Nữ tướng Nguyễn Thị Định;
- Bà Nguyễn Thị Bình mặc khi đang là Bộ trưởng Ngoại giao;
- Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam mặc diễn hàng ngàn suất của vở kịch Lá sầu riêng;
- Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há mặc sinh nhật 80 tuổi;
- Bên cạnh đó còn là áo của rất nhiều nghệ sĩ nổi tiếng khác như ca sĩ Khánh Ly, nghệ sĩ Trà Giang, Ánh Tuyết, Cẩm Vân, Thành Lộc, Hải Phượng;
- Đặc biệt là còn có những chiếc áo của các nữ tù Côn Đảo lưu dấu những ngày họ mặc áo dài xuống đường biểu tình, ...

Độc đáo nhất, tại đây lần đầu tiên nhà thiết kế Sĩ Hoàng giới thiệu chiếc long bào mà Vua Bảo Đại mặc lên ngôi năm 1926. Chiếc long bào này được nghệ nhân Vũ Văn Giỏi cùng 8 người thợ làng nghề phục chế từ tháng 7 năm 1998 và hoàn thành vào tháng 12 năm 1999. Tất cả các công đoạn phục dựng từ thêu, may ghép hoàn toàn làm bằng thủ công phục dựng theo nguyên mẫu từ áo xưa. Áo được thực hiện hết 14m vải, thêu từng mảnh rồi lắp ghép vào 14m vải lót trong. Vải thêu áo được dệt bằng 8kg sợi tơ tằm. Vải lót trong dệt mỏng kiểu dệt lụa. Chỉ thêu bằng sợi tằm se hai chiều, nhuộm màu bằng thảo mộc để được màu tự nhiên theo sắc trầm như áo xưa, đặc biệt chỉ được làm từ vàng dát ra.

Những chiếc áo dài từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 21 tại bảo tàng phục vụ nhu cầu thưởng lãm của du khách, khách tham quan muốn tìm hiểu nét đẹp văn hóa, mỹ thuật qua tà áo dài Việt Nam. Ngoài ra, khách cũng có thể đặt may theo những mẫu áo dài xưa được phục chế theo nguyên mẫu.

Bảo tàng Áo Dài

Tọa lạc trong không gian rộng 20.000 mét vuông, các hiện vật được trưng bày trong kiến trúc nhà rường xưa, bằng gỗ quý được sưu tầm từ vùng đất Quảng Nam, do chính các nghệ nhân làng Kim Bồng phục hiện.

Bộ sưu tập của bảo tàng đã có hơn 500 mẫu áo dài qua các thời đại, 3.000 tấm ảnh về áo dài xưa và nay cùng nhiều tư liệu quý về áo dài Việt Nam.

Bảo tàng giới thiệu 36 hiện vật thật về áo dài với 2 nhóm chính:

- Thứ nhất là áo dài tiêu biểu qua các thời kỳ:

Áo dài tứ thân thế kỷ 17, áo dài năm thân thế kỷ 18, áo dài vương triều nhà Nguyễn thế kỷ 19, áo dài Cát Tường (hiện đại) đầu thập niên 1930,...

- Thứ hai là các bộ áo dài gắn với những người phụ nữ Việt Nam nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ... như áo dài của nhà

ngoại giao Nguyễn Thị Bình, nhà ngoại giao Tôn Nữ Thị Ninh, Nghệ sĩ Nhân dân Trà Giang, Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam, Nghệ sĩ Nhân dân Kim Cương, Nghệ sĩ Nhân dân Bạch Tuyết, ...

IV. DI SẢN TÔN GIÁO – TÍN NGƯỠNG

Với vị trí địa lý thuận lợi, khí hậu ôn hòa, quanh năm hai mùa mưa nắng, nên Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh trở thành nơi gặp gỡ, hội tụ của nhiều tộc người. Từ nửa cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17, các Chúa Nguyễn dần dần được đặc quyền cai trị đất Đàng Trong, công cuộc di dân người Việt đến khai phá vùng đất mới phía Nam ngày càng trở nên thường xuyên và mạnh mẽ. Vùng đất Nam Bộ nói chung, vùng đất Sài Gòn - Gia Định nói riêng là miền đất tụ cư của các dân tộc Việt sinh sống đan xen với các dân tộc Chăm, Khmer, Hoa, ... do sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, nơi đây cũng rất đa dạng về tôn giáo - tín ngưỡng.

Đến Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, chúng ta vẫn có thể gặp được rất nhiều ngôi nhà thờ, chùa, đình, đền, miếu được xây dựng qua nhiều thời kỳ, mang đậm nét thăng trầm của lịch sử khẩn hoang, thể hiện dấu ấn lịch sử văn hóa đặc sắc của vùng đất Sài Gòn - Gia Định xưa. Đó là những ngôi chùa Phật giáo Nam Bộ tiêu biểu, những ngôi đình xưa gắn liền với lịch sử khẩn hoang mở đất, những ngôi chùa của người Hoa, người Chăm, người Khmer, những hội quán, những nhà thờ, ... Chính những công trình đa dạng, phong phú này đã và đang tạo nên tiềm năng du lịch to lớn cho Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Nhà thờ Đức Bà

Tên gọi: Vương cung Thánh đường Đức Bà, còn gọi Nhà thờ Đức Bà

Địa chỉ: Số 1 Quảng trường Công xã Paris, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Tháng 8 năm 1876, Thống đốc Nam kỳ Duperré đã tổ chức một kỳ thi vẽ đồ án kiến trúc nhà thờ mới thay cho ngôi thánh đường cũ ở bờ Kinh Lớn (đường Nguyễn Huệ ngày nay). Vừa có chỗ thờ phụng, hành lễ cho tín đồ, vừa đẩy mạnh đạo Công giáo và sự vĩ đại của nền văn minh Pháp trước người dân thuộc địa. Vượt qua 17 đồ án thiết kế khác, đồ án của kiến trúc sư J. Bourad với kiến trúc theo kiểu Roman cải biên pha trộn nét Gotich đã được chọn.

Nhà thờ Đức Bà còn có tên gọi Nhà thờ Chính tòa, được xây dựng dưới thời Đức Giám mục Colombert, phụ trách giáo phận. Giám mục là người đặt viên đá đầu tiên (ngày 07 tháng 10 năm 1877) và cũng là người cử hành lễ khánh thành (ngày 11 tháng 4 năm 1880) - dịp Lễ phục sinh.

Nhà thờ được xây dựng theo đồ án của kiến trúc sư Bourard, một chuyên gia về các công trình kiến trúc tôn giáo. Đồ án này là một trong số 18 đồ án xây dựng được đệ trình từ tháng 8 năm 1876. Nhà thờ là một công trình kiến trúc theo phong cách Roman có chiều dài 91m, rộng 35,5m, vòm mái cao 21m, chiều cao của hai tháp chuông kể từ đất là 36,6m, nếu tính cả hai chóp tháp chuông do kiến trúc sư Gardes thêm vào năm 1885, thì chiều cao này sẽ là 57,6 m. Nhà thờ được trang trí với 56 cửa kính màu mô tả các nhân vật hay sự kiện trong Thánh Kinh, 31 hình bông hồng tròn và 25 cửa sổ mắt bò, tất cả bằng hình trang trí ghép mảnh.

Sau khi đề án thiết kế được chọn, Đô đốc Duperré cho đầu thầu việc xây dựng thánh đường và cũng chính kiến trúc sư J. Bourad là người trúng thầu và trực tiếp giám sát công trình này. Đồ án này mô phỏng theo kiến trúc Nhà thờ Đức Bà Paris (Cathédrale Notre – Dame de Paris), có ảnh hưởng bởi phong cách kiến trúc Roman cải biên và kiến trúc Gothique. Ngày 28 tháng 4 năm 1877, kiến trúc sư Bourard đã ký nhận xây dựng công trình với chi phí 2.268.000 Franc (quan Pháp). Hầu hết các vật liệu cơ bản từ xi măng, sắt thép, các loại ốc, vít được mang từ Pháp sang. Đặc biệt mặt ngoài của công trình xây bằng loại gạch đặt làm tại Marseille (Pháp) để trần, không tô trát, (đến nay vẫn còn màu sắc hồng tươi), không bám bụi rêu. Ngôi Thánh đường dài 91m, rộng 35,5m, có sức chứa tới 1.200 người, vòm mái cao 21m, hai tháp chuông cao 36,6m. Đặc biệt tường nhà thờ được xây bằng gạch đỏ để trần, đặt làm tại Marseille và kết hợp với đá xanh khai thác tại Biên Hòa, cùng toàn bộ 56 ô cửa kính màu do hãng Lorin của tỉnh Chartres (Pháp) sản xuất. Móng của Thánh đường được thiết kế có thể chịu được tải trọng gấp mười lần toàn bộ kiến trúc hiện hữu.

Ngày 07 tháng 10 năm 1877, Giám mục Isidore Colombert đặt viên đá đầu tiên trước mặt Phó soái Nam Kỳ và đông đủ nhân vật có ảnh hưởng thời ấy. Thánh đường được xây dựng trong 3 năm. Lễ Phục sinh, ngày 11 tháng 4 năm 1880, lễ cung hiến và khánh thành được cố đạo Colombert tổ chức trọng thể với sự có mặt của Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers. Tất cả mọi chi phí xây dựng, trang trí nội thất đều do Soái phủ Nam Kỳ đài thọ, với số tiền 2.500.000 franc Pháp theo tỷ giá thời bấy giờ. Ban đầu, thánh đường có tên gọi là Nhà thờ Nhà nước vì tất cả chi phí xây dựng, trang trí nội thất do Soái phủ Nam Kỳ đài thọ bỏ tiền xây dựng và quản lý.

Năm 1895, nhà thờ xây thêm hai tháp nhọn cao 21m theo đồ án của kiến trúc sư Gardès, nên hai tháp chuông nhà thờ vươn cao gần 60 mét (57,6m), hai tháp có 6 chuông đồng lớn nặng 28,85 tấn. Trên đỉnh tháp có

đỉnh một cây thánh giá cao 3,50m, ngang 2m, nặng 600kg. Tổng thể chiều cao từ mặt đất lên đỉnh thánh giá là 60,50m. Vì vậy, Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn được xếp vào công trình nhà thờ đẹp nhất ở các nước thuộc địa Pháp lúc bấy giờ.

Năm 1958, Linh mục Giuse Phạm Văn Thiên (sau làm Giám mục giáo phận Phú Cường, nay đã qua đời), cai quản giáo xứ Sài Gòn bấy giờ, đã đặt tạc một tượng Đức Mẹ Hòa Bình bằng loại đá cẩm thạch trắng Carrara của Ý. Tượng được tạc tại Pietrasanta cách Roma khoảng 500km. Khi tượng hoàn tất đã được đưa xuống tàu Oyanox vào ngày 08 tháng 01 năm 1959 và từ hải cảng Gênes chở tượng qua Việt Nam và tới Sài Gòn ngày 15 tháng 02 năm 1959, sau đó công ty Société d'Entreprises đã dựng tượng Đức Mẹ lên bệ đá trước cửa nhà thờ.

Ngày 05 tháng 12 năm 1959, nhà thờ Chính tòa được Tòa thánh Vatican nâng lên hàng Vương cung Thánh đường và Đức Hồng Y Agagianian, đặc sứ của Đức Giáo hoàng Gioan 23, đã làm phép tượng Nữ Vương Hòa Bình đặt trong công viên trước nhà thờ, nhân dịp ngài tới Sài Gòn. Từ đó, tên gọi chính thức của Thánh đường là Vương cung Thánh đường Đức Bà Sài Gòn.

Móng của Thánh đường được thiết kế đặc biệt, chịu được tải trọng gấp 10 lần toàn bộ kiến trúc ngôi nhà thờ nằm bên trên. Một điều rất đặc biệt là nhà thờ không có vòng rào hoặc bờ tường bao quanh như các nhà thờ quanh vùng Sài Gòn - Gia Định lúc ấy và bây giờ

Nội thất thánh đường có 2 hàng cột chính hình chữ nhật, mỗi bên sáu chiếc tượng trưng cho 12 vị thánh tông đồ. Ngay sau hàng cột chính là một hành lang, kế đó là nhiều nhà nguyện nhỏ với những bàn thờ nhỏ (hơn 20 bàn thờ) cùng các bệ thờ và tượng thánh nhỏ làm bằng đá trắng khá tinh xảo. Bàn thờ nơi Cung Thánh làm bằng đá cẩm thạch nguyên khối có hình 6 vị thiên thần khắc thẳng vào khối đá đỡ mặt bàn thờ, bệ chia làm 3 ô, mỗi ô là một tác phẩm điêu khắc diễn tả thánh tích. Trên tường được trang trí nổi bật 56 cửa kính mô tả các nhân vật hoặc sự kiện trong Thánh Kinh, 31 hình bông hồng tròn, 25 cửa sổ mắt bò bằng kính nhiều màu ghép lại với những hình ảnh rất đẹp. Tất cả các đường nét, gờ chỉ, hoa văn đều tuân thủ theo thức Roman và Gôtich, tôn nghiêm và trang nhã. Tuy nhiên, trong số 56 cửa kính này hiện chỉ còn bốn cửa là nguyên vẹn như xưa, các cửa kính màu khác đều đã được làm lại vào khoảng những năm 1949 để thay thế các cửa kính màu nguyên thủy của nhà thờ đã bị bể gấn hết trong thế chiến thứ 2. Nội thất thánh đường ban đêm được chiếu sáng bằng điện (không dùng đèn cây) ngay từ khi khánh thành.

Ban đầu, hai tháp chuông cao 36,6m, không có mái và chỉ có độc một chiếc cầu thang hẹp chừng 40cm bề ngang. Vào năm 1895, thánh đường xây thêm hai mái chóp để che gác chuông cao 21m, theo thiết kế của kiến trúc sư Gardes, tổng cộng tháp chuông cao 57m. Có tất cả 6 chuông lớn (sol: 8,785kg, la: 5,931kg, si: 4,184kg, đô: 4,315kg, rê: 2,194, mi: 1,646kg), gồm sáu âm, nặng tổng cộng 28,85 tấn, đặt dưới hai lầu chuông. Bộ chuông này được chế tạo tại Pháp và mang về Sài Gòn năm 1879. Ba quả chuông to nhất là chuông si nặng 4,184kg, chuông la nặng 5,931kg và đặc biệt là chuông sol là một trong những quả chuông lớn nhất thế giới: nặng 8,785 kg, đường kính miệng chuông 2,25m, cao 3,5m (tính đến núm treo). Chuông này chỉ ngân lên mỗi năm một lần vào đêm Giao thừa Âm lịch. Trên mỗi nóc chuông đính một cây thánh giá cao 3,50m, ngang 2m, nặng 600kg. Giữa hai gác chuông còn có chiếc đồng hồ hiệu R.A của Thụy Sĩ, sản xuất năm 1877 với bộ máy nặng hơn 1.000 kg.

Các chuông đều được điều khiển bằng điện từ bên dưới. Riêng ba chiếc chuông lớn trước khi đánh đều được khởi động bằng cách đập (vì quá nặng) cho lắc trước khi bật công tắc điện. Dù thô sơ, cũ kỹ nhưng hoạt động khá chính xác. Để điều chỉnh đồng hồ, phía sau máy có một chiếc đồng hồ to cỡ đồng hồ reo trong gia đình. Chỉ cần theo dõi chiếc đồng hồ con này, có thể biết đồng hồ lớn chạy chậm, nhanh, đúng hay sai giờ. Mỗi tuần phải lên giây đồng hồ một lần và chiếc cần để lên giây đồng hồ giống như tay quay máy xe. Đồng hồ còn có hệ thống báo giờ bằng búa đánh vào các chuông của Nhà thờ, tuy nhiên đã không còn hoạt động do dây cốt quá cũ.

Hơn 100 năm qua, Vương cung Thánh đường Đức Bà hay còn được gọi với cái tên gần gũi hơn là nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, không chỉ là nhà thờ chánh tòa của giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, mà còn là nơi tham quan nổi tiếng cho các du khách trong và ngoài nước. Ngôi Thánh đường tráng lệ, cổ kính là một kiệt tác kiến trúc mang nhiều giá trị lịch sử - văn hóa, góp phần tạo nên một đặc điểm rất riêng cho Quận 1 cũng như cho Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhà thờ Huyện Sĩ

Tên gọi: Nhà thờ Huyện Sĩ

Địa chỉ: Số 1 đường Tôn Thất Tùng, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình lịch sử:

Đây là ngôi nhà thờ cổ có trên 100 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc giáo xứ Chợ Đũi.

Giáo xứ Chợ Đũi được thành lập năm 1859. Lúc đó linh mục Boutier đã được cử về coi sóc vùng Phong Phú, Thủ Đức từ năm 1880. Linh mục Boutier là người có khả năng về kiến trúc. Chính cha là người đã thiết kế nhà thờ Thủ Đức. Vì vậy, giáo dân đã nhờ cha Boutier thiết kế ngôi nhà thờ Chợ Đũi. Rất may, hồi đó có đại diện chủ Lê Phát Đạt, là bác của Nam Phương Hoàng hậu có tiếng là giàu có với câu ca được truyền tụng: “Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định”. Dân gian gọi ông Lê Phát Đạt là Huyện Sĩ vì ông có được phong Huyện hàm ở Bình Lập, Tân An tỉnh Long An. Ông là người Công giáo giàu có và hay công đức cho Giáo hội. Chính ông đã công đức xây nhà thờ Chí Hòa và nhà thờ Chợ Đũi mà dân thường gọi là nhà thờ Huyện Sĩ. Bốn mạng của nhà thờ là thánh Philip-phê cũng là thánh bảo trợ của ông Huyện Sĩ.

Nhà thờ Huyện Sĩ có không gian rộng vào loại nhất nhì ở Sài Gòn. Trước tháp chuông là tượng thánh tử đạo Matthêu Lê Văn Gấm. Lối cổng vào hai bên có tượng thánh thiên thần bản mệnh và tượng thánh Giuse. Bên trái nhà thờ là Hang đá Lộ Đức được xây dựng năm 1960. Trong hang có ảnh Đức Mẹ hằng cứu giúp.

Nhà thờ được khởi công xây dựng năm 1902 và khánh thành năm 1905. Nhà thờ xây dựng theo phong cách Gotich. Nhà thờ dài 40m, chia làm 4 gian, mỗi gian rộng 18m. Theo thiết kế của cha Boutier lúc đầu nhà thờ có 5 gian và có chiều dài 50m. Nhưng lúc đó, nhà thờ Chí Hòa hư hỏng nặng nên cha đề nghị rút ngắn chiều dài xây dựng nhà thờ để có kinh phí ủng hộ sửa nhà thờ Chí Hoà. Mặt tiền và các cột trong nhà thờ đều được lát bằng đá hoa cương Biên Hòa. Gian thánh có vòm cung lớn theo kiểu Gotich. Trên các cửa chính của nhà thờ đều có gắn các tượng thánh. Tòa chính giữa nhà thờ là tượng thánh quan thầy Philipphê bằng đá cẩm thạch. Tay thánh nhân đang cầm Thánh giá Phục sinh. Nhà thờ cũng có nhiều cửa kính màu vẽ ảnh thánh.

Tháp chuông cao 57m kể cả chiều cao Thánh giá và con gà trống Gaulois. Trên tháp chuông có treo 4 quả chuông đúc từ Pháp mang về năm 1905. Hai quả chuông lớn có đường kính 1,05m là của con trai và con dâu ông Huyện Sĩ là GB Lê Phát Thanh và Anna Đỗ Thị Thao, dâng cúng. Hai quả chuông nhỏ có đường kính là 0,95m không ghi tên người dâng cúng nhưng được xem là của ông bà Huyện Sĩ.

Khi ông Huyện Sĩ mất năm 1900, nhà thờ chưa xây xong, người ta chôn ông cạnh nhà thờ, đến năm 1920 bà vợ ông mất, người ta mới đặt cả hai ông bà ở gian cạnh đầu nhà thờ để ghi công ơn của ông bà khi xưa đã hiến đất và trích 1/7 tài sản của mình với 30.000 đồng Đông Dương

Đây là khu mộ cổ rất đặc biệt. Trong đó có 2 ngôi mộ của ông Huyện Sĩ và bà vợ ông Huỳnh Thị Tài. Hai ngôi mộ bằng đá nguyên khối cao 1m, dài 3m, có chạm trổ hoa văn đẹp. Phần mộ của ông bên trái, bà bên phải. Đúng với quan niệm của Phương Đông: nam tả nữ hữu. Trên mỗi mộ đá có tượng người bằng đá. Tượng ông Huyện Sĩ, đầu đội khăn đóng, kê trên 2 chiếc gối, mình mặc áo dài gấm, tay nắm trước ngực, chân đi giày. Tượng bà Huỳnh Thị Tài để đầu trần, đầu cũng gối trên 2 chiếc gối, mặc áo gấm, hai tay đan vào nhau để trước ngực, chân mang vớ và đi hài. Trong gian này cũng có hai tượng bán thân của con trai và con dâu ông bà Huyện Sĩ.

3. Nhà thờ Tân Định

Tên gọi: Nhà thờ Tân Định

Địa chỉ: Số 289 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Nhà thờ Tân Định là một trong những công trình đẹp nhất Thành phố, được khởi công năm 1870 và hoàn thành vào ngày 16 tháng 12 năm 1876.

Tổng thể công trình mang phong cách Gothic kết hợp Roman, pha chút Baroque ở những nét trang trí. Đến năm 1929, khu nhà thờ được tôn tạo, mở rộng phần giáo đường và xây dựng thêm một tòa tháp cao 52,6m. Tháng 12 năm 1976, nhân dịp kỷ niệm 100 năm, nhà thờ lại được trùng tu, tôn cao hơn nền cung thánh, sơn sửa lại tháp chuông. Màu sơn hồng và những đường nét hoa văn trang trí màu trắng làm cho toàn bộ công trình nổi bật trên nền trời xanh, tạo một vẻ lộng lẫy và tươi mới.

Nhìn từ phía trước của nhà thờ, có thể nhìn thấy tòa tháp chính và hai tháp phụ. Trên đỉnh tháp là chóp hình bát giác với cây thánh giá bằng đồng cao 3m. Trong tháp có 5 quả chuông, nặng tổng cộng 5,5 tấn. Hai bên tháp phụ có những tháp đèn, có nhiều lỗ thông gió và những hoa văn tạo vẻ vững chãi. Hai dãy hành lang có mái vòm, lợp ngói vảy cá, những ô cửa tròn với hoa lá trang trí, tượng thiên thần rất tinh xảo.

Thánh đường bên trong khá bề thế với hai hàng cột Gothic, dẫn tới bàn thờ chính. Cùng với mặt tiền, hai hàng cột này được đánh giá là những nét đẹp nhất trong cả công trình kiến trúc. Hàng cột bên trái là tượng các thánh nữ, bên phải là các tượng thánh nam. Các bàn thờ trong thánh đường được làm từ đá quý đưa từ nước Ý sang.

Nhà thờ Tân Định không chỉ là một công trình kiến trúc có giá trị, được đưa vào danh mục những địa chỉ lịch sử, văn hóa, du lịch của Thành phố, nơi thờ phụng của bà con giáo dân, mà còn là nơi tổ chức hoạt động

từ thiện của những tấm lòng sống “tốt đời đẹp đạo”.

4. Nhà thờ Cha Tam

Tên gọi: Nhà thờ Cha Tam, còn có tên chính thức: Nhà thờ Thánh Phanxicô Xaviê (Saint Francisco Xavier).

Địa chỉ: Số 25 đường Học Lạc, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Nhà thờ Cha Tam là một nhà thờ cổ.

Xét thấy ở khu vực Chợ Lớn thuộc giáo xứ Chợ Quán, người Việt gốc Hoa theo đạo Công giáo không có nơi cầu nguyện, đô đốc Lagrandière lúc đó đang là Thống đốc Nam Kỳ, đã ra lệnh cho Sở Công trình Công cộng dùng tiền công, để xây dựng một ngôi nhà thờ. Được sự hỗ trợ của chính quyền, Giám mục Dépierre đã cử linh mục Pierre d' Assou có tên Hoa là Đàm Á Tổ (Tam An Su), đọc sang âm Việt là Cha Tam, đứng ra mua một khu đất rộng 3 hecta ở xóm Lò Rèn, mặt tiền đối diện đường Thủy Bình (Rue des Marins, nay là đường Trần Hưng Đạo), gần Lệ Châu Hội quán (nhà thờ tổ nghề kim hoàn của Sài Gòn xưa), ngay trung tâm Chợ Lớn để xây dựng.

Ngày 03 tháng 12 năm 1900, nhân ngày lễ Thánh Saint Francisco Xavier, vị Giám mục địa phận Sài Gòn Mossard, đã đến làm phép đặt viên đá đầu tiên xây ngôi thánh đường và vì thế ngôi thánh đường được mang tên vị thánh này.

Hai năm sau, vào ngày 10 tháng 01 năm 1902, lễ cung hiến thánh đường được tiến hành một cách trọng thể. Tuy nhiên, vì linh mục Pierre d' Assou, người đứng ra xây dựng nhà thờ và cũng là vị cha sở đầu tiên, nên dân gian quen gọi là nhà thờ Cha Tam.

Sau đó, Cha Tam cũng đã cho xây dựng thêm ở khu vực nhà thờ một trường học, nhà nuôi trẻ, một nhà nội trú và một số nhà dành để cho thuê. Vào năm 1990, tháp chuông nhà thờ được tu sửa lại và cung thánh được tân trang.

Nhìn chung, nhà thờ có lối kiến trúc Gothique, giống như các nhà thờ ở Châu Âu, nhưng yếu tố văn hóa Hoa vẫn được coi trọng. Như cổng nhà thờ xây kiểu tam quan, tên nhà thờ ghi bằng chữ Hán, mái lợp ngói âm dương, các đầu đao cong, hai bên cây thánh giá, có hai con cá chép. Trên nóc nhà thờ còn gắn hoa sen, hai bức liễn ở hai bên cửa ra vào cũng viết bằng chữ Hán, bốn cây cột nơi chính điện sơn đỏ, là màu không phổ biến trong nhà thờ Công giáo. Nơi treo hình tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh là hai bức liễn sơn son thiếp vàng, chạm chữ màu đen:

Áo thể phù vinh bất túc mãn nhân nguyện,
Thiên hương vĩnh phúc phương năng suy thiện tâm.

Tạm dịch:

Những vinh hoa phù phiếm hư ảo không thể làm thỏa mãn ham muốn của con người,

Ỗn đức lâu dài thơm thảo của Thiên Chúa giúp người suy gẫm về lòng thiện.

* Về Cha Tam

Linh mục Assou sinh năm 1855 tại Macao, tên thánh là Francisco Xavier. Lúc còn nhỏ, cha mẹ ông gửi ông cùng với người em cho nữ tu Benjamin ở Hồng Kông nuôi dưỡng. Đến khi tám tuổi thì bà Benjamin đem ông sang Sài Gòn để lập Dòng Thánh Phaolô thành Chartres. Khi tới Sài Gòn, bà Benjamin cho ông về ở cùng linh mục Philípphê, cha sở họ đạo Chợ Lớn. Ở đây ông được học tiếng Triều Châu và tiếng Hẹ. Năm Assou 13 tuổi, linh mục Philípphê gửi ông qua học tại Đại Chủng viện Penang. Đến 19 tuổi, khi đã học xong các lớp nhỏ ở Penang, Assou được về học tại Chủng viện Sài Gòn. Năm 1882, ông được Giám mục Colombet phong chức linh mục. Vì bà Benjamin vốn rất yêu quý Assou, vì vậy dày công nuôi dưỡng ông nên khi được thụ phong linh mục, ông đã chọn nguyện đường của dòng Thánh Phaolô để cử hành thánh lễ mở tay.

Ông được sai về làm phó xứ Nhà thờ Chính tòa Sài Gòn, đồng thời làm giáo sư cho Trường Trung học Lasan Taberd. Ông phục vụ tại khu vực Sài Gòn trong 16 năm. Năm 1898, Giám mục Dépierre thấy giáo dân họ đạo Thanh Nhân trong Chợ Lớn ngày càng giảm sút, chỉ còn khoảng chừng 40 người, vì linh mục Assou là đồng hương của Giám mục và cũng là người nói được các thứ tiếng của Hoa kiều nên đã sai ông về Thanh Nhân để chấn hưng lại.

Ban đầu, ông tạm trú tại họ đạo Annam Chợ Lớn để đi kiếm đất xây nhà thờ. Ông tìm thấy được một lô đất rộng hơn 3 mẫu tây ngay trung tâm Chợ Lớn, vừa đủ để cất nhà thờ, trường học và nhà xứ, nhưng rất khó mua vì là đồng sở hữu của 9 Hoa kiều. Lô đất này xưa nguyên là nhà hội của người Hoa dùng làm nơi nghỉ ngơi, giải trí và bàn tính công việc. Trải qua 20 năm bỏ hoang, muốn mua phải tìm đủ 9 người chủ hay là con cháu thừa kế của họ.

Cuối cùng, ông cũng mua được lô đất ấy. Mua đất xong xuôi, ông tiến hành xây một ngôi nhà tạm làm nhà thờ cho giáo dân người Hoa và nhà xứ, đồng thời sắp xếp công việc xây cất nhà thờ mới. Từ đây, giáo dân trong họ đạo bắt đầu gọi ông là Cha Tam.

Ông tổ chức quyên góp, rất nhiều người, giáo dân có, các nhà giàu có và thương gia người Hoa bên lương cũng có, đều sẵn lòng rộng tay giúp đỡ, đóng góp. Bản vẽ kiến trúc do thầy Gioan Baotixita Huỳnh Tịnh Hướng (sau đó làm linh mục) thiết kế. Khoảng 10 tháng sau, ngôi nhà thờ gần xong thì Cha Tam Assou lâm bệnh nặng, phải nằm bệnh viện 2 tháng. Ngày 10 tháng 02 năm 1902, nhà thờ được khánh thành, nhiều linh mục Pháp, linh mục Việt, nhiều quan chức chính quyền, đông đảo giáo dân tham dự. Tuy bệnh đã khỏi, nhưng còn rất yếu, nên cất xong nhà thờ, Cha Tam đã xin Bề trên đi nghỉ ở Hồng Kông, Macao và đến đảo Thượng Xuyên viếng mộ Thánh Francisco Xavier. Năm 1934, Cha Tam qua đời, được an táng ngay bên tường, gần cửa ra vào nhà thờ.

Thông tin thêm:

Ngày 01 tháng 11 năm 1963, cuộc đảo chính quân sự nổ ra, Tổng thống Ngô Đình Diệm và người em ruột là Cố vấn Ngô Đình Nhu của chính thể Việt Nam Cộng hòa đã phải tạm lánh đến ở một nhà người Việt gốc Hoa tên Mã Tuyên ở khu vực Chợ Lớn.

Sáng hôm sau, tức ngày 02 tháng 11 năm 1963, hai ông đã đến ngôi nhà thờ này cầu nguyện trước khi tự nộp mình cho phe đảo chính, nhưng rồi cả hai ông đều bị một sĩ quan trong lực lượng đảo chính hạ sát ngay trên đường áp tải từ nhà thờ Cha Tam về Bộ Tổng tham mưu của chính thể Việt Nam Cộng hòa.

5. Chùa Bà Ấn Độ

Tên gọi: Chùa bà Ấn Độ, còn có tên là đền thờ Mariamman

Địa chỉ: Số 45, đường Trương Định, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu (Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An), năm 1867, hạt Sài Gòn (thuộc tỉnh Sài Gòn) gồm 2 huyện Bình Dương và Bình Long, có 580 người Ấn sinh sống trong số dân hơn 82.000 người Việt, Hoa, Ấn, Âu.

Cuối thế kỷ thứ 19, người Ấn sinh sống tại khu vực gần chợ Bến Thành đã xây dựng một số đền thờ. Trên đường Bourdair (nay là đường Trương Định) có đền Mariamman.

Đền Mariamman thường được gọi là chùa Bà vì đền thờ nữ thần Mariamman. Theo tín ngưỡng của người Ấn, Mariamman là hóa thân của Parvathy (mẹ của vũ trụ), là nữ thần mưa, phù hộ cho mùa màng bội thu, đất đai màu mỡ. Dân chúng cũng đến đây cầu xin Bà phù hộ cho vạn

sự như ý, sinh con, cưới hỏi...

Năm 1958, đền thờ được xây dựng lại như hiện nay với diện tích khoảng 1.000m². Mặt trước có một cổng chính và hai cổng phụ. Trên ngọn tháp bảy tầng phía trên cổng chính và đầu tường chính diện trang trí nhiều tượng thần Ganesha, thần Murugan, thiên thần và các vũ nữ. Điện thờ ở chính giữa khuôn viên, hướng ra cổng chính. Trước điện thờ, bên trái lối vào, là tượng sư tử Simma Vahanam. Mỗi dịp lễ hội, tượng thần Mariamman được đặt lên lưng sư tử để rước kiệu. Hai bên và phía sau điện thờ có lối đi khá rộng ngăn cách điện thờ với ba dãy nhà phụ vuông góc nhau tạo thành chữ U bao quanh điện thờ. Trên vách tường ngoài của ba dãy nhà này có 19 tượng thờ các vị thần như Nadaraja, Samundi, Indira, Durgai, Andal, Mahavishnu... đặt trong các ô tròn.

Điện thờ được xây cao hơn mặt đất khoảng 0,5m. Mỗi cạnh điện thờ có sáu thân cột ở vòng ngoài và năm thân cột vòng trong đỡ lấy mái điện. Bên trên mái điện còn có một mái tròn và khá nhiều tượng thần linh, người và vật... Phần trước điện thờ là nơi tín đồ làm lễ, dâng cúng hương hoa... Phần sau là ba tháp thờ bằng đá được chạm khắc nhiều đường gờ tạo hình các thân cột và những ngọn lửa cách điệu. Tháp thờ nữ thần Mariamman ở giữa, lớn hơn hai tháp hai bên, trong đó có tượng thần Mariamman. Bên trên cửa tháp có tượng nữ thần Mariamman, hai bên là thần Murugan, thần Genesha và hai thị nữ. Tháp bên trái thờ nam thần Madurai Veeran với tượng thần sáu tay, trên nóc tháp trang trí tượng người xen kẽ với các con ngựa vây quanh một chóp mái hình tròn. Tháp thờ nữ thần Pechiamman phía bên phải, được trang trí giống như tháp thờ Madurai Veeran với các tượng người và voi. Thần được thể hiện đang đứng, tay cầm kiếm.

Hàng ngày, đền Mariamman đều có buổi lễ cúng vào khoảng 18 giờ. Sáng thứ sáu hàng tuần và ngày 11, 15 âm lịch hàng tháng, lễ cúng được tổ chức trang trọng hơn với tín đồ không chỉ là người Việt gốc Ấn, mà còn có người Ấn sang Việt Nam sinh sống, làm việc.



6. Chùa Xá Lợi

Năm 2005, Chùa Xá Lợi được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Thành phố.

Tên gọi: chùa Xá Lợi hay chùa Phật học Xá Lợi. Được đặt tên như vậy vì chùa do Hội Phật học Nam Việt xây dựng để thờ ngọc Xá lợi (sau khi đức Phật Thích Ca viên tịch, thân xác Người được hỏa thiêu, tro tàn biến thành những viên đá đẹp và chiếu sáng như ngọc và được gọi là ngọc xá lợi, cũng thường được gọi là chùa Phật học Xá Lợi).

Địa chỉ: Số 89 Bà Huyện Thanh Quan, Phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Chùa Xá Lợi thuộc loại Di tích lịch sử. Chùa Xá Lợi cũng là nơi tổ chức tang lễ Hòa thượng Thích Quảng Đức, người đã hy sinh cho Phật pháp, tự thiêu mình để tố cáo sự áp bức, bất công của chính quyền Sài Gòn lúc bấy giờ.

Chùa được khởi công xây dựng từ ngày 05 tháng 6 năm 1956, theo thiết kế của hai kiến trúc sư Trần Văn Đường và Đỗ Bá Vinh, hoàn thành ngày 02 tháng 5 năm 1958.

Từ đó đến nay, chùa Xá Lợi là cơ sở của nhiều tổ chức Phật giáo quan trọng:

- Trụ sở của Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Hoa Việt (thành lập vào tháng 6 năm 1959).
- Văn phòng của Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam năm 1964.
- Trụ sở của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo chống kỳ thị tôn giáo (hoạt động từ 25 tháng 5 năm 1963 đến tháng 01 năm 1964).
- Nơi diễn ra Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất và soạn thảo ra Hiến chương Phật giáo (từ 31 tháng 12 năm 1963 đến ngày 04 tháng 01 năm 1964).
- Giảng đường đầu tiên của Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn (từ 1964 đến 1966).
- Trụ sở Văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ khi Giáo hội được thành lập (năm 1981) đến năm 1993.

Chùa Xá Lợi tọa lạc trên thửa đất rộng 2.500m², chùa có kết cấu hai tầng (một trệt, một lầu), sử dụng vật liệu hiện đại, mái lợp ngói Tây. Một tháp chuông bảy tầng, cao 32m.

Chính điện chùa dài 30m, rộng 15m, chiều cao gần 9m. Phật điện chỉ thờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tượng Phật cao 4m được tháp vàng, bề tượng là tòa sen hình chữ nhật cao 1,63m, chiều dài 3,77m, ngang 2,7m. Hai bên tượng Thích Ca là hai độc bình, kích thước mỗi bình cao 1,35m,

tang phình 1,36m, đường kính miệng bình 0,38m.

Dọc hai bên tường chính điện có mười bốn bức tranh minh họa cuộc đời của Phật Thích Ca từ lúc Đản sinh, đến khi nhập Niết Bàn.

Trước điện thờ Phật có một bàn thờ dài hơn 5m, ngang gần 0,9m, cao 1,8m. Trên bàn thờ có một đỉnh trầm hình cầu chung quanh có 4 tượng rồng, để đỉnh trầm là tượng 3 con rồng vươn mình đỡ lấy đỉnh trầm.

Tháp chuông chùa Xá Lợi được xây theo hình khối vuông, các góc nhọn được vạt lõm vào làm cho ngôi tháp có hình bát giác. Ở đầu các góc mái có hoa văn hình rồng cách điệu. Tầng cao nhất của tháp là nơi treo một đại hồng chung được đúc tại làng Dương Biều (Huế), theo mẫu của chùa Linh Mục. Quả chuông này cân nặng 2 tấn, đường kính 1,2m, cao 1,6m, quai chuông cao 0,45m được đúc hình rồng.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Xá Lợi có một vị trí khá quan trọng: là tòa soạn của Tạp chí Từ Quang, cơ quan ngôn luận của Hội Phật học Nam Việt, một tạp chí tuyên truyền, phổ biến Phật học, Phật pháp, góp phần hoằng dương Phật giáo ở Nam Việt Nam; chùa cũng là nơi chứng kiến những lịch sử của tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Hiện vật lưu trữ

- Tháp bằng vàng đựng ngọc Xá lợi Phật do ngài Narada Mahathera, một danh tăng Phật giáo Tích Lan đã mang sang tặng để làm chứng tích Phật bảo thường trụ tại quốc độ Việt Nam.

- Pho kinh bằng chữ Pali, chép lại lời đức Phật trên lá bối, được làm cách nay hơn một ngàn năm, dài 0,45m, rộng 0,06m, hai đầu có dùi lỗ để xỏ chỉ khâu lại, bìa bằng gỗ thếp vàng. Bộ kinh này do Giáo hội tăng già Tích Lan tặng.

- Tượng đầu Phật: bằng đồng đỏ, cao 23cm, do Phật tử Pakistan tặng.

- Cây bồ đề được trồng từ năm 1958 cũng do danh tăng Narada Mahathera mang từ Tích Lan sang. Cây bồ đề này chiết từ cây gốc ở Tích Lan (do Thái tử con vua Asoka chiết từ cây bồ đề nơi Đức Phật thành đạo)

Ngoài bảo vật ngọc xá lợi Phật tổ thờ ở chính điện, bộ Kinh cổ có cách nay hơn ngàn năm, nhiều tượng Phật, Bồ Tát bằng đồng, gỗ có giá trị nghệ thuật do Giáo hội Phật giáo các nước Tích Lan, Pakistan, Ấn Độ... trao tặng chùa Xá Lợi đã nói lên mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội Phật học Nam Việt với Phật tử các nước.

7. Chùa Giác Lâm

Năm 1988, Chùa Giác Lâm được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Chùa Giác Lâm

Địa chỉ: Số 565 (số cũ 118) đường Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Chùa Giác Lâm còn có tên gọi khác là Sơn Can và Cẩm Đệm, do ông Lý Thụy Long (người Minh Hương) quyền tiền xây dựng năm 1744. Chùa Giác Lâm được xem là tổ đình của phái Lâm Tế, thiền sư Viên Quang (đời thứ 36) là vị trụ trì đầu tiên.

Từ khi thành lập đến nay, chùa đã trải qua 4 lần trùng tu lớn vào các năm 1798-1804, 1900-1909, 1939-1945, 1992-1994. Năm 1953, Đại đức Narada từ Sri-Lanka sang Việt Nam và tặng cho Giáo hội Phật giáo cổ truyền (đặt tại chùa Giác Lâm) một cây bồ đề và một viên ngọc Xá Lợi Phật. Trong lần trùng tu thứ ba giai đoạn 1939 - 1945, các họa tiết trang trí được đắp trên tường chùa, trên tháp tổ bằng gốm sứ được đặt làm từ lò gốm sứ ở Bình Dương.

Trước chùa có cổng nhị quan. Vườn chùa có 38 tháp thờ các vị tăng sĩ các nơi và khu tháp các vị tổ trong chùa. Mái chùa có dạng bánh ít, là đặc trưng của các chùa cổ Nam Bộ. Cấu trúc mặt bằng dạng chữ “tam” với 98 cột bằng gỗ quý. Bên trong bài trí 113 pho tượng cổ bằng gỗ mít, 5 pho tượng bằng đồng, 86 câu đối chữ Hán được chạm khắc trên các cột hoặc các liễn. Đặc biệt là hai bộ tượng La hán bằng gỗ thếp vàng, bộ nhỏ có niên đại thế kỷ 18, bộ lớn có niên đại thế kỷ 19. Ngoài hệ thống bao lam và hoành phi được chạm long công phu, năm 1997, chùa được bổ sung 14 bao lam do nhóm thợ ở Cao Lãnh, Đồng Tháp chạm.

Cảnh bài trí các tượng thờ trong chính điện được đánh giá là tiêu biểu cho các chùa ở Nam Bộ gồm: bộ Di Đà Tam Tôn - đặt trên cùng chính điện theo chiều ngang; bộ Tam Thế Phật - đặt theo chiều dọc; bộ La Hán, bộ Thập điện và bộ tượng 5 vị gồm một vị Phật và 4 vị Bồ Tát (Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền) đặt tại bàn Tam Bảo, bàn dưới cùng của chánh điện. Bộ tượng 5 vị độc đáo ở chỗ được tạc dưới dạng “thượng kỳ thú” (ngồi trên mình thú), tay bắt ấn, tay cầm bửu bối, đặt thờ trong tư thế hoàng hóa, thuyết pháp độ chúng sinh, không phải trong thế tham thiên nhập định. Các vị Bồ Tát được mô tả gần gũi với người phàm, tóc tết, đặt tại bàn Tam bảo là bàn thấp nhất và gần với Phật tử nhất.

Chùa còn lưu giữ nhiều sách cổ tạng bản và trùng khắc kinh sách Phật giáo. Trong thế kỷ 19, chùa Giác Lâm đã là một học viện, học xá. Suốt hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chùa là cơ sở của cách mạng, nơi hội họp và nuôi giấu cán bộ. Ngày nay, chùa là nơi tiến hành lễ giỗ lớn cho các vị tổ của phái Lâm Tế và thường xuyên mở lớp Thọ bát

quan trai vào mỗi chủ nhật.

8. Chùa Phụng Sơn

Năm 1988, Chùa Phụng Sơn được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Chùa Phụng Sơn, còn gọi là Chùa Gò.

Địa chỉ: Số 1408 đường Ba Tháng Hai, Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:



Chùa Phụng Sơn là một trong những ngôi chùa có niên đại gần như xưa nhất ở Thành phố và được xây trên nền một ngôi chùa cũ của người Miên. Là một ngôi chùa tiêu biểu cho kiểu kiến trúc khéo léo phối hợp với thiên nhiên tạo nên một danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Điểm nổi bật ở chùa Phụng Sơn là ở phong cảnh, địa thế của chùa.

Chùa được xây dựng đầu thế kỷ 19 (Gia Long 1802 - 1820). Người lập ra chùa là thiền sư Liễu Thông (Thượng Chân Hạ Giác), pháp danh Thích Chân Giác, tục danh Huỳnh Đậu (1753 - 1849), người Thanh Hóa. Di tích có tên là Chùa Gò vì chùa được xây cất trên gò đất cao hơn hẳn so với xung quanh. Trước kia đây là đền của một ngôi chùa Miên, mọi chứng tích đều còn lại: một ngôi mộ của người Miên nằm ở cửa chùa đi vào (mộ rất xưa), các bãi đá lớn nhỏ của người Việt đã dọn sang một bên lấy đất xây chùa, một miếu nhỏ thờ vị tổ người Miên đã có công lập đất này (hiện Hòa Thượng trụ trì chùa đang thờ). Theo truyền thuyết cũng như trong sổ cúng tổ của chùa thì khi Tổ sư Liễu Thông trên đường tâm đạo đã đến gò đất này, thấy đất tốt trên gò cao (lúc bấy giờ vùng Chợ Lớn toàn sinh lầy, ao hồ) lại có ao sen bao bọc chung quanh, thấy vậy Tổ sư Liễu Thông đã dừng chân tại đây dựng chùa để tu và gọi một cách nôm na là Chùa Gò.

Lúc đầu chùa rất nhỏ, mái lá đơn sơ thờ Phật. Có cả những Phật của chùa Miên cũ còn lại. Chùa Gò còn có tên là chùa Phụng Sơn, cũng theo truyền thuyết cho rằng, một hôm có chim phụng đến đậu trên cây khế kêu liên tục trong ba ngày như vậy rồi bay đi. Phụng (Phượng) là giống chim quý sống ở dãy núi Trường Sơn. Cho là điềm lành, hòa thượng đổi tên chùa Gò thành chùa Phụng Sơn. Tên chữ Phụng Sơn Tự.

Năm 1891, thầy Huệ Minh trụ trì là giai đoạn có nhiều biến đổi nhất. Thầy đã cho người lên tận rừng chọn gỗ xây lại chùa với quy mô như ngày nay, đến năm 1915 thì hoàn thành.

Gian chánh điện có pho tượng Phật ngồi bằng đá trắng, thân thiên cao hơn 1m, đã được thiếp vàng, do nhân dân tìm được khi đào kênh Cây Gõ vào năm 1911. Ngoài ra, còn có tượng Phật bằng gỗ trầm do thầy Huệ Minh mang từ chùa Quán sứ Hà Nội về.

Tiếp theo chánh điện là gian Tổ đường. Ở gian này có tượng Phật của người Miên bằng đồng. Dáng tượng đứng, hai tay chấp lại trước ngực, mặc đồ như kiểu cung đình của người Miên (tượng đào ở bầu sen).

Tĩnh Tường là khoảng không lộ thiên trồng cây cảnh. Khoảng lộ thiên này là một ưu điểm trong thiết kế chùa cổ, làm giảm bớt sự âm u trong chùa ở vào thời kì chưa có ánh sáng điện và cửa kính.

Hiện vật lưu trữ:

- Tượng đá đào được ở kinh cây Gõ đã được dát vàng.
- Tượng Phật của người Miên vớt ở Bầu Chuông (bằng đồng, cao 8 tấc).
- Tượng Phật bằng gỗ trầm do thầy Huệ Minh mang về từ chùa Quán Sứ Hà Nội.

9. Chùa Vĩnh Nghiêm

Tên gọi: Chùa Vĩnh Nghiêm

Địa chỉ: Số 339 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:



Từ Miền Bắc, hai Hòa thượng là Thích Tâm Giác và Thích Thanh Kiểm vào Miền Nam truyền bá đạo Phật, và sau đó đã cho xây dựng chùa Vĩnh Nghiêm. Họ lấy nguyên mẫu thiết kế từ một ngôi chùa gỗ cùng tên ở xã Đức La, tổng Trí Yên, phủ Tạng Giang, tỉnh Bắc Giang; kiến lập từ đời vua Lý Thái Tổ, vốn là trung tâm truyền bá Phật giáo của Thiền phái Trúc Lâm.

Người vẽ kiểu cho công trình là kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, có sự cộng tác của các ông Lê Tấn Chuyên và Cổ Văn Hậu...

Chùa được khởi công năm 1964 tại khu đất thấp nằm bên rạch Thị Nghè, và người ta phải chuyển khoảng 40.000 m³ đất từ xa lộ Biên Hoà về san lấp mặt bằng. Kinh phí xây dựng chùa khoảng 98 triệu đồng tiền lúc bấy giờ, hoàn toàn do các Phật tử đóng góp.

Năm 1971, chùa Vĩnh Nghiêm cơ bản hoàn thành với các hạng mục, gồm tòa nhà trung tâm (tầng trên có ngôi Phật điện), Bảo tháp Quán Thế Âm, cơ sở dành cho hoạt động xã hội. Về sau, chùa lần lượt xây thêm các công trình khác, như Bảo tháp Xá Lợi Cộng đồng, Tháp đá Vĩnh Nghiêm, Phương trượng đường, khách đường,...

Riêng quả Đại hồng chung có tên là “Chuông Hòa bình” thì do chùa Entsu-in (Viên Thông viện), huyện Fukushima thuộc Giáo hội Phật giáo Nhật Bản cung tiến.

Kiến trúc Chùa Vĩnh Nghiêm bao gồm các khu vực như sau:

1. Chùa Vĩnh Nghiêm (chính điện)

Chùa tọa lạc trên một khuôn viên rộng thoáng, khoảng 6.000 m², sát đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Kiến trúc chùa theo lối cổ Miền Bắc Việt Nam, nhưng bằng kỹ thuật và vật liệu xây dựng thời hiện đại. Đây là một trong số công trình tiêu biểu cho kiến trúc Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ 20. Tổng thể kiến trúc gồm các hạng mục chính là Tam quan, tòa nhà trung tâm và các Bảo tháp.

2. Tam quan và sân chùa

Cổng tam quan của chùa vững chắc, uy nghi, nhìn ra đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Tam quan làm theo kiểu cổ lâu, ở giữa có 3 chữ Chùa Vĩnh Nghiêm và một câu đối trên thân cột viết bằng chữ quốc ngữ :

Tới cửa từ bi, chiêm bái Tổ đình nơi đất Bắc

Vào chùa giải thoát, hoằng dương Phật pháp tại Miền Nam.

Bên cạnh cổng Tam Quan là nhà Tang lễ phục vụ đáp ứng cho đông đảo tầng lớp nhân dân Thành phố.

Chính giữa ngôi chùa, đối thẳng với cổng Tam quan là tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm an vị trước tòa nhà trung tâm.

Bên trái là Nhà sách trưng bày nhiều tài liệu Phật học và văn hóa phẩm Phật giáo, kể là Nhà hàng Chay Vĩnh Nghiêm phục vụ nhu cầu của Phật tử tới thăm viếng. Nối liền là khu Văn phòng chùa - nơi tiếp nhận liên hệ và giải đáp Phật sự giúp đỡ đồng bào Phật tử hữu sự.

3. Tòa nhà trung tâm

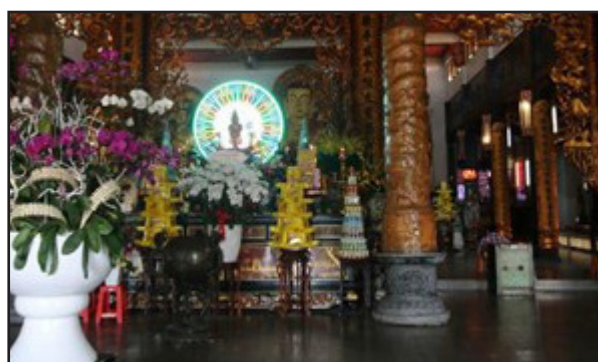
Tòa nhà trung tâm là một công trình kiên cố, rộng lớn, bao gồm một tầng lầu và một tầng trệt. Tầng trệt có hai phần: phần ngoài nằm bên dưới sân thượng, cao 3,20 m; phần trong nằm dưới Phật điện, cao 4,20 m. Tầng trệt được chia làm nhà thờ Tổ (bên trong có bàn thờ Bồ Đề Đạt Ma), giảng đường, văn phòng, thư viện (là một trong 3 thư viện của Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh), phòng tăng, lớp học và phòng học (vì chùa là cơ sở của trường cơ bản Phật học),...

Từ dưới sân có ba cầu thang rộng gồm 23 bậc, dẫn lên tầng trên bao gồm sân thượng, Phật điện và Tháp Quán Thế Âm, sân thượng rộng khoảng 10 mét. Trên sân thượng, chính giữa là tôn tượng Thánh tăng Siv-ali trong tư thế đang khất thực vân du, phía tay phải có một gác chuông, treo một đại hồng chung (có đường kính 1,8 m; đúc năm 1971) do các Phật tử dòng Tào Động ở Nhật Bản tặng trước năm 1975, để cầu nguyện cho Việt Nam sớm hòa bình.

4. Phật điện Chùa Vĩnh Nghiêm

Phật điện được kiến trúc theo kiểu chữ công. Các góc mái đều uốn cong theo kiểu chùa Miền Bắc. Chính giữa đỉnh nóc có Bánh xe pháp luân và các góc có hình đầu phượng. Phật điện gồm ba phần: Bái Điện, Bản Điện và Địa Tạng Đường.

Bái điện dài 35m, rộng 22m và cao 15m. Các cột, rui mè và mái ngói đều được đúc bằng bê tông cốt sắt. Chính giữa điện là bàn thờ Phật Thích Ca, hai bên có Bồ Tát Văn Thù (bên trái) và Bồ Tát Phổ Hiền (bên phải). Vào bên trong nữa là các tượng Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên ở bên phải và tôn tượng Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hưu La ở bên trái.



Dọc theo tường ở khu vực này có các tranh La Hán như: Cúng dường La Hán, Cúng dường bố thí La Hán, Đại hàn địa ngục tiếp hóa La Hán,

Đạo sơn địa ngục tiếp hóa La Hán, Thuyết pháp văn pháp La Hán, Khuyến học La Hán.

Những công trình chạm khắc gỗ ở đây có bao lam tứ linh, bao lam cửa long và đặc biệt là có các phù điêu trên các hương án chạm các ngôi chùa danh tiếng ở trong nước và một số nước châu Á. Ở hàng hiên hai bên lối vào, mỗi bên có một pho tượng Kim Cang khá lớn.

Bản Điện (thờ chính Phật A Di Đà được thờ chính) và Địa Tạng Đường (thờ chính Địa Tạng Bồ Tát) có kiểu kiến trúc tương tự Bái điện.

5. Tổ đường

Trong nhà thờ riêng, phía trên đặt tượng bán thân của các vị Tổ, bao gồm Tổ Vĩnh Nghiêm, Tổ Kim Cương, Tổ Trung Hậu, Hoà thượng Thích Thanh Kiểm và Hoà thượng Thích Tâm Giác.

6. Các bảo tháp

Tháp Quán Thế Âm

Tháp Quán Thế Âm nằm bên trái (từ cổng nhìn vào trong) Phật điện, gồm 7 tầng, cao gần 40m, được xây cùng lúc với chùa. Tháp hình vuông, mỗi cạnh đáy 6m. Đỉnh tháp có 9 bánh xe vòng tròn và những hình khối tròn gọi là Long xa và Quy châu. Đây là ngôi tháp đồ sộ thuộc hàng bậc nhất trong các ngôi bảo tháp của Phật giáo Việt Nam.

Tháp Xá Lợi Cộng đồng

Bảo tháp được xây phía sau, bên trái (từ cổng nhìn vào) Phật điện, có 4 tầng, cao 25m dựng năm 1982, hoàn thành năm 1984. Tháp cũng được xây theo một kiểu khá độc đáo. Có các cầu thang từ sân dẫn lên trên. Đây là nơi đặt di cốt của chư Phật tử quá vãng để thân nhân đến viếng.

Tháp Vĩnh Nghiêm

Tháp đá Vĩnh Nghiêm (vừa qua cổng, tháp ở bên phải) được khánh thành vào tháng 12 năm 2003, cao 14m, là tháp thờ cố Đại lão Hoà thượng Thích Thanh Kiểm, một trong hai vị cao tăng có công sáng lập chùa. Đây được xem là ngôi tháp đá đầu tiên ở Miền Nam và cũng là ngôi tháp đá lớn nhất, cao nhất Việt Nam từ trước đến nay (2013).

7. Các ngày Lễ lớn, kỵ giỗ trong năm

Tết Nguyên đán, thượng nguyên rằm tháng giêng, Đại lễ Phật đản, vu lan, vía Quan Âm... đặc biệt, ngày 8 tháng 12 Âm lịch kỷ niệm Phật thành đạo và giỗ Tổ Vĩnh Nghiêm, từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 16 tháng 7 Âm lịch là điểm An cư kiết hạ tập trung của chư Tăng trú xứ Tổ đình Vĩnh Nghiêm (Quận 3) hằng năm.

Ngoài ra, trong khuôn viên chùa còn có Khu Phương trượng nằm ở phía trong cùng, gồm dãy nhà hình chữ L, ôm bọc một hồ sen dùng cho

khách thập phương nghỉ ngơi và tăng xá cùng một dãy dùng làm thành trai đường.

Chùa Vĩnh Nghiêm là nơi được nhiều người trong và ngoài nước, đến viếng và cúng bái.

10. Hội quán Tuệ Thành (chùa Bà)

Năm 1993, Hội quán Tuệ Thành còn gọi là Chùa Bà được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Địa chỉ: Số 710 đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Tên gọi: Hội quán Tuệ Thành còn gọi là Chùa Bà.

Quá trình lịch sử:

Chùa Bà Thiên Hậu là một trong những ngôi chùa miếu có lịch sử lâu đời nhất của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chùa Bà Thiên Hậu được nhóm người Hoa gốc Tuệ Thành (tức Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông) di dân sang Việt Nam góp vốn và góp công xây dựng vào khoảng năm 1760 và được trùng tu nhiều lần. Chùa nằm trong khu trung tâm của những người Hoa đầu tiên đến tạo lập nên Chợ Lớn sau này.

Đại hồng chung của chùa ghi năm Càn Long 60 (1796). Trùng tu lần cuối là năm Hàn Phong thứ 10 (1859). Hiện chưa xác định niên đại xây dựng chùa một cách chính xác. Song chắc chắn đây là một trong những ngôi chùa cổ xưa nhất của người Hoa ở Nam Bộ, tồn tại trên hai thế kỷ. Chùa Bà là trụ sở hành chính của Hội người Quảng Đông, đồng thời cũng là nơi thờ cúng, nơi sinh hoạt văn hóa.

Chùa Bà là điển hình về mặt bằng của kiến trúc người Trung Hoa. Chùa xây theo hình ấn, là kiểu kiến trúc đặc trưng của người Hoa, đây là tổ hợp 4 ngôi nhà liên kết nhau tạo thành mặt bằng giống hình chữ “khẩu” hoặc chữ “quốc”. Chùa Bà Thiên Hậu xây cất toàn bằng vật liệu Trung Hoa. Từ viên gạch, tấm ngói đến những đồ gốm gắn trên nóc, đều do thuyền buồm của Trung Hoa chuyển qua. Cách thức phong tô giữ y thể thức kiến trúc người Hoa. Gạch xây liền mí, không tô hồ, đếm rõ từng tấm một, làn hồ thẳng đứng, thẳng lối như vẽ.

Trước chùa là hồ Phóng Sanh, còn gọi là giếng Cam Tuyền (theo thuyết “Hỉ Xả Từ Bi”) của đạo Phật. Hồ tượng trưng cho biển cả và phản ánh người Hoa vượt biên tới đây làm ăn, sinh sống cùng cộng đồng người Việt”.

Sân lớn (sân trước) dùng để sinh hoạt văn hóa, lễ hội. Trên nóc chùa trang trí hình rồng và có hàng trăm hình bằng sứ, diễn tả cảnh vua lâm triều, các hình hài hước, hoặc diễn tả các sinh hoạt của dân chúng.

Tiền diện chia ra hai hành lang, bên trái thờ thần Phước Đức, bên phải thờ Thần Thổ Địa. Cửa hành lang bên phải nhà chùa có ghi rõ những năm sắm tết:

- Năm Kỷ Mùi 9 -
Tự Đức
- Năm 11 Tự Đức
- Năm 12 Tự Đức
- Năm 14 Tự Đức
- Trùng tu năm thứ 8
Đạo Quang (1828)



Sân trong có hai lư hương lớn. Bộ hương án gồm có 5 cái. Hai tủ kính: bên phải là Kiệu của Bà, khi nào xuất chùa, thì dùng kiệu rước Bà đi; bên trái là những hình miêu tả của cuộc gặp mặt của các thiên thần với Ngọc Hoàng Thượng Đế trên trời. Tất cả hai kiệu này đều bằng gỗ mạ vàng.

Tiếp theo sân trong là Nhà Hương, đặt 6 lư hương, trong đó có 5 lư hương được làm ở Trung Quốc. Lư hương lớn nhất có đại tự “trùng tu năm thứ 11”. Tất cả các lư hương đều có đầu sứ tử gắn ở quai.

Chính diện được chia ba khu vực song song, Bên trái thờ Thần Tài, bên phải thờ Quan Công, chính giữa là thờ Bà Thiên Hậu, có bài vị đề “THIÊN HẬU THÁNH MẪU”; bên tay phải thờ Bà Long Mẫu, bên tay trái thờ Bà Kim Huê (dân gian hay gọi là Bà Mẹ Sanh). Bao lam thêu nổi hình tứ linh. Đằng sau có 4 vị hầu. Có một ông Thiên Lôi, một ông Thiên lý nhãn. Xung quanh dưới điện thờ là những hình chạm khắc nổi những cảnh đánh võ vua coi, tứ linh, hình chạm các quan châu vua.

Lễ cúng Bà nhằm ngày 23 tháng 3 Âm lịch, lễ này có múa rồng, hát hội của người Hoa, người Việt, kết hình nhân tiên đồng, ngọc nữ.

Hiện vật lưu trữ:

- Đại Hồng Chung (chánh diện) ghi Năm Càn Long 60 (1796)
- Hai lư hương lớn ở sân trong và bộ hương án 5 cái; Sáu lư hương lớn ở Nhà Hương; Hai tủ kính đựng chiếc kiệu của Bà và chạm khắc cuộc gặp gỡ trên Thiên Đình, làm bằng gỗ mạ vàng
- Tượng của ba Bà và các bao lam, hình chạm khắc nổi trên gỗ quý với kỹ thuật tinh xảo
- Các tượng bằng sứ gắn trên mái
- Tượng Sư tử ở sân ngoài
- Hồ Cam Tuyền (30m x 30m), nước ngọt quanh năm.

11. Hội quán Nghĩa An (Miếu Quan đế hay chùa Ông)

Năm 1993, Hội quán Nghĩa An hay còn gọi là Miếu Quan Đế hay Chùa Ông được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi:

Hội quán Nghĩa An hay còn gọi là Miếu Quan Đế hay Chùa Ông

Địa chỉ:

Số 676- 678 đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Chùa Ông là kiến trúc nghệ thuật cổ thể kỉ 19 của người Hoa ở Miền Nam. Theo tài liệu phân loại để xếp hạng di tích của Hội Đông Dương học để lại ghi rõ xây dựng 1840 và là Hội người Triều Châu. Trong chùa ngày nay có chiếc chuông đồng được đặt ở chánh điện ghi niên đại 1840 trùng với tài liệu của Hội Đông Dương học. Điều này cho thấy những người Triều Châu xưa kia theo dòng di dân của người Hoa đã đến đất này lập nghiệp buôn bán sinh sống từ rất lâu. Vị trí của chùa Ông đã được sử sách ghi và đánh giá là nằm trong khu vực trung tâm Thị trấn Sài Gòn xưa. Thị trấn đó có tên là Đê Ngạn, nơi tập trung sinh sống của rất đông người Hoa. Đất chùa một mặt giáp với đường Nguyễn Trãi, một trục đường cổ nối liền Sài Gòn với Bến Nghé.

Chùa Ông mới đầu chỉ là một ngôi chùa nhỏ vách đất, theo nhu cầu thờ cúng của những người Triều Châu xa xứ. Sau này, một trong số họ giàu lên đã bỏ tiền ra xây lại ngày một đồ sộ hơn. Qua nhiều đợt trùng tu, đợt cuối cùng vào năm 1968 thì chùa có được vóc dáng như ngày nay. Cũng như những chùa Hoa khác trong khu vực này, nhu cầu thờ cúng cũng đồng thời là trụ sở giao dịch làm ăn. Vì vậy, gần như đình của người Việt ngoài chức năng cúng bái, lễ, chùa Ông còn dùng làm nơi hội họp của người Triều Châu khi có việc. Hội này có tổ chức rất chặt chẽ, không chỉ trong lĩnh vực tôn giáo mà trong cả việc thương mại, chính trị, xã hội của Hội.

Gọi là Chùa Ông vì ở đây thờ Quan Công (để phân biệt chùa Ông khác trong khu vực này gọi là chùa Ông nhỏ, thờ ông Bồn - một người có công lớn trong việc giúp đỡ mọi người làm ăn sinh sống thời đó). Quan Công là nhân vật được coi là người mẫu của đạo Khổng dưới thời Tam Quốc tranh hùng của Trung Quốc cổ. Cùng ông có hai nhân vật theo phò là Quan Bình, Châu Xương. Quan Công, Quan Bình, Châu Xương được thờ ở giữa. Còn một bên là bà Thiên Hậu, bên kia là Thần tài. Việc thờ bà Thiên Hậu đặc biệt chỉ có người Hoa.

Cách trang trí bên trong về cơ bản có nhiều điểm giống đình, chùa Việt Nam nhưng bố cục trung bày đơn sơ và thoáng đãng hơn.

Ở cửa bước vào ngay trên đầu là một bức chạm bằng gỗ sơn son thếp vàng, chạm tích sinh hoạt dân gian của người Hoa. Bên phải một khung thờ thần thổ địa cao 0,5m đắp bằng xi măng. Bên trái là một con ngựa xích thố và người giám mã của Quan Công. Bên con ngựa mẹ là con ngựa con. Tất cả đều bằng gỗ, kích thước đó bằng người và vật thật.

Ở gian tiền điện này lát những viên đá hoa cương lớn (1m20 x 2m50) ghi lại công sức đóng góp tiền của để xây chùa qua nhiều thế hệ niên đại ghi theo các triều đại vua Trung Quốc và chữ là chữ Trung Quốc cổ. Tất cả đều là nhũ vàng. Trên 8 cột gỗ có câu đối và những bức hoành. Mỗi câu đối, bức hoành đều có đúc hình tiên cảnh hoặc các tích sử Trung Quốc.

Sân lộ thiên, được ngăn cách bằng hai hành lang nhỏ và một dãy cửa gỗ xếp, cửa bằng gỗ quý mỗi ô đều có đúc những cây mai. Giữa sân là một lư hương bằng đá lớn, cao 1m2, rộng 1m2. 4 mặt là 4 con lân.

Trung điện có bàn thờ Khổng Tử phía trên, thấp hơn hai bên là Quan Bình, Châu Xương.

Bên trong cùng là gian chánh điện, ở giữa là tượng Quan Công cao 2m2. Trên đế bộ lư bằng chì (đặc biệt chùa này toàn bộ lư hương, chân đèn đều đúc bằng chì). Gian chính điện có nhiều khung gỗ mun, mỗi đầu cột đều chạm hình lân, hoa sen cách điệu và đầu cột nhô ra ngoài có hình cá hóa rồng.



Điểm nổi bật trong thiết kế Chùa Ông là hệ thống kèo hành lang chánh điện. Đây là lối kiến trúc cổ, các thanh xà ngang tròn, đường kính khoảng 15cm sơn đỏ, bắt thẳng lên các thanh chống đứng. Trọng lượng của mái nhà được truyền lần lượt qua những thanh chống đứng, thanh cánh dưới cuối cùng một đầu gác lên cột đá, một đầu gác vào tường sẽ phải chịu toàn bộ phần mái trên nó. Hình thức vì kèo cổ này có tên gọi là “chống đầu”, phương pháp “chống đầu” cho phép người thợ được phép chạm khắc pho tượng được hết tài năng của mình. Đơn giản nhất là những thanh cánh dưới hình vuông dài 20cm làm bằng gỗ quý được phủ một lớp sơn mài, bên trên đó vẽ những hình rồng, phượng. Khoảng trống giữa các thanh kèo được phủ đầy những bức chạm lõng lẩy, đường nét, hình khối tinh xảo, thếp vàng rực rỡ.

Rằm tháng giêng là lễ lớn nhất trong năm mà Chùa Ông tổ chức. Có múa lân, hát bội, phân phát bánh kẹo ăn lấy phước... Lễ hội này kéo dài 10 ngày.

Hiện vật lưu trữ:

- 3 bàn chạm khắc gỗ dài 3m, rộng 60cm, cao 1m
- 4 lư đồng cao 40cm, đường kính 40cm; 6 lư đá cao 20cm, đường kính 40cm; 3 lư chì cao 20cm, đường kính 40cm
- 14 chân đèn chì cao 60cm; 13 chân đèn đồng cao 50cm
- 6 cây đèn dầu có 7 ngọn
- 1 chuông đồng đường kính 40cm, cao 50cm; 1 chuông bằng gang đường kính 60cm, cao 70cm
- 32 bức hoành phi gỗ sơn son thếp vàng dài 3m, cao 50cm, rộng 30cm; 34 câu đối gỗ sơn son thếp vàng dài 5m, rộng 30cm; 6 câu đối chạm trên cột đá
- 1 con ngựa xích thố bằng xi măng dài 2m5, cao 1m7.

12. Điện Ngọc Hoàng

Năm 1994, Điện Ngọc Hoàng còn gọi là Chùa Phước Hải được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Điện Ngọc Hoàng còn gọi là Chùa Phước Hải

Địa chỉ: Số 73 đường Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Là một trong những ngôi chùa cổ nổi tiếng của Sài Gòn xưa, chùa Phước Hải có nhiều tên gọi khác nhau: người Pháp gọi là chùa Đa Kao hoặc Empereur de Jade, người Việt gọi là chùa Ngọc Hoàng, người Hoa gọi là Ngọc Hoàng Điện. Năm 1982, chùa đổi tên là chùa Phước Hải.

Theo nhận xét của một học giả Pháp thì đây là “một ngôi chùa đẹp nhất ở Nam phần và thú vị nhất về tôn giáo của người Hoa ở Đông Dương”.

Chùa Phước Hải do sư tổ Lưu Minh, người Hoa từ Trung Quốc sang xây dựng vào năm Nhâm Thìn (1892), đến năm Canh Tý (1900), chùa được xây dựng xong và khánh thành vào năm 1906. Sau đó, chùa Phước Hải được trùng tu nhiều lần vào năm 1943, 1958, 1985, 1986, 2006.

Chùa Phước Hải gồm “Ngọc Hoàng cung, Thủy Nguyệt cung” bên phải và “Ngọc Hư cung” bên trái. Vị thần tối cao được thờ phụng là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ngoài ra, trong chùa còn thờ Phật, Bồ tát và các vị Thần. Phía dưới điện thờ Ngọc Hoàng đặt 7 bài vị. Bài vị lớn nhất đặt ở giữa ghi hàng chữ “Ngọc Hoàng đại thiên chuyên cung cao Thượng Đế”. Các bài vị khác ghi tên một số các vị Thần như Nam Tào, Bắc Đẩu, Hoa Đà Tiên Sư, Tể Thiên Đại Thánh, Quan Đế Thánh Quân, Thần Nhật, Nguyệt. Gian phía trái, từ cổng chính bước vào, thờ Mẹ Sanh, Mẹ Đậu (Kim Hoa nương nương) và 12 Mụ Bà. Đặc biệt, chùa còn thờ “Viên đá bản xứ” tượng trưng “Ông Tà” của người Khmer ở trong ngôi miếu cổ bên hông chùa.

Ngày lễ lớn nhất trong năm là các ngày mồng 9 và mồng 10 tháng Giêng âm lịch.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, chùa còn là một cơ sở cách mạng do Hòa thượng Thích Vĩnh Khương tổ chức nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ từ chiến khu vào thành phố.

13. Đền thờ Hùng Vương

Năm 2015, Đền thờ Hùng Vương được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Đền thờ Hùng Vương

Địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Năm 1926, chính phủ thực dân Pháp xây dựng công trình đền thờ bên trong khuôn viên vườn Bách Thảo để tưởng niệm những người Việt Nam đi lính cho Pháp tử trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì vậy, công trình đền thờ lúc đầu mang tên “Đền Kỷ niệm” (Temple de Souvenir). Tên những người chết trận được ghi trên những bài vị bằng gỗ để thờ trong Đền.

Khoảng thời gian những năm 1954 - 1956, khi Hội Khổng học được giao quản lý, Đền này được sử dụng đa tín ngưỡng, thờ Khổng tử và thờ Vua Hùng.

Trong những năm 1965 - 1966, “Hội chấn hưng tinh thần Việt Nam” có nhiệm vụ trông coi, cai quản đã đổi tên đền thành “Đền Quốc Tổ Hùng Vương”, việc thờ cúng vẫn giữ như cũ, bên cạnh đó có đặt thêm bàn thờ Hùng Vương ở chính điện và thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Tả quân Lê Văn Duyệt.

Đền thờ Hùng Vương là đền thờ duy nhất tại Thành phố do người Pháp xây dựng vào những năm đầu thế kỷ 20 với mục đích tưởng niệm các chiến sĩ trận vong khi đi lính cho Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Mặc dù công trình do người Pháp xây dựng nhưng thiết kế kiến trúc vẫn mang đậm phong cách Phương Đông nằm trong trào lưu kiến trúc Đông Dương, có sự phối hợp nghệ thuật kiến trúc truyền thống bản địa với bố cục, kỹ thuật Phương Tây. Công trình kiến trúc Đền thờ Hùng Vương thể hiện sự giao lưu văn hóa và kiến trúc Pháp – Việt vào nửa đầu thế kỷ 20.

Điểm đặc biệt của kiến trúc Đền thờ Hùng Vương là hệ thống tầng mái chồng diêm, lợp ngói âm - dương được chịu lực bằng hệ thống cột, hệ thống rường, kèo bằng gỗ và hệ thống cột gạch, tường gạch. Đầu mái cong được trang trí các hồi văn hóa phụng, dây lá hóa phụng và rồng châu hồ lô. Kiến trúc tòa nhà cao 9m được chịu lực bởi 12 cột gỗ sao và hệ thống rường kèo, cột gạch chắc chắn. Đền thờ có bình đồ vuông, diện tích 196m² tọa lạc trên khu đất rộng 1.600m², mặt chính có hướng Tây - Bắc, nền có ba cấp cao 3,27m được xây dựng theo thuyết Tam Tài (Thiên - Địa - Nhân) nhỏ dần khi lên cao tạo thế vững chắc của khối nhà với cấp nền thứ nhất có cạnh dài 26,66m; cấp nền thứ hai có cạnh dài 19,44m; cấp nền thứ ba có cạnh dài 13,68m.

Bố cục đối xứng tuyệt đối về mặt bằng và mặt đứng trong kiến trúc Pháp được phát huy mạnh trong toàn bộ công trình. Các thành phần công trình từ cầu thang, chiếu nghỉ đến mái đón trên mặt bằng được bố trí đối xứng nhau qua trục ngang; hệ thống cửa và hệ thống thông gió của tầng mái và hệ thống mái ở mặt đứng cũng được bố trí đối xứng theo trục dọc.



Các bậc thang rộng 11m được bố trí ở ba hướng là lối vào đền thờ. Mỗi lối vào có các bậc thang đá theo ba cấp nền: nền thứ nhất cao 2,15m gồm 14 bậc, hai bên có đôi rồng chầu theo mô típ rồng thời Nguyễn; nền thứ hai cao 0,7m gồm 6 bậc, nền thứ ba cao 0,42m gồm 3 bậc. Mỗi cấp đều có chiếu nghỉ, ở chiếu nghỉ cấp nền thứ nhất có lối đi vòng quanh đền, rộng 3,61m, cấp nền thứ hai lối đi rộng 2,15m.

Trong nội thất, trần nhà bằng gỗ, chia chín ô chạm ngoài vuông trong tròn tượng trưng trời và đất, trang trí đề tài rồng phượng. Các khe lá gió giữa các cột cũng được chạm thủng, chạm nổi, sơn son thếp vàng, hồi văn chữ “Vạn”, ô tròn chữ “Thọ” giống như ngoại thất, phía dưới là bức chạm hoa lá, cuối cùng bao lam gỗ giữa các cột chạm thủng các đề tài “Lưỡng long triều nhật”, “Dơi hàm thọ” hay đề tài tứ quý “Mai - Lan - Cúc - Trúc”.

Lớp giữa cũng một kệ tam sơn trên có bình hoa, đĩa quả tử, hai bên là đôi hạc chầu, lớp trong là bàn gỗ chạm rồng trên có lư nhang bằng đồng, chân đèn, bình hoa.

Các hương án được làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, xung quanh chạm trổ “tứ linh”. Trên các hương án có lư hương, chân đèn, bình hoa, đĩa quả tử, đài thờ và các chung rượu, lớp ngoài là kệ tam sơn trưng bày 18 kilogram đất và 18 lít nước do nhân dân tỉnh Phú Thọ tặng năm 2000.

Thiết kế tầng mái và giải pháp xử lý khí hậu nóng ẩm bằng các mái hiên, hành lang rộng, tận dụng ánh sáng tự nhiên bằng các ô cửa sổ sát mái cho thấy sự hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ giữa kiến trúc với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa của tác giả công trình.

14. Đình Minh Hương Gia Thạnh

Năm 1993, Đình Minh Hương Gia Thạnh hay còn gọi là Minh Hương Hội quán được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Đình Minh Hương Gia Thạnh hay Minh Hương Hội quán.

Địa chỉ: Số 380 đường Trần Hưng Đạo, Phường 11, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Minh Hương Gia Thạnh, hay còn gọi là Minh Hương Hội quán là một ngôi đình có tương truyền được tạo dựng từ năm Kỷ Dậu (1789). Đây là nơi ghi lại dấu vết của đoàn người Hoa lưu vong đầu tiên đặt chân tới vùng đất mới.

Chữ Hương ở đây viết theo 2 cách. Hương là làng chứng tỏ Chúa Nguyễn cho những người lưu vong này được vào phía Nam cư trú sinh sống và lập thành các làng riêng với cái tên là Minh Hương xã, còn chữ Hương ý nghĩa là hương khói. Nó chứng tỏ những người Hoa lưu vong

này và con cháu họ luôn có ý thức giữ hương hỏa của nhà Minh. Minh Hương xã là nơi cư trú của nhiều họ tộc người Hoa mà ngôi đình là biểu trưng cho tinh thần nhớ quê hương, bảo vệ dòng dõi qua các đời. Nó cũng như tấm lòng nhớ tổ tiên nguồn gốc của bà con người Việt từ đồng bằng Sông Hồng, Sông Mã... đi vào Phương Nam quần tụ thành làng xã và lập ra đình thờ riêng của mình. Đó cũng là nếp văn hóa lâu đời chung cho cả 2 dân tộc Hoa và Việt.

Ngôi đình được xây dựng trên vùng Để Ngạn (Chợ Lớn) nơi quê hương thứ hai thân thuộc của những người Hoa cư trú nhiều đời và đã hội nhập một cách rất tự nhiên với người Việt ở đây và coi như quê hương chính thức của mình. Cụ thể một số người Minh Hương đã trở thành quan cao phẩm của triều Nguyễn và ngày nay đa số đã Việt hóa hoàn toàn, có người đã trở thành người lãnh đạo cao cấp của Nhà nước ta.

Đình Minh Hương ngoài việc thờ 4 vị Thần làng:

- Ngũ thổ tôn thần (Thần đất)
- Ngũ cốc tôn thần (Thần ngũ cốc)
- Đông trù tư lệnh (Thần coi việc bếp núc)
- Bốn cảnh thánh hoàng (Thần coi việc làng xã)

Ngoài ra, còn thờ các vị văn, võ quan của Triều Nguyễn như:

- Trịnh Hoài Đức là tác giả có nhiều tác phẩm nổi tiếng như Cấn Trại Thê Tập, Gia Định Thành Thông Chí,... Ông cũng từng là Hiệp Trấn, Phó Hiệp Trấn đất Gia Định.

- Ngô Nhân Tịnh, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng, có lúc làm Hiệp Trấn Gia Định và Nghệ An. Ông còn để lại tác phẩm nổi tiếng là “Thập Anh Đường Thi Thảo”.

(Hai ông là 2 người trong Gia Định Tam gia cùng với Lê Quang Định)

- Nguyễn Hữu Cảnh, người đã từng được cử làm Thống suất một đạo quân tiến vào Phương Nam mở rộng vùng đất mới, lập thành những phiên trấn đầu tiên ở Gia Định (1698).

- Trần Thắng Tài tức Trần Thượng Xuyên một trong những di thần của nhà Minh (Trung Quốc) đã từng đem theo một đạo quân sang xin chúa Nguyễn cư trú vào cuối thế kỷ 17 (1698) và được giao cho vào khai phá vùng đất Trấn Biên (Cù Lao Phố Biên Hòa).

Việc thờ 2 võ tướng một Việt, một Hoa trong cùng một khám thờ này mang nhiều ý nghĩa: những lưu dân người Hoa, không chỉ biết ơn thủ lĩnh của họ mà còn ghi nhớ công ơn cả người Việt có công đầu trong việc khai phá và xếp đặt vùng đất. Điều này cũng chứng tỏ tấm lòng đôn hậu của những người sáng lập ngôi đình.

Đình Minh Hương chính thức hình thành năm 1698 và phồn thịnh từ năm 1776, tọa lạc trên khu đất cổ của Sài Gòn. Từ đó đến nay phát triển ngày càng lớn. Diện tích đình còn lại dài 50m, rộng 30m. Từ ngoài vào qua một sân nhỏ dài 4m, rộng 30m. Các khu vực chính của đình gồm:

- Võ ca.
- Chính điện (nay đã xây thêm 1 tầng lầu).
- Sân thiên tỉnh.
- Hậu điện (còn giữ nguyên kiến trúc ở thế kỷ 18).

Cách kiến trúc theo kiểu mẫu đình với 2 hàng cột cao thoáng rộng, từ ngoài vào trong chính điện chia ra làm 3 giai đoạn đều đặn. Đình Minh Hương có khác hơn một số đình chính là do đợt trùng tu năm 1962 là có làm thêm 1 tầng lầu ở chính điện và có lợp thêm những tấm kính màu trên mái để lấy ánh sáng.

Võ ca là khu vực rộng 20mx25m, lợp ngói âm dương với hàng chữ cột lớn bằng gỗ quý. Từ ngoài vào trong trên xà nhà có 5 lớp hoành phi gồm 21 tấm hầu hết sơn son thếp vàng, chỉ có 3 tấm để mộc. Mỗi lớp hoành phi thường xếp cùng một niên đại. Ví dụ: Đinh Dậu, Ất Hợi, Giáp Thân, Bính Tuất... đánh dấu những đợt trùng tu hoặc đợt kỷ niệm lớn của đình. Nội dung các bức hoành đều lấy chữ trong kinh sách với lối viết đại tự.

Đáng quý nhất là bức hoành đề là Sắc tứ (Vua ban) của Tự Đức năm thứ 17 (1864) ban cho đình 4 chữ: “Thiên Tục Khả Phong” (Tục tốt đáng khen) chữ đại tự rất đẹp do chính nhà vua viết.

Phần chính điện rộng gấp đôi võ ca và được tôn cao lên vào dịp trùng tu năm 1962 với gác lửng ở hai bên. 3 bàn thờ Vương và 4 trường kỷ được khảm xà cừ công phu và mỹ thật. Phía trong cùng là 3 khám thờ lớn bằng gỗ đặt trên dãy bệ đá trắng. Cả 3 khám thờ đều chạm trổ và sơn son thếp vàng. Giá trị nhất ở khu chính điện là còn giữ được 1 câu đối của Ông Trịnh Hoài Đức để cho ngôi đình. Câu đối không đề năm tháng nhưng căn cứ vào chức vụ và đối chiếu với tiểu sử Ông Trịnh Hoài Đức thì có thể đoán đôi câu đối này được viết vào năm 1820.

Khám giữa rộng 1,6m x 2,5m trong đặt bài vị thờ 4 vị thần: Qua việc thờ các thần ở chính giữa này cũng thể hiện rõ nguyện vọng của lưu dân là muốn được an cư lạc nghiệp trong một cộng đồng có tổ chức.

Khám bên trái thờ 2 vị văn thần:

Đặc tiên vinh lộc đại phu, hữu trụ quốc. Thiếu bảo cần chánh điện đại học sĩ Trịnh Hoài Đức.

Đặc tiên vinh kim tử vinh lộc đại phu, chính trị thượng khanh, công bố thượng thư Ngô Túc Giản tức Ngô Nhân Tịnh.

Khám bên phải thờ 2 vị võ tướng:

Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người đã thống suất một đạo quân, kinh lược Phương Nam mở rộng vùng đất đất nước và lập thành những dinh trấn đầu tiên ở vùng đất này (1698).

Trần Công thượng đẳng thần, Trần Thượng Xuyên một trong những di thần nhà Minh sang xin chúa Nguyễn cho cư trú ở Cù Lao Phố Biên Hòa.

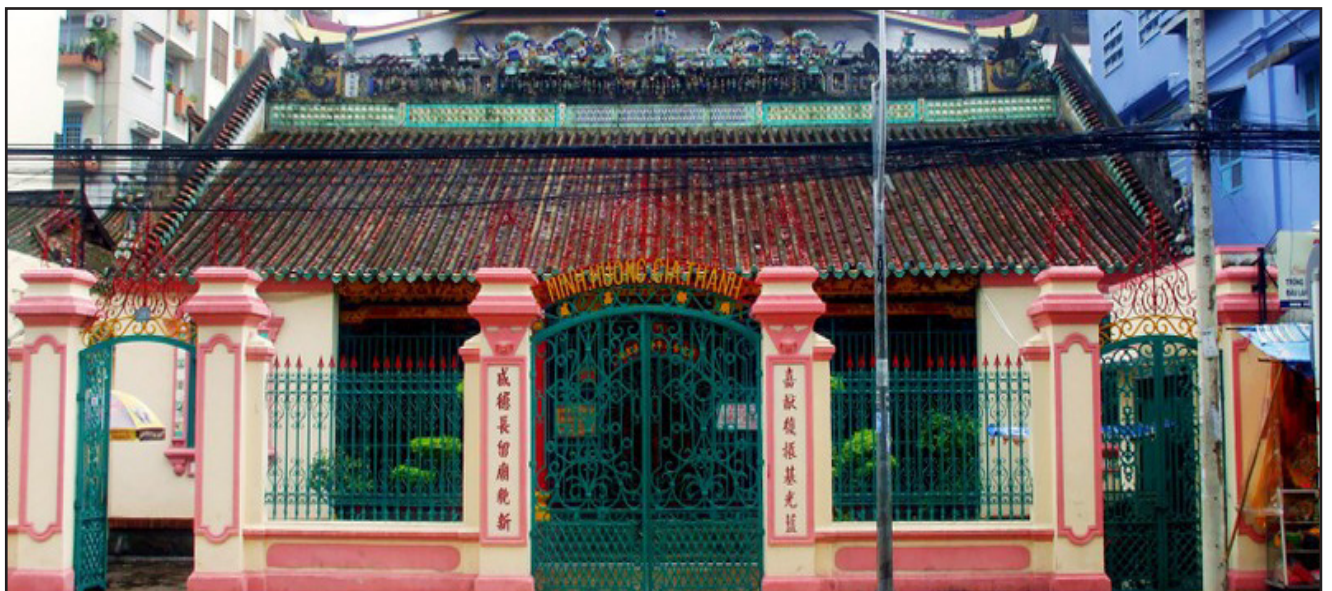
Ở đây còn có 2 câu đối biểu lộ tấm lòng và sự lựa chọn dứt khoát của các di thần triều Minh và của cả con cháu họ đối với vùng quê hương mới.

Hậu điện là nơi tập trung nhiều câu đối nhất. Nội dung câu đối nhằm ca tụng công đức ngôi đình. Tất cả ở đây gồm lớn nhỏ tới 15 đôi câu đối, 9 hoành phi và 2 giá đựng nghi trượng mỗi bên 9 cái.

Về nghệ thuật chạm trổ câu đối ở Đình Minh Hương, có 5 câu đối (1 đối ở chính diện và 4 câu đối ở hậu diện) được đục đẽo từ 1 cây gỗ xẻ dọc làm đôi. Trên đó đục nổi lên hình 1 đôi rồng uốn lượn, vây lớn, vây dài, đầu và râu lộ ra ngoài cao hơn bề mặt câu đối tới 10cm - 15cm. Toàn thân câu đối để mộc nhằm làm lộ rõ các chữ trên câu đối được thếp vàng hoặc được làm bằng chữ sơn mài đen bóng. Có thể nói đây là dạng câu đối chạm nổi rất công phu.

Bên cạnh những cánh thơ của người Hoa hay chạm theo lối câu đối uy nghi kiểu Trung Hoa còn có cả các cánh thơ Việt (lối chạm này có dáng dấp gần gũi với bao lam chùa Giác Viên).

Những di vật có giá trị lịch sử là 2 tấm bia đăng đối nhau ở 2 bên chính diện, đều được dựng năm Kỷ Hợi (1839): Bia bên phải ghi tên 29 người đỗ Tú Tài đến Cử nhân qua các khoa thi ở Gia Định từ năm Kỷ Mão 1819 đến Giáp Tý 1864. Bia bên trái là danh sách những người Minh Hương tiêu biểu cho giới quan lại và tri thức được xếp theo trình tự thời gian.



15. Lăng Lê Văn Duyệt

Năm 1988, Lăng Lê Văn Duyệt còn gọi là Lăng Ông được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Tên gọi: Lăng Lê Văn Duyệt còn gọi là Lăng Ông

Địa chỉ: Số 1 đường Vũ Tùng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Lăng Lê Văn Duyệt là di tích kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn thế kỷ 19. Diện tích toàn di tích là 18.502m².

Tả quân Lê Văn Duyệt là quan võ thời nhà Nguyễn, sinh năm 1764 tại Long Hưng - Tiền Giang và đã đạt tới chức Khâm sai chưởng Tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công. Trong cuộc chiến kéo dài 24 năm giữa Tây Sơn và nhà Nguyễn, ông đã tham gia 22 năm. Lập rất nhiều chiến tích, giữ chức cao nhất trong binh nghiệp và được liệt vào hàng Khai quốc Công thần của triều Nguyễn.

Năm 1832, Tả quân Lê Văn Duyệt mất tại Gia Định, mộ được xây ở vị trí ngày nay. Đến năm 1835, mộ bị san bằng, xung quanh xiềng xích sắt và cắm một trụ lớn với dòng chữ “quyền yểm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ” (là nơi trị tội tên hoạn quan Lê Văn Duyệt), phần mộ và miếu thờ từ đó không được tu sửa nữa. Lý do là khi Tả quân Lê Văn Duyệt còn sống, vua Minh Mạng có điều không hài lòng với Tả quân Lê Văn Duyệt nhưng không dám xử. Đợi cho đến khi Tả quân Lê Văn Duyệt mất mới cho thu hồi bổng lộc và giáng chức. Năm Tân Sửu 1841, vua Thiệu Trị lên ngôi xét Tả quân Lê Văn Duyệt bị tội oan nên xuống chiếu hủy bia hài tội, xiềng xích và lệnh cho Tổng trấn Gia Định xuất tiền xây dựng lại tất cả.





Năm 1860, vua Tự Đức cấp cho làng Bình Hòa 161.589m², làm đất hương hỏa để thờ cúng Tả quân Lê Văn Duyệt. Sau này do quá trình đô thị hóa, khu đất này chỉ còn khuôn viên của lăng như hiện tại. Nằm ngoài vòng thành làng là hai ngôi mộ của hai nàng hầu của Tả quân Lê Văn Duyệt: một ở trong trường quốc gia hành chính cũ, bên phải lăng, một nằm ở bên hông chợ Bà Chiểu, bên trái lăng. Hai ngôi mộ này đối xứng nhau qua mộ Tả quân Lê Văn Duyệt và phu nhân.

Năm 1914, một Ban Hội tế gồm 20 người mệnh danh là Hội Thương công quỹ tế được chính thức thành lập, có điều lệ rõ ràng và quyền hạn tập trung ở Tỉnh trưởng tỉnh Gia Định, việc trùng tu được tiến hành đều đặn và ngày một mở mang với quy mô lớn. Từ đó đã thực hiện nhiều lần trùng tu với quy mô lớn vào các năm 1925, 1932 - 1951, 1951 - 1961.

Riêng năm 1971 - 1973, lăng lại được mở rộng thêm, lần trùng tu này chủ yếu tập trung xây dựng khu nhà mới và nâng cao điện thờ. Đồ án xây dựng do kỹ sư Mahamet Hamin (người Ấn Độ) thực hiện, kỹ sư thi công Ngô Năm và giáo sư hội họa Nguyễn Văn Long phụ trách trang trí mỹ thuật. Tại chánh điện mới, các họa tiết được sao chép lại như chánh điện cũ gồm 3 gian, các cửa chạm long, lân, quy, phụng. Thông với chánh điện cũ là một tỉnh đường khoảng 25m² có hòn non bộ và một số cây cảnh. Đến giai đoạn này thì ngôi miếu thờ ban đầu đã mất hẳn và được thay thế bằng một ngôi đền mới to lớn khang trang hơn. Riêng phần mộ của Tả quân Lê Văn Duyệt và phu nhân là còn ở vị trí ban đầu nhưng mộ đã được đắp cao hơn và tường bao bọc được củng cố nhiều lần.

Cổng tam quan xây hai lớp mái. Vòng thành dài 500m và cao 1,2m. Lăng có bốn cửa ra vào, ngoài cổng chính, tam quan còn có cửa Đông, cửa Tây và cửa Bắc. Bên cạnh cửa tam quan còn có hai khẩu thần công từ thời Gia Long.

Phần kiến trúc chính được tập trung ở khu Đông Bắc gồm: Khu linh miếu và Khu mộ.

- **Khu linh miếu:** là nơi thờ cúng quan trọng nhất của làng, khu này được Tự Đức cho xây vào năm 1841 và trùng tu năm 1849, nhưng lúc đó chỉ là 3 gian nhà lá thường để thờ, phải đến năm 1925, Hội Thương công quỹ tế cho xây phần trung điện và chánh điện. Năm 1937, Hội cho xây thêm một số nhà phụ như Đông lang, Tây lang, phòng quản trị, kho nhang đèn,... các đề án xây dựng này được đưa từ Huế vào nhất là nghệ thuật xếp chắp. Năm 1971, xây chánh điện mở rộng và khánh thành vào ngày 26 tháng 8 năm 1973 cho đến ngày nay.

+ Khu nhà phía Đông: Đây gồm có phòng tiếp tân, trên tường có những đôi liễn ca ngợi công lao của Tả quân Lê Văn Duyệt.

+ Khu nhà phía Tây: Giữa tiền đường là một cột khắc hình rồng cao 2m, phù điêu trên gỗ quý màu đen chạm hai con rồng. Trên tường là những câu đối đề cao sự linh hiển của Tả quân Lê Văn Duyệt.

+ Khu trung tâm: đây là kiến trúc chính và là trung tâm nơi thờ cúng của làng Tả quân Lê Văn Duyệt. Trên nóc cán rồng nổi, các loại hình trang trí nghệ thuật kiểu cung đình trang nghiêm, lộng lẫy.

+ Khu Chánh điện cũ: nay còn gọi là trung điện được xây dựng đúng trên nền của ngôi miếu thờ Tả quân Lê Văn Duyệt khi xưa. So với toàn bộ ngôi khu làng thì sau hai ngôi mộ Tả quân Lê Văn Duyệt và phu nhân đây là phần còn lại lớn nhất và có giá trị nhất. Mặc dù đã được lối kiến trúc ngày nay sửa lại nhiều chỗ nhưng trên cơ bản nền cũ của một ngôi miếu xưa, vẫn còn sự cổ kính bao trùm. Nơi đây kiến trúc gần như vuông vắn. Cửa chánh có 6 cánh, 2 cửa phụ 4 cánh. Tất cả đều được sơn son thếp vàng, trang trí theo đồ án tứ linh, dơi ngậm dây tiền.

Chính giữa toàn bộ gian nhà được đỡ bằng 4 cột gỗ chạm rồng. Cột bằng gỗ quý, từ phía dưới lên nóc là một con rồng chạm nổi, rất tinh xảo, đầu rồng vươn ra đỡ lấy toàn bộ khung của chánh điện.

Giữa là bàn thờ Tả quân Lê Văn Duyệt, hai bên là hai bàn thờ nhỏ hơn thờ Ông Lê Chất và Ông Phan Thanh Giản, các bàn thờ đều chạm hoa, điêu. Trước bàn thờ là hai con hạc gỗ đặt trên lưng hai con rùa cao 2,5m, sau lưng là một con cá khắc gỗ lớn gọi là cá ông (thần ngư). 4 góc nhà là 4 con ngựa xích thố sơn màu có yên cương đủ bộ. Tất cả vật trang trí trong gian thờ đều được sơn son thếp vàng lộng lẫy.

- **Khu mộ:** Nằm trước khu thờ chính là mộ Tả quân Lê Văn Duyệt và phu nhân. Mộ này có từ năm 1832 là năm Tả quân Lê Văn Duyệt mất và được trùng tu năm 1849 khi vua Tự Đức cho phép xóa tội Tả quân Lê Văn

Duyệt khôi phục lại tước hiệu. Năm 1937, xây thêm một hàng rào bên ngoài lăng mộ. Sau vụ án Tả quân Lê Văn Duyệt ít lâu, phu nhân vì buồn mà qua đời, mộ phu nhân nằm cạnh mộ Tả quân Lê Văn Duyệt, vì thế người ta gọi đây là mộ song hôn.

Mộ Tả quân Lê Văn Duyệt nằm trên một vùng đất rộng, mộ kiến trúc kiểu năm trứng ngỗng trên hai tấm liếp. Tấm liếp dưới là một hình chữ nhật cạnh bắc nam dài 4,5m, cạnh đông tây dài 6,2m và cao 0,4m. Tấm liếp trên chia riêng ra mỗi mộ mỗi tấm cách nhau 0,5m, chiều dài mỗi tấm là 4m, rộng 2m, cao 0,3m. Năm trứng ngỗng trên mỗi mộ dài 2,5m rộng 1,5m và cao 0,6m. Đầu Bắc cao hơn đầu Nam. Hai mộ đều được xây màu xám.

Kiến trúc mộ không có gì đặc biệt, trước hai mộ, 6 tấm đá trắng lớn xếp ngay ngắn thành một sân bãi nhỏ có lư hương phía trước. Xung quanh là một bức thành cao 1,3m chạy gần như một hình vuông khép kín chỉ để hai lối nhỏ cho người vào viếng mộ. Cửa rộng 4m, hai bên là hai cột trụ vòng, trên đầu cột đắp hình một nụ sen cao 0,9m. Có bình phong tiền, mặt trong là hình một con hổ mẹ và một con hổ con có vân nổi xung quanh. Bình phong hậu chính giữa đắp nổi mặt hổ, có vân mây nổi. Hai bên cửa vào sân bãi được trang trí bằng hai con lân đá. Trước sân là một cột cờ cao 10m, cột ba tầng hình bát giác. Trên đó vào dịp đại lễ sẽ treo một cờ lệnh rất lớn.

Nhìn chung, về khu mộ Tả quân Lê Văn Duyệt có nhiều ý kiến, song chính xác thì phần mộ của Tả quân Lê Văn Duyệt vẫn còn ở đó. Vua Minh Mạng chỉ cho cấm trụ ghi tội chứ không khai quật, chỉ có phần bia cũng như phần phụ xung quanh đã bị san bằng. Chỉ mãi đến đời Tự Đức thứ 11 mới sai bỏ trụ đá hài tội và đến đời Tự Đức thứ 21 mới cho truy phục chức tước và phần mộ được tu sửa lại. Như vậy, bia đá lúc này mới ghi danh đúng như phẩm chất của Tả quân Lê Văn Duyệt khi còn sống.



16. Lăng Ông Thủy Tướng

Năm 2012, Lăng Ông Thủy Tướng còn gọi là Thạnh Phước Lạch hay Hải Thần miếu được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Tên gọi: Lăng Ông Thủy Tướng còn gọi là Thạnh Phước Lạch hay Hải Thần miếu

Địa chỉ: Khu phố Hưng Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Theo tài liệu Gia Định Thành Thông Chí vào thế kỷ 18, Cần Giờ là tên một cửa biển, đến đầu thế kỷ 19 là thôn Cần Giờ thuộc tổng Dương Hòa huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Phiên An. Từ năm 1832 đến 1862, huyện Cần Giờ thuộc tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định bao gồm các thôn xã: Bình Khánh, Cần Thạnh, Đồng Hòa, Long Thạnh, Lý Nhơn.

Ngày 10 tháng 3 năm 1947, Pháp nhập Cần Giờ vào tỉnh Vũng Tàu. Năm 1956, Cần Giờ thuộc tỉnh Tuy Phước. Năm 1970 thuộc tỉnh Gia Định. Sau năm 1975 thuộc tỉnh Đồng Nai, đến tháng 3 tháng 1978 nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh có tên là huyện Duyên Hải và đến ngày 18 tháng 12 năm 1991 đổi thành huyện Cần Giờ.

Địa hình Cần Giờ giống như một bán đảo bị cắt rời khỏi đất liền bởi các con sông lớn: phía Bắc là sông Nhà Bè - sông Lòng Tàu, phía Đông là sông Đồng Tranh - sông Thị Vải, phía Tây là sông Soài Rạp, còn phía Nam là biển Đông. Phương tiện giao thông chính của vùng là đường thủy.

Dưới thời vua Gia Long, Cần Giờ được biết đến là một cửa biển đông đúc nhất thành Gia Định, cửa biển Cần Giờ thuộc tổng Dương Hòa huyện Bình Dương phủ Tân Bình trấn Phiên An: “Cửa biển Cần Giờ, cửa rộng chừng 5 dặm, nước triều lên thì sâu 12 dặm, nước triều xuống sâu 9 dặm, cách trấn lỵ về phía Đông 142 dặm rưỡi, có thủ ngự đạo Cần Giờ, điểm chợ trù mật, dân theo nghề chài cá. Trong cảng nước sâu rộng bằng phẳng, ngày thường có thuyền buôn ra vào, là một cửa biển đông đúc nhất thành Gia Định, không đâu ví bằng”.

Theo sách Gia Định Thành Thông Chí, đầu thế kỷ 19, tại Cần Giờ đã có miếu thờ cá voi và cá voi này được phong là Thần Nam Hải, hằng năm người dân tổ chức cúng vào tháng Giêng (tháng mạnh xuân). Thần Nam Hải ở đây là cá voi, một loài cá sống ở biển, rất được dân biển kính lễ, “cá voi đầu tròn, ở trán có lỗ phun nước, mũi miệng như con voi, mình trơn láng không có vẩy, đuôi chẻ như đuôi tôm, tính hiền lành hay cứu giúp

người”. Ngư dân đánh cá thường gọi (cá) Ông để lừa cá vào lưới. Thuyền đi biển bị đắm, (cá) Ông này thường đưa người lên bờ. Dân vùng biển đều kính lễ. Khi (cá) Ông lụy (chết), xác (cá) Ông trôi giạt vào đâu thì dân góp tiền vải, sắm quan tài để liệm chôn, lấy người trùm (Vạn trưởng) ngư dân làm tang chủ, lập đền phụng thờ. Trong điện thờ phong làm Nam Hải Tướng quân, vì là ở biển Nam Hải thì mới linh ứng, biển khác thì không.

Theo lời kể của các vị bô lão trong làng còn lưu truyền lại thì năm Bính Tý 1816, triều đình cho phép dựng lăng thờ “Ông Thủy Tướng Nam Hải” trên nền cũ của miếu Hải Thần, hằng năm cúng Lễ Nghinh Ông vào rằm tháng 3 âm lịch. Năm 1837, đại lễ khánh thành và đặt cửa đỉnh diễn ra, chín chiếc đỉnh lần lượt được đặt ở sân của Thế Miếu. Điểm đặc biệt của cửa đỉnh là như một quyển từ điển sống với 167 hình chạm khắc về địa danh, sản vật nước Nam. Trong đó trên 2 đỉnh: Nhân Đỉnh (thụy hiệu của vua Minh Mạng) có chạm ở phần dưới đỉnh hình cá voi và Thuần Đỉnh (thụy hiệu của vua Đồng Khánh) có chạm ở tầng giữa hình cửa biển Cần Giờ.

Năm 1905, miếu thờ Thần Nam Hải bị một cơn bão tàn phá và người dân đã di dời đến vị trí gần đó. Đến 1914, ông Vạn trưởng Trương Bá Tổ đã có sự thay đổi về ngày cúng Ông của ngư dân Cần Giờ. Vào tháng 3 âm lịch, biển Cần Giờ có rất nhiều sứa biển nên khó khăn trong việc đánh bắt. Tháng 8 lại rất được mùa, mùa này trời yên biển lặng là ngày đẹp trời không khí thanh bình và cũng là sự kết hợp giữa ngày mừng ngư dân được mùa bội thu, đàn em nhỏ có một cái tết của thiếu nhi trong đêm hội trăng rằm, vì vậy Vạn trưởng đã dời ngày cúng Ông đến rằm tháng 8 âm lịch.

Đến năm 1952, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, Lăng Ông Thủy Tướng di dời về vị trí hiện tại. Từ năm 1968, đến nay đã trải qua nhiều lần trùng tu nên Lăng đã có sự thay đổi về kiến trúc ban đầu, nhưng vẫn còn lưu giữ hình thức văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu góp phần làm phong phú của người dân vùng biển, đó là Lễ hội Nghinh Ông hằng năm diễn ra vào rằm tháng 8 âm lịch. Lễ hội Nghinh Ông diễn ra tại Lăng Ông Thủy Tướng được xem là ngày lễ hội truyền thống lớn nhất huyện Cần Giờ, với sự tham gia đông đảo của bà con ngư dân và du khách gần xa. Hiện nay, lễ hội vẫn mang đậm chất nhân văn với các nghi thức cúng bái được lưu giữ, giữ gìn gần như nguyên vẹn.

Lăng Ông Thủy Tướng Cần Thạnh hay còn gọi là Thạnh Phước Lạch là một trong số các lăng, miếu thờ cúng cá Ông (cá voi) lớn nhất trên địa bàn huyện Cần Giờ nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung. Kiến trúc tại lăng theo lối kiến trúc tứ trụ với 4 cột chính chia ra làm các khu

vực cúng thờ rõ rệt: chính điện, võ ca. Bên cạnh đó, cách bố trí thờ tự tại lăng cũng mang nét đặc trưng của các đình, miếu Nam Bộ. Lăng Ông Thủy Tướng tọa lạc trong khu vực trung tâm thị trấn Cần Thạnh. Ba hướng Đông, Tây, Nam tiếp giáp với nhà dân, riêng hướng Bắc giáp với biển Cần Giờ. Diện tích toàn bộ lăng theo bản vẽ khoanh vùng bảo vệ là 742,5m². Chia làm hai khu vực 1 và 2, khu vực 1 có diện tích là: 345,3m² và khu vực 2 có diện tích 397,2m². Cấu trúc Lăng Ông Thủy Tướng gồm: điện thờ, võ ca, phòng trưng bày và nhà tiếp khách.

Tại phòng trưng bày có một bộ xương cá Ông, dài 12m, theo các vị bô lão tại lăng “Ông lụy” năm 1971, được các nhà khoa học phục dựng lại năm 2001 theo mô phỏng của bộ xương cá voi tại Viện Hải dương học. Hiện nay bộ xương được đặt trong tủ kính, thờ cúng nghiêm trang, phía dưới bộ xương cá voi này là mô hình thu nhỏ của các loại ghe, thuyền đánh bắt đặc trưng tại vùng Cần Giờ như: ghe cào, ghe chèo,... trên bức tường xung quanh trưng bày hình ảnh “Ông lụy”, hình ảnh lễ hội Nghinh Ông diễn ra từng năm, hình ảnh sinh hoạt, cúng lễ tại lăng và trên bức tường góc đông bắc có treo một phần xương của một loài cá cũng được xem là quan trọng là cá đao.

Cửa chính vào là điện thờ: điện thờ được chia làm 3 gian mái lớp tôn, nền lát gạch. Gian giữa có đặt các bàn thờ: Bàn thờ Tả ban, Hữu ban, Tiên sư, Bà Thủy Long, Ông Quan Tướng, các bàn thờ này được đặt trên một bệ thờ cao trang trọng chính giữa điện thờ.

Bàn Nghinh Ông dùng để đặt kiệu rước Ông trong các ngày lễ Nghinh Ông, có chiều cao khoảng 1,6m, rộng 1,2m, dài 1,2m. Phía trước có đặt một chiếc kiệu chạm hình lưỡng long và bốn cột đỡ nổi hình rồng. Các góc mái của kiệu có chạm hình sông nước, mái sơn hình vẩy cá. Trên kiệu đặt một bình hoa, một lư hương, một cặp chân đèn bằng gỗ và hình Ông Thủy Tướng thu nhỏ. Hai bên kiệu có chạm hình rồng và hoa lá.



Võ ca có diện tích 20m², mái lợp tôn, nền lát gạch. Võ ca là nơi dùng để hát, diễn tuồng trong ngày Lễ hội Nghinh Ông. Sân khấu cao khoảng 1,5m.

Nhà đãi (nhà tiếp khách) có diện tích khoảng 75m², kết cấu rất đơn giản với dàn khung sắt, mái lợp tôn, dùng làm nơi nghỉ ngơi, thết đãi người dân trong các ngày lễ.

Hiện vật lưu trữ:

Hiện vật quan trọng nhất tại làng là hình Ông Thủy Tướng, hình Bà Thủy Long nương nương, hình Ông Tiên sư, tượng Ông Quan Tướng được thờ vị trí trung tâm của chính diện, đã có từ rất lâu và được ngư dân tôn kính, thờ cúng.

Bộ xương cá Ông dài 12m cũng được xem là hiện vật quan trọng, tuy được bài trí tại phòng trưng bày để khách có thể tham quan nhưng đối với ngư dân Cần Giờ cá Ông là vị thần phù trợ cho nghề biển được thuận lợi.



V. VUI CHƠI - GIẢI TRÍ - MUA SẮM

Trong những năm gần đây, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã có những bước phát triển đột phá, có thể sánh ngang với các thành phố lớn trong khu vực và trên thế giới. Nhiều công trình hiện đại xen lẫn với những công trình cổ kính đã trở thành điểm nhấn trên bức tranh toàn cảnh kiến trúc của Thành phố. Khi đến Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, du khách có thể đang đi giữa con phố nhộn nhịp, sôi động, những chỉ cần lạc bước một chút, đã có thể đi dạo ngay trong công viên đã có tuổi gần 200 năm. Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, nét cổ kính và hiện đại đan xen lẫn nhau, đã tạo nên một Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh trẻ trung, sôi động, đặc biệt là Thành phố mang đậm hình ảnh “An toàn - Sống động - Cởi mở - Trẻ trung - Đầy hứng khởi” trong mắt của du khách mỗi khi đến đây. Đó chính là điểm khác biệt mà chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh mới có.

1. Thảo cầm viên

Tên gọi: Thảo cầm viên Sài Gòn, tên gọi khác Vườn Bách thảo, Sở thú

Địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Là một trong những công trình mang tính lịch sử và lâu đời nhất Thành phố Hồ Chí Minh, Thảo cầm viên Sài Gòn không chỉ là một di tích lịch sử mà còn là biểu tượng văn hóa đặc trưng của Thành phố mang tên Bác. Được xây dựng cùng lúc với Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà thờ Đức Bà và chợ Bến Thành, Thảo cầm viên Sài Gòn được xem như một chứng nhân của lịch sử, đã cùng đi qua những thăng trầm của con người và vùng đất này. Sức sống bền bỉ cùng những giá trị văn hóa đặc trưng đã mang đến cho Thảo cầm viên Sài Gòn một sắc thái riêng biệt và không thể nhầm lẫn với bất kỳ nơi nào khác

Thảo cầm viên Sài Gòn được xây dựng vào ngày 23 tháng 3 năm 1864 với tên gọi đầu tiên là Vườn Bách thảo. Người có công xây dựng nên Thảo cầm viên Sài Gòn là Đô đốc Toàn quyền Đông Dương Pierre-Paul De La Grandière, với tham vọng dùng nơi này để nâng cao văn hoá và các hoạt động bảo tồn động thực vật, cũng như phục vụ công trình nghiên cứu cho các nhà khoa học Đông Dương. Theo lệnh của Đô đốc, ông Louis Adolphe Germain – một thú y sĩ của quân đội Pháp, được giao nhiệm vụ mở mang 12ha vùng đất hoang ở phía Đông Bắc rạch Thị Nghè để làm nơi nuôi thú và ươm cây. Năm 1865, công trình hoàn thành với nhiều loại thú và cây quý hiếm được nhập về từ các nước lân cận như Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Campuchia, ... và được mở rộng đến 20ha. Người dân Sài Gòn khi ấy quen gọi Thảo cầm viên Sài Gòn là Sở thú và tên gọi phổ thông này vẫn gắn liền với Thảo cầm viên Sài Gòn cho đến tận hôm nay.

Từ năm 1869, Thảo cầm viên Sài Gòn mở cửa thường trực cho công chúng vào xem. Tại thời điểm đó, công viên có 509 loài động vật, trong đó có 120 loài thú, 344 loài chim và 45 loài bò sát. Trong khoảng thời gian 1924 - 1927, Thảo cầm viên Sài Gòn sáp nhập thêm 13ha bên bờ bắc rạch Thị Nghè, trải nhựa đường nội bộ trong khuôn viên, bổ sung các giống cây lạ từ Nhật Bản, xây dựng các chuồng thú có quy mô lớn và kiên cố như chuồng lồng tròn để nuôi khỉ, chuồng cạp... Cũng trong khoảng thời gian này, Thảo cầm viên Sài Gòn đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc quy mô trong khuôn viên như Đền thờ Vua Hùng, Viện Bảo tàng Blanchard de la Bross. Từ năm 1956, Thảo cầm viên Sài Gòn chính thức mang tên như ngày nay và Viện Bảo tàng Blanchard de la Bross cũng được đổi tên

thành Viện Bảo tàng Quốc gia Sài Gòn.

Sau hơn 150 năm xây dựng và phát triển, Thảo cầm viên Sài Gòn đã trở thành một trong những vườn thú lớn nhất nước với hơn 1.000 cá thể động vật thuộc 125 loài; hơn 2.000 cây gỗ thuộc 260 loài, 23 loài lan nội địa, 33 loài xương rồng, 34 loại bonsai và thảm cỏ xanh trên diện tích 17ha, chia ra làm nhiều khu: khu nuôi động vật, khu suối mơ (bonsai cây cảnh) và nhà lan, khu vui chơi... Và đến nay, Thảo cầm viên Sài Gòn vẫn là một trong những công viên vui chơi giải trí ưa thích nhất của người dân Thành phố Hồ Chí Minh lẫn các tỉnh thành khác.

Không chỉ là một công viên giải trí lành mạnh với không khí trong lành và hệ động thực vật phong phú, Thảo cầm viên Sài Gòn còn giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục, bảo tồn và nghiên cứu về tự nhiên. Sự liên kết chặt chẽ về mặt chuyên môn giữa Thảo cầm viên Sài Gòn và các tổ chức quốc tế như: Hiệp hội các Vườn thú Đông Nam Á (SEAZA), Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Hiệp hội Vườn thú và Hồ cá Thế giới (WAZA), Tổ chức Quản lý loài Quốc tế (ISIS), Hiệp hội Vườn thú Việt Nam (VZA)... là nền tảng vững chắc để Thảo cầm viên Sài Gòn tiếp tục thực hiện các dự án bảo tồn và nghiên cứu thiên nhiên của mình.

Logo của Thảo cầm viên Sài Gòn mang hình tượng của một chú chim trĩ sao đầy kiêu hãnh. Nguồn cảm hứng của biểu tượng này bắt nguồn từ sự kiện Thảo cầm viên Sài Gòn là vườn thú đầu tiên ấp nở thành công loài chim trĩ sao quý hiếm trong môi trường nuôi nhốt. Chim trĩ sao vốn là một trong những loài chim quý hiếm đặc hữu của Việt Nam và đang bị đe dọa trong tự nhiên. Chọn chim trĩ sao làm biểu tượng chính là cách để Thảo cầm viên Sài Gòn khẳng định sứ mệnh và hoài bão của mình: trở thành đơn vị đi đầu trong việc gìn giữ môi trường và hệ động thực vật quý hiếm bản địa góp sức vào các công trình nghiên cứu và bảo tồn mang tầm vóc quốc tế tại Việt Nam.

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng (ngày 30 tháng 4 năm 1975), Thảo cầm viên Sài Gòn tiếp đón hàng triệu lượt du khách đến tham quan hàng năm. Để phục vụ lượng du khách ngày càng tăng, Thảo cầm viên Sài Gòn không ngừng nâng cấp và xây mới khuôn viên với nhiều hạng mục công trình như: đầu tư xây dựng kè đá dọc kênh Thị Nghè, cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống dây điện trần, xây dựng tường rào dọc đường Nguyễn Bình Khiêm, cải tạo và mở rộng các chuồng thú cho phù hợp với đời sống sinh thái của từng loài thú... Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, năm 1990, Thảo cầm viên Sài Gòn trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các vườn Đông Nam Á (SEAZA).

2. Phố đi bộ Nguyễn Huệ

Tên gọi: Phố đi bộ Nguyễn Huệ

Địa chỉ: đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình phát triển:

Thời Pháp thuộc, đường Nguyễn Huệ (bây giờ) chính là con kênh dẫn nước từ sông Sài Gòn (bến Bạch Đằng ngày nay) vào thành Gia Định (còn gọi thành Bát Quái) do Chúa Nguyễn Ánh xây dựng năm 1790, dẫn từ bờ sông Sài Gòn vào tận dinh Xã Tây (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Ban đầu, kênh có tên là Kinh Lớn (nghĩa là “con kênh to lớn”). Thời Pháp thuộc, người Pháp cũng gọi Kinh Lớn với tên tương tự trong tiếng Pháp là Grand. Người Việt đôi khi còn gọi Kinh Lớn là Kinh Chợ Vải vì nơi đây hoạt động buôn bán vải vóc khá nhộn nhịp do các thương lái người Hoa vùng Quảng Đông điều hành. Kênh Chợ Vải là tuyến giao thông đường thủy chủ lực để các tàu buôn cung cấp hàng hóa cho chợ Bến Thành cũ nằm bên bờ sông Bến Nghé và các tàu chở quân nhân vào thành được lưu thông dễ dàng và chạy thẳng trực tiếp vào thành. Dọc hai bờ kênh là hai con đường mà người Pháp đặt tên là Charner và Rigault. Sau đó, Kinh Lớn được đổi tên thành kênh Charner theo tên đô đốc Charner - người ban hành quy định giới hạn địa phận thành phố này. Vì lưu lượng hàng hóa vận chuyển tấp nập nên Kinh Lớn dần dần trở nên ô nhiễm nặng khiến người Pháp phải cho lấp kênh đào này, san bằng cùng với con đường ở hai bờ để trở thành đại lộ rộng lớn mang tên Đại lộ Charner vào năm 1887, tại đây cũng là địa điểm các ban nhạc hải quân Pháp thường trình diễn vào những dịp lễ trang trọng. Tuy nhiên, người Sài Gòn khi đó lại thường gọi bằng cái tên dân gian là đường Kinh Lấp (nghĩa là “con kênh bị lấp đất”). Đến năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đổi tên con đường này thành Đại lộ Nguyễn Huệ, đại lộ đẹp nhất lúc bấy giờ.



Ngã tư giữa đại lộ Nguyễn Huệ và đại lộ Lê Lợi thời Pháp thuộc có xây một bùng binh (còn gọi là vòng xoay giao thông). Theo các nhà nghiên cứu thì đây chính là bùng binh xuất hiện đầu tiên ở Sài Gòn. Ban đầu, là một bệ cao hình bát giác. Mỗi chiều thứ bảy, tại bệ này có một số người ra đây thổi nhạc Tây cho người dân thưởng thức, vì vậy còn có tên dân dã là Bùng binh Bốn Kèn. Sau đó, bùng binh được sửa chữa thành một vòng xoay giao thông, có đài phun nước ở giữa, xung quanh trồng những cây liễu nhẹ nhàng, thướt tha, đẹp và rất thanh thoát, nên còn gọi là Bùng binh Cây liễu.

Huyền thoại “chợ hoa Nguyễn Huệ” xuất phát từ thời điểm khi đại lộ vẫn là con kênh, dọc bờ sông, mỗi dịp Tết về, hoa từ khắp nơi, từ lục tỉnh, theo những con thuyền về tập kết ở bến và trên bờ, các chậu (giỏ) hoa trải dài dọc trên con kênh này. Vì vậy, cho đến khi san lấp thành đại lộ, mãi cho đến cuối thế kỷ 20, mỗi năm một lần, con đường này vẫn là chợ hoa xuân chính của người dân Thành phố. Mỗi khi Tết đến, đây là nơi tập trung mua bán hoa tết và cây cảnh, vì vậy con đường này khi đó còn được gọi là Chợ hoa Nguyễn Huệ. Nhà vườn tập kết hoa ở bến Bạch Đằng, sau đó phân bổ hoa vào từng khu vực quy định sẵn trên đường Nguyễn Huệ. Người dân đến đây không chỉ để mua hoa mà còn là ngắm, thưởng ngoạn và tận hưởng cái hương vị đặc trưng của chợ hoa những ngày giáp Tết. Cuối thập niên 90, vì lý do trật tự tại trung tâm Thành phố nên chợ hoa Nguyễn Huệ chuyển sang công viên 23/9 khiến nhiều người tiếc nuối. Tết Giáp Thân, năm 2004, chợ hoa Nguyễn Huệ lần đầu tiên được trở lại nhưng với diện mạo mới. Không còn cảnh mua bán, chào mời, suốt dọc con đường cũng có hoa nhưng hoa được bày biện, sắp đặt công phu theo nghệ thuật và có chủ đề, chỉ dành cho việc thưởng ngoạn của khách du xuân. Cũng từ năm này, cứ vào dịp Tết, đường Nguyễn Huệ có một cái tên khác, đó là Đường hoa Nguyễn Huệ.

Đến năm 2015, Đại lộ Nguyễn Huệ có sự thay đổi lớn. Đó là dự án nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Huệ là công trình trọng điểm của Thành phố Hồ Chí Minh Chào mừng 40 năm Ngày Thống nhất Đất nước. Đây là phố đi bộ đầu tiên của Thành phố, có quảng trường đi bộ, hệ thống chiếu sáng nghệ thuật. Đặc biệt tại ngã tư Nguyễn Huệ - Lê Lợi và Nguyễn Huệ - Mạc Thị Bưởi có hai công trình nhạc nước kết hợp trình diễn ánh sáng nghệ thuật tập trung.

Ngày 30 tháng 4 năm 2015, Phố đi bộ Nguyễn Huệ chính thức được khánh thành. Toàn bộ tuyến phố đi bộ có chiều dài 670m, rộng hơn 60m, gồm 2 phần với điểm nổi là vòng xoay Cây Liễu (khu vực này được san lấp

bằng phẳng và xây dựng thành nơi trình diễn nhạc nước). Phần công viên tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Lê Lợi) đặt tượng đài Bác Hồ bằng hợp kim đồng cao 7,2m, tư thế hướng mặt về sông Sài Gòn. Phía sau tượng đài Bác Hồ là tấm bia ghi sự kiện Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ ra mắt nhân dân Thành phố sau thành công của Cách mạng Tháng 8 năm 1945. Công viên được bố trí hồ sen, 2 hàng sứ trắng cùng nhiều hoa, cây cảnh rực rỡ sắc màu. Phần quảng trường Nguyễn Huệ (từ đường Lê Lợi đến đường Tôn Đức Thắng) gồm một trục đường đi bộ ở giữa lát đá granite dày 10cm, hai bên là hai làn đường dành cho phương tiện lưu thông. Hiện nay, các buổi tối ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ sẽ cấm các loại xe trong khoảng thời gian từ 17h - 23h. Ngăn cách giữa trục đường đi bộ và hai làn đường là những hàng cây xanh xen kẽ các bồn hoa. Trên các hàng cây lắp đặt hệ thống phun sương vào giờ nhất định để làm mát không khí, ngăn bụi và tạo độ ẩm cho cây phát triển. Quảng trường còn được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng nghệ thuật, nhạc nước hiện đại, 2 khu tầng hầm bố trí trung tâm giám sát và điều khiển hệ thống camera, chiếu sáng, nhạc nước, nhà vệ sinh công cộng, ...

Phố đi bộ Nguyễn Huệ sẽ là nơi tổ chức các buổi diễu hành, mít tinh, lễ hội đường phố, đường hoa, hoạt động triển lãm văn hóa, thể thao, biểu diễn nghệ thuật, ... của Thành phố. Phố đi bộ Nguyễn Huệ đã được phủ sóng wifi miễn phí 24/24 giờ phục vụ du khách tham quan với công dung lượng có tốc độ 1GB/giây, đảm bảo nhiều người có thể truy cập cùng lúc.

Trải qua hơn 200 năm hình thành và phát triển, đường Nguyễn Huệ đã biến đổi từng bước theo thời cuộc và cho đến ngày nay nó vẫn là con đường đẹp nhất và hiện đại nhất của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh.



3. Phố đi bộ Bùi Viện

Tên gọi: Phố đi bộ Bùi Viện

Địa chỉ: đường Bùi Viện, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình phát triển:

Được nhắc đến trong tập sách du lịch “Lonely Planet” từ năm 1993, khu phố Đề Thám - Bùi Viện - Đỗ Quang Đẩu - Phạm Ngũ Lão được nhiều nhóm khách nước ngoài đưa vào “điểm hẹn” của họ khi đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến với Phố Bùi Viện, du khách được phục vụ hầu hết các loại hình dịch vụ: ăn uống, nhu cầu vui chơi, giải trí, làm đẹp, nghỉ ngơi,... đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách với giá cả từ bình dân đến cao cấp. Đặc biệt, bên trong các hẻm nhỏ đan xen trên tuyến đường có đầy đủ tất cả các loại hình dịch vụ cho du khách mà bạn không thể ngờ đến.



Chính thức khai trương vào ngày 20 tháng 8 năm 2017, Phố đi bộ Bùi Viện được chỉnh trang đồng bộ vỉa hè, lát mới đá granite trên tuyến đường dài 1.400 m, với tổng mức đầu tư gần 10 tỷ đồng. Phố đi bộ Bùi Viện được thí điểm tổ chức vào Thứ 7 và Chủ nhật hàng tuần, thời gian hoạt động từ 19h00 đến 2h00 sáng hôm sau, trong đó từ khung giờ 20h00-22h00 sẽ diễn ra các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Toàn bộ du khách khi đến Phố đi bộ Bùi Viện sẽ được hưởng “four free” (4 miễn phí), gồm: nhà vệ sinh; wifi; cung cấp thông tin, hỗ trợ du khách miễn phí và “nụ cười miễn phí”.

Các phương tiện giao thông sẽ ngưng lưu thông trên tuyến đường Bùi Viện trong thời gian trên, dành đường cho người đi bộ. Để đảm bảo lưu thông cho người đi bộ và du khách, các cơ sở kinh doanh tại phố Bùi Viện chỉ được phép bày bán trên toàn bộ phần vỉa hè, không được tràn xuống lòng đường. Đặc biệt, các ngành hàng được quy hoạch rõ ràng, đa dạng, không trùng lặp, cơ sở kinh doanh phong phú. Trên tuyến đường Bùi Viện sẽ có hai sân khấu phục vụ nghệ thuật cho du khách tham quan. Hai sân khấu do các nghệ sĩ Việt Nam và nước ngoài biểu diễn vào dịp cuối tuần, kết hợp giao lưu văn hóa nghệ thuật các nước.

4. Chợ Bến Thành

Tên gọi: Chợ Bến Thành hay chợ Sài Gòn

Địa chỉ: Công trường Quách Thị Trang, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Chợ Bến Thành hay chợ Sài Gòn, một ngôi chợ nổi tiếng, được xây dựng tại trung tâm Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cửa chính chợ ở phía Nam, hướng ra công trường Quách Thị Trang, cửa Bắc phía đường Lê Thánh Tôn, cửa Đông nằm trên đường Phan Bội Châu, cửa Tây ở đường Phan Châu Trinh.

Chợ Bến Thành vốn đã có từ lâu, là một ngôi chợ sầm uất, náo nhiệt. Trong quyển Gia Định Thành Thông Chí, được viết vào đời vua Gia Long, tác giả Trịnh Hoài Đức đã mô tả chợ Bến Thành như sau: “Chợ phố Bến Thành, nhà cửa trù mật, theo ven sông hợp chợ. Ở đầu bến, lệ, cứ tháng đầu xuân ngày tế Mạ thì diễn duyệt thủy binh, bên có đò ngang tiếp chở khách ngoại quốc lên bờ. Đầu Bắc có ngòi Sa Ngư bắc cầu ván ngang ngòi, hai bên cầu có phố ngói bách hóa tụ họp. Ven sông thì thuyền buôn lớn nhỏ đi lại nườm nượp”.

Có ý kiến cho rằng vì chợ nằm bên bờ sông Bến Nghé, cạnh một bến sông gần thành Qui nên có tên gọi là chợ Bến Thành.

Ngày 17 tháng 02 năm 1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công vào thành Phụng và sau đó đã đặt thuốc nổ phá tung nhiều tường thành, đốt dinh thự, kho tàng, lúa thóc bên trong thành.

Cuộc tấn công của quân Pháp làm chợ Bến Thành bị hư hại nhiều nên khi chiếm được Gia Định, năm 1860 thực dân Pháp cho xây dựng lại chợ Bến Thành tại khu vực đường Hàm Nghi, Nguyễn Huệ, bến Bạch Đằng hiện nay.



Theo đà phát triển của Thành phố, chợ Bến Thành ngày càng nhộn nhịp, đông đúc. Do đó, chính quyền quyết định xây một khu chợ mới lớn hơn để phục vụ nhu cầu buôn bán. Địa điểm được chọn nằm gần ga xe lửa Mỹ Tho, nay là trung tâm điều chuyển xe buýt Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực xây chợ là một cái ao sinh lầy, gọi là ao “Bồ Rệt” (Marais Boresse) đã được lấp đi. Ngôi chợ mới do công ty Brossard et Maupin khởi công xây dựng từ năm 1912 đến cuối tháng 3 năm 1914 thì hoàn tất. Chợ được xây dựng bằng gạch dày chịu lực, bộ khung sắt, cột, kèo bê tông. Lễ khánh thành được báo chí thời đó gọi là “Tân Vương Hội” vì được tổ chức rất long trọng, kéo dài ba ngày với xe hoa, pháo hoa và hơn một trăm nghìn người tại Sài Gòn và từ các tỉnh đổ về. Khu chợ này vẫn mang tên Bến Thành, có người gọi là chợ Mới, chợ Sài Gòn để phân biệt với chợ Cũ.

Chợ Bến Thành hiện nay có tổng diện tích 13.056m², chiều dài từ cửa Nam đến cửa Bắc 136m, từ cửa Đông đến cửa Tây 96m, lối đi nối các cửa Đông, Tây, Nam, Bắc rộng 5m. Bốn cửa lớn ở bốn hướng đều có các phù điêu gồm thể hiện các sản vật địa phương. Cửa Nam có hình cá đuối, cá trê, bò và cá, heo. Cửa Bắc hình chuối, ngỗng. Cửa Đông hình bò, heo. Cửa Tây hình cá đuối, chuối. Ngoài bốn cửa chính còn có nhiều cửa phụ để ra vào chợ. Nổi bật trên nóc chợ là tháp đồng hồ ba mặt ở phía cửa Nam, hướng ra công trường Quách Thị Trang.

Từ sau năm 1975 đến nay, chợ Bến Thành đã nhiều lần được sửa chữa, sắp xếp lại. Hiện nay chợ tập trung khoảng 3.000 hộ kinh doanh buôn bán nhiều mặt hàng thiết yếu và quý hiếm trong nước cũng như nước ngoài.

Không chỉ là một điểm thu hút du khách đến tham quan mua sắm, chợ Bến Thành còn được nhiều người xem là biểu tượng của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chợ Bình Tây

Năm 2017, Chợ Bình Tây được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố

Tên gọi: Chợ Bình Tây

Địa chỉ:

Số 57A đường Tháp Mười, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình lịch sử:

Trong những năm 1776, vùng đất Sài Gòn (tức vùng Chợ Lớn ngày nay, còn Sài Gòn ngày nay trước kia được gọi là Bến Nghé) là nơi định cư của người Hoa ở Cù Lao Phố (tức Biên Hoà ngày nay) sau khi chạy lánh nạn do chiến tranh giữa Nguyễn Ánh và quân Tây Sơn. So với Cù Lao Phố,

Sài Gòn có nhiều lợi thế hơn hẳn do có giao thông thủy, bộ rất thuận lợi. Theo phong tục tập quán, người Hoa thường lập chợ khi đến nơi định cư mới nhằm có chỗ để trao đổi hàng hoá. So với chợ Tân Kiểng của người Việt thì chợ Sài Gòn (khu vực Bưu điện Chợ Lớn ngày nay) có lớn hơn nên được người dân nơi đây gọi là Chợ Lớn.

Chợ Lớn ngày càng phát triển sung túc, nhiều người dân từ nơi khác tập trung đến làm ăn mua bán. Chợ trở nên chật hẹp không thể phát triển thêm. Chính quyền tỉnh Chợ Lớn thời đó cũng dự định xây dựng chợ mới nhưng chưa tìm được đất. Vì vậy, có thương nhân người Hoa tên là Quách Đàm đã bỏ tiền ra mua mảnh đất sinh lầy rộng trên 25.000m² ở thôn Bình Tây và cho san lấp bằng phẳng, xây dựng chợ mới bằng bê tông cốt thép tặng nhà nước. Riêng Ông chỉ xin xây dựng mấy dãy phố lầu xung quanh chợ và dựng tượng Ông chính giữa chợ sau khi Ông qua đời.

Quách Đàm, thương hiệu Thông Hiệp (1863 - 1927, theo ghi khắc tại bệ đá thờ Ông trong hoa viên của chợ), người được xem như thần tài của chợ Bình Tây, người làng Triều An, Long Khanh, Triều Châu, Trung Quốc, rời quê hương với hai bàn tay trắng. Thuở ban đầu Ông đi thu mua ve chai, lông vịt và các loại nguyên liệu phế thải để kiếm sống qua ngày. Nhờ đức tính cần cù chịu khó, lại giỏi tính toán, bán buôn Ông dần trở thành người giàu có. Khi được chính quyền tỉnh Chợ Lớn đồng ý, Ông tổ chức xây chợ mới theo lối kiến trúc Trung Quốc và áp dụng kỹ thuật xây dựng hiện đại của Pháp thời bấy giờ. Riêng tượng Ông Quách Đàm bằng đồng được thuê đúc tận bên Pháp. Sau khi mất, tượng Ông Quách Đàm được gia đình ông dựng lên vào năm 1930 trên bệ cao, dưới chân tượng có kỳ lân châu và rồng phun nước. Hiện nay, tượng của Ông được lưu giữ và bảo quản tại Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.



Chợ mới sau khi xây xong rất khang trang, sạch sẽ trên khuôn viên đất khá rộng nên được người dân gọi là Chợ Lớn Mới. Ngay sau khi được đưa vào hoạt động, với lợi thế về giao thông thủy bộ cũng như tay nghề kinh doanh của bà con tiểu thương người Việt và người Hoa, Chợ Lớn Mới nhanh chóng trở thành khu kinh doanh sầm uất, giữ tính chất đầu mối bán buôn khắp Nam Kỳ lục tỉnh, trong nước và các nước láng giềng cho đến ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.



Năm 1975, chính quyền Thành phố tiếp nhận quản lý, sắp xếp cho nhân dân tiếp tục mua bán phục vụ hàng hoá cho cả nước và các nước bạn Lào, Campuchia, Trung Quốc và đổi tên chợ là chợ Bình Tây cho đến ngày nay. Năm 1992, tiếp tục phát huy thế mạnh của chợ, Ủy ban nhân dân Quận 6 tổ chức sửa chữa nâng cấp nhà lồng chợ thêm một tầng lầu. Năm 2006, tiếp tục đầu tư cải tạo sửa chữa khu vực đường Trần Bình - Lê Tấn Kế khang trang sạch đẹp, chợ Bình Tây vì thế trở thành một trong những ngôi chợ lớn của Thành phố với 2.358 quầy sạp. Khu vực nhà lồng chợ có 1.446 sạp, trong đó tầng trệt là 698 sạp, tầng lầu có 748 sạp. Khu vực ngoài nhà lồng có 912 sạp, trong đó khu vực đường Trần Bình có 408 sạp, khu vực đường Lê Tấn Kế có 328 sạp, khu vực đường Phan Văn Khoé là 176 sạp. Các ngành hàng được bố trí, sắp xếp hợp lý, tập trung theo từng khu vực kinh doanh nhằm phát huy thế mạnh của từng ngành hàng. Bà con người Hoa vẫn tập trung về chợ làm ăn mua bán mà đa số là người Hoa sinh sống tại các Quận 5, Quận 6 và Quận 11. Tiểu thương người Hoa hiện chiếm tỷ lệ 25% số lượng hộ kinh doanh tại chợ Bình Tây.

Trải qua thời gian dài hình thành và phát triển, chợ Bình Tây ngày nay vẫn giữ được vị thế của một chợ đầu mối bán buôn lớn của Thành phố và của Quận 6, với lối kiến trúc cổ xưa của Trung Quốc và bề dày lịch sử, hàng năm thu hút trên 120.000 lượt khách du lịch người nước ngoài đến tham quan và mua sắm tại chợ. Đến với chợ Bình Tây, du khách vừa được ngắm nhìn kiến trúc cổ, tìm hiểu lịch sử của chợ và mua sắm với giá cả phù hợp.

C. DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SỐNG ĐỘNG TỪNG TRẢI NGHIỆM – VIBRANT HOCHIMINH CITY

Trải qua hơn 40 năm ngày thống nhất đất nước, trong đó có hơn 30 năm đổi mới, Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo được sự ổn định chính trị, vượt qua những năm khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm đầu sau giải phóng, để trở thành một trung tâm kinh tế và văn hóa, đầu tàu tạo động lực cho vùng Nam Bộ và cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là một trong những thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam. Nền kinh tế đa dạng về các lĩnh vực: từ công nghiệp điện tử, công nghiệp chế biến, nông nghiệp, thủy sản, xây dựng đến du lịch, tài chính, ... Về thương mại, Thành phố có hệ thống trung tâm mua sắm, siêu thị, chợ đa dạng. Với điều kiện thuận lợi, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là sân bay lớn cả về diện tích và công suất nhà ga. Thành phố có 6 bến xe khách liên tỉnh được phân bổ đều ở các cửa ngõ ra vào của Thành phố. Bên cạnh đó, Thành phố Hồ Chí Minh còn có cảng Sài Gòn là một trong những cảng lớn ở Việt Nam, chiếm 25% tổng khối lượng hàng hóa thông qua các cảng biển cả nước.

Thành phố chủ trương mở rộng không gian đô thị theo nhiều hướng, nhiều khu đô thị mới được hình thành. Nhiều công trình kiến trúc hiện đại và lộng lẫy trở thành điểm nhấn trên bức tranh toàn cảnh của kiến trúc Thành phố. Các trung tâm thương mại, các phòng trà ca nhạc, quán bar, vũ trường, sân khấu, các khu vui chơi giải trí, ... với sự trẻ trung, sôi động đã góp phần tạo nên sự náo nhiệt của phố thị Sài Gòn. Có thể nói hoạt động của ngành giải trí ở Thành phố Hồ Chí Minh nhộn nhịp hơn bất cứ thành phố nào ở Việt Nam.



Từ những điều kiện như vậy, Thành phố Hồ Chí Minh được xếp thứ 3 trong danh sách “Những điểm đến có chi phí hấp dẫn nhất năm 2016” do Lonely Planet bình chọn. Được xếp trong top 25 điểm đến hấp dẫn của châu Á do Trip Advisor bình chọn, hạng 42 trong top 100 điểm đến có khách quốc tế lưu trú nhiều nhất thế giới theo khảo sát của Mastercard năm 2016. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong 10 điểm đến có nền ẩm thực đường phố của thế giới năm 2016 (theo National Geographic), xếp thứ 2/10 thành phố tốt nhất cho khách đi du lịch một mình (theo Airbnb), xếp thứ 3/10 thành phố có khách sạn 5 sao giá rẻ (theo Forbes).

Thành phố Hồ Chí Minh có 21 quận, huyện và thành phố Thủ Đức với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa phong phú, đa dạng; bên cạnh đó, những dịch vụ hỗ trợ hấp dẫn như ẩm thực, vui chơi, giải trí, mua sắm, ... đã tạo cho Thành phố một bức tranh du lịch đầy màu sắc. Với chủ trương tập trung phát huy lợi thế, các thế mạnh của các quận, huyện nhằm hình thành những sản phẩm đặc trưng cho sự phát triển du lịch Thành phố, bên cạnh các sản phẩm chủ lực, tiềm năng của Thành phố như: du lịch MICE, du lịch đường thủy, du lịch mua sắm luôn được quan tâm thì du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp gắn với nông thôn mới, ... cũng đang được chú trọng phát triển. Ngành du lịch Thành phố cũng có nhiều cố gắng trong việc tìm hướng đi mới, có thể kể đến như việc phát triển chương trình nghệ thuật phục vụ du khách, phát triển du lịch văn hóa - lễ hội, du lịch ẩm thực, du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao, du lịch văn hóa - lịch sử, ...



Thành phố tiếp tục định hướng xây dựng và phát triển hệ thống sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh như:

- Phát triển du lịch có trách nhiệm gắn với phát triển nông thôn mới, các làng nghề truyền thống.

- Khuyến khích các cơ sở lưu trú du lịch đầu tư, phát triển loại hình homestay tại các huyện: Củ Chi, Cần Giờ, đầu tư kinh doanh theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn để phục vụ khách du lịch.

- Phát triển du lịch gắn với các hoạt động thể thao, nâng cấp một số giải thể thao hiện nay trở thành giải quốc tế, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước như: giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank (Ho Chi Minh City International Marathon Techcombank), đua xe đạp, v.v...

- Hình thành các tuyến đường chuyên kinh doanh phục vụ du lịch (Phạm Ngũ Lão, Đỗ Quang Đầu, Bùi Viện, Đề Thám... tại Quận 1); duy trì và phát triển các tuyến phố chuyên doanh như: Phố chuyên doanh nhạc cụ; Phố chuyên doanh Áo dài (Quận 3); Phố Đông y; Phố Kinh doanh vàng, bạc và đá quý, trang sức; Phố Kinh doanh thời trang, Phố Đèn lồng (Quận 5), Phố Ẩm thực, Phố Kinh doanh Giày dép (Quận 4), v.v...

- Đánh giá tiềm năng của các di sản, di tích, bảo tàng có khả năng đưa vào khai thác phục vụ du lịch, xây dựng và hoàn thiện sản phẩm du lịch di sản, di tích, văn hóa trên địa bàn Thành phố. Công bố các tài nguyên du lịch đặc sắc, hấp dẫn đang khai thác phục vụ khách du lịch, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các tài nguyên du lịch gắn liền với địa bàn thành phố Thủ Đức, quận/huyện.

- Xây dựng bảo tàng thông minh mang tính chuyên nghiệp, hiện đại, hấp dẫn khách du lịch. Xây dựng các chương trình nghệ thuật phục vụ khách du lịch.

- Thúc đẩy phát triển các sản phẩm du lịch khác như: du lịch kết hợp khám, chữa bệnh, chăm sóc sắc đẹp, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch giải trí, ... góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch Thành phố.

II. CÁC LỄ HỘI SỰ KIỆN DU LỊCH

1. Lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh Chào đón Năm mới

Lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh Chào đón Năm mới - được tổ chức định kỳ hàng năm là dịp để Thành phố giới thiệu đến nhân dân và bạn bè quốc tế hình ảnh Thành phố “Văn minh - Hiện đại - Nghĩa tình”, hình ảnh một Thành phố năng động, sáng tạo với nhiều hoạt động phong phú đa dạng và phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế.



Lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh Đón chào Năm mới gồm các sự kiện chính được tổ chức trên khắp địa bàn Thành phố như sau:

- Chương trình “Trang trí ánh sáng nghệ thuật” tại các con đường ở các tuyến phố trọng điểm như tuyến đường từ sân bay, nhà ga, bến tàu vào trung tâm và tại các khu vực trung tâm Thành phố.

- Chương trình “chiếu ánh sáng nghệ thuật 3D (mapping)” lên tòa nhà Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chương trình biểu diễn nghệ thuật, bắn pháo hoa và đếm ngược trong thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới (countdown) nhân dịp Tết Dương lịch vào đêm ngày 31 tháng 12 tại Phố đi bộ Nguyễn Huệ.

- Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đón chào năm mới tại các quận, huyện ngoại thành, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, ký túc xá, Khu Chế xuất, Khu Công nghiệp.



2. Đường hoa Nguyễn Huệ

Đường Nguyễn Huệ xưa kia là một con kênh đào nối liền sông Sài Gòn với dinh Đốc Lý (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), sau đó kênh được lấp và trở thành đại lộ Charner, sau đó được đổi tên là đường Nguyễn Huệ cho đến ngày nay.

Ngay từ thời Pháp thuộc, mỗi dịp Tết Nguyên đán, trên đường Charner lại hình thành một chợ hoa rất lớn, nguồn cung cấp là từ những chiếc ghe chở hoa từ các tỉnh Miền Đông - Tây Nam bộ cập bến sông Sài Gòn. Chợ hoa Tết trên đường Nguyễn Huệ tiếp nối sinh hoạt đó cho mãi tới những năm đầu thế kỷ 21. Với người dân Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, vào những ngày cuối năm, đi ngắm hoa và đi chợ mua hoa chưng ngày Tết đã dần trở thành không chỉ là niềm vui mà còn là một tập quán không thể thiếu.

Theo nhịp độ phát triển của Thành phố, Chợ hoa Tết đường Nguyễn Huệ được thay thế bằng không gian hoa tươi thắm vào mỗi dịp tết tại chính con đường Nguyễn Huệ. Đồng thời cũng nhằm xây dựng sản phẩm du lịch thu hút du khách trong và ngoài nước, từ năm 2003, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận chủ trương tổ chức sự kiện Lễ hội Tết Nguyên đán với “Đường hoa Nguyễn Huệ”. Con đường của chợ hoa Tết ngày xưa, được thiết kế, tổ chức thành một đường hoa rực rỡ sắc màu, kết hợp với những sắp đặt nghệ thuật và sáng tạo, thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam, đặc biệt là đặc trưng văn hóa Nam Bộ, nhất là hình ảnh của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh từ thuở khẩn hoang qua việc tái hiện cảnh nông thôn thanh bình, trù phú, cho đến hình ảnh con thuyền chở đầy hoa rực rỡ sắc màu vượt sóng ra khơi, hội nhập với thế giới.

Cho đến nay, Đường hoa Nguyễn Huệ đã trở thành một sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Thành phố - một sự kiện không thể thiếu trong sinh hoạt Tết Cổ truyền hàng năm ở Thành phố Hồ Chí Minh.



3. Lễ hội Tết Việt

Lễ hội Tết Việt - Một sự kiện thường niên được diễn ra trước và trong dịp đón Tết cổ truyền dân tộc Việt Nam, một mặt nhằm góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tạo sân chơi văn hóa lành mạnh, bổ ích, giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, khơi dậy lòng yêu nước, hướng về quê hương nguồn cội; mặt khác là hoạt động tăng cường quảng bá hình ảnh của điểm đến Thành phố Hồ Chí Minh “Sống động - Trẻ trung - Cởi mở - Sắc màu - Đầy hứng khởi” đến với các bạn bè trên thế giới và khu vực Đông Nam Á, góp phần kích cầu du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

Lễ hội tái hiện lại không gian nhà rường đặc trưng của 3 Miền Bắc - Trung - Nam và trưng bày giới thiệu mâm cỗ đón Tết cổ truyền đến công chúng, du khách đến thăm quan. Ở Khu vực không gian trải nghiệm món ăn truyền thống ngày Tết, du khách tham gia có thể thưởng thức, mãn nhãn với những màn trình diễn nghệ thuật ẩm thực của đầu bếp, nghệ nhân văn hóa ẩm thực đến từ Bắc - Trung - Nam với những món ăn truyền thống địa phương đa sắc màu hấp dẫn thú vị. Bên cạnh những hoạt động tham quan, thưởng thức hương vị của ngày Tết cổ truyền, du khách còn được thưởng ngoạn, mua sắm phẩm vật chuẩn bị cho ngày Tết tại khu gian hàng được bày trí theo phong cách chợ Việt, trưng bày nhiều vật phẩm, hàng hóa, đặc sản địa phương đến từ một số tỉnh thành trong nước và tại Thành phố.

Với ý nghĩa đó, Lễ hội Tết Việt Thành phố Hồ Chí Minh là một lễ hội văn hoá - du lịch hấp dẫn khi du khách không chỉ được xem Tết - chơi Tết - ăn Tết mà du khách còn được sắm Tết - một hoạt động không thể thiếu đối với các gia đình Việt Nam dịp tết đến xuân về.



4. Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh

Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những hoạt động văn hóa, du lịch có dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của du lịch Thành phố. Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức nhằm tôn vinh trang phục Áo dài truyền thống của Người Phụ nữ Việt Nam, từng bước khẳng định thương hiệu với du khách trong nước và quốc tế, không chỉ dừng lại ở một lễ hội văn hóa mà hướng đến trở thành sự kiện du lịch thường niên, một sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Thành phố. Qua đó, góp phần gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thông qua hình ảnh Áo dài Việt Nam, đồng thời góp phần xây dựng và quảng bá du lịch Thành phố Hồ Chí Minh là điểm đến “Hấp dẫn - Thân thiện - An toàn” đến thị trường trong nước cũng như thị trường khách quốc tế của ngành du lịch Thành phố.



Một trong các chương trình thu hút đông đảo người dân Thành phố tham gia, đó là chương trình “Thân quen Áo dài Việt”, nằm trong khuôn khổ Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh, là hoạt động rất có ý nghĩa được phát động đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác trong các cơ quan nhà nước; Đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố; Giáo viên, học sinh và sinh viên các trường; Lãnh đạo và nhân viên các trung tâm thương mại, các khách sạn, các nhà hàng; Các nhân viên và hướng dẫn viên du lịch của các công ty lữ hành; Các tiểu thương tại các chợ cùng người dân thành phố mặc Áo dài trong suốt tháng 3 hàng năm.

5. Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày hội Du lịch là sự kiện định kỳ hàng năm của ngành du lịch Thành phố với mục đích kích cầu du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh trong dịp hè. Nhằm thực hiện mục tiêu thu hút khách du lịch cả trong và ngoài nước đến Thành phố Hồ Chí Minh ngày một nhiều hơn, thời gian lưu trú lâu hơn và chi tiêu nhiều hơn; đồng thời, tạo cơ hội giúp khách tham quan có thể thụ hưởng các sản phẩm tuy được giảm giá nhưng vẫn giữ trọn chất lượng. Đồng thời, tạo điều kiện cho các địa phương và doanh nghiệp tiếp cận, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới đến du khách trong và ngoài nước, đặc biệt là thị trường tiêu dùng du lịch hơn 12 triệu dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh có sự tham gia của các gian hàng hội chợ từ các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn; các doanh nghiệp mua sắm, ăn uống đạt chuẩn; vận chuyển du lịch, các hãng hàng không trong nước và quốc tế, và các quận, huyện trên địa bàn Thành phố. Sự kiện cũng có sự tham gia của các cơ quan xúc tiến du lịch các nước, các địa phương trên cả nước. Các doanh nghiệp sẽ tổ chức gặp gỡ khách hàng, tự giới thiệu, chào bán các sản phẩm, các dịch vụ du lịch mới, hấp dẫn qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật, trò chơi có thưởng và giá tour ưu đãi.

Lễ Tôn vinh 100 Thương hiệu Du lịch hàng đầu Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tôn vinh các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch có trụ sở chính trên địa bàn thành phố đạt các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch.



6. Lễ hội Trái cây Nam Bộ

Lễ hội là sự kiện văn hóa, du lịch thường niên của Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm giới thiệu đến du khách nét đặc sắc, phong phú và đa dạng các chủng loại trái cây vùng sông nước Nam Bộ. Đồng thời, tôn vinh những thành quả lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của nhà nông ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ở các tỉnh lân cận Thành phố nói chung.

Hội thi “Trái Ngon An Toàn Nam Bộ” trong khuôn khổ Lễ hội Trái cây Nam Bộ là hoạt động nhằm quảng bá và nâng tầm thương hiệu trái cây Việt, khuyến khích các nhà vườn trồng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng như lai tạo giống mới có chất lượng tốt, năng suất cao. Hội thi cũng là sân chơi, nơi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các nhà vườn, qua đó giới thiệu đến du khách những loại trái cây ngon, an toàn, bổ dưỡng của các vùng miền.



Bên cạnh đó, nhằm lưu giữ truyền thống nghệ thuật tạo hình bằng trái cây độc đáo, góp phần tôn vinh, gìn giữ, phát huy tinh hoa văn hóa Nam bộ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, Hội thi “Nghệ thuật tạo hình bằng trái cây” đã được tổ chức từ năm 1997 đến nay. Du khách sẽ được chiêm ngưỡng sự sáng tạo bởi các nghệ nhân tài hoa qua các tác phẩm theo nhiều chủ đề khác nhau, được tạo hình tinh xảo, sinh động từ rất nhiều các loại trái cây khác nhau.

7. Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - ITE HCMC

Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh (ITE HCMC) - sự kiện thương mại du lịch quốc tế thường niên lớn và uy tín hàng đầu khu vực hạ nguồn sông Mê Kông.



Tổ chức lần đầu vào năm 2005 và đã ghi dấu ấn thành công trong suốt 15 năm, Hội chợ ITE HCMC đã khẳng định vị thế là sự kiện xúc tiến du lịch quy mô lớn, thu hút hàng chục ngàn khách tham quan, người mua quốc tế và các đơn vị triển lãm tham gia để kết nối và khám phá những cơ hội phát triển đột phá.

Hội chợ ITE HCMC đã khẳng định vai trò là sự kiện thương mại du lịch quan trọng của quốc gia; điểm hẹn lý tưởng thường niên để quảng bá các sản phẩm du lịch chất lượng, điểm đến hấp dẫn của các nước và thế giới đến khách du lịch trong nước và quốc tế. Đồng thời đây cũng là hội chợ du lịch quốc tế duy nhất tại Việt Nam không chỉ thu hút sự tham dự đông đảo của người mua quốc tế quan tâm đưa khách đến Việt Nam mà còn thu hút sự tham dự của các lãnh đạo cấp cao của ngành du lịch Việt Nam và khu vực, qua đó đóng góp có trách nhiệm vào việc quảng bá, xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh đến bạn bè quốc tế.



8. Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank

Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank là một sự kiện thể thao mang tầm vóc quốc tế với số lượng vận động viên tham gia lớn nhất Việt Nam. Sự kiện không chỉ nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tác dụng của việc tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe, xây dựng lối sống tích cực trong cộng đồng mà qua đó còn quảng bá điểm đến du lịch Thành phố Hồ Chí Minh cũng như văn hoá, đất nước và con người Việt Nam.

Giải chạy không chỉ thu hút các vận động viên chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp trong nước và quốc tế mà còn có sự tham gia đông đảo của những người yêu thể thao, các tập thể doanh nghiệp, các nhà quản lý cùng những người nổi tiếng ở nhiều lĩnh vực và nhiều lứa tuổi. Tất cả đã cùng nhau lan tỏa và phát triển lối sống năng động và lành mạnh như một cộng đồng gắn kết cùng nhau chinh phục cung đường xanh của Thành phố. Tất cả cùng nhau “Vì một Việt Nam vượt trội”.

Bên cạnh đó, Giải chạy còn mang đến những trải nghiệm mới lạ về du lịch thông qua cung đường chạy xuyên qua thành phố Thủ Đức và 5 Quận với nhiều điểm du lịch, công trình kiến trúc mang tính lịch sử và văn hóa của Thành phố. Đặc biệt hơn, các vận động viên còn có cơ hội trải nghiệm nhiều chương trình tour kích cầu du lịch hấp dẫn tại Thành phố tại thời điểm tổ chức Giải.

Bằng thông điệp “TÔI VƯỢT TRỘI – BẠN VƯỢT TRỘI – BƯỚC CHẠY VÌ MỘT VIỆT NAM VƯỢT TRỘI”, Giải chạy không chỉ là biểu tượng của việc nâng cao nhận thức trong việc tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe, mà còn cho thấy tinh thần tương thân tương ái, vì cộng đồng qua Quỹ quyên góp “BƯỚC CHẠY VÌ MỘT VIỆT NAM VƯỢT TRỘI” nhằm tạo ra những giá trị tốt đẹp hơn cho xã hội.



TÀI LIỆU THAM KHẢO - TRÍCH DẪN

- Cổng thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trang thông tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trang thông tin điện tử Ủy ban Đoàn kết Công giáo.
- Trang thông tin điện tử Quỹ Hỗ trợ Bảo tồn Di sản Văn hóa.
- Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các Lý lịch di tích, Trung tâm Bảo tồn Di tích Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ban Quản lý các Đình, Đền, Miếu, ...
- Ban Trị sự các chùa.
- Ấn phẩm Hành trình di sản văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa Văn nghệ.
- Ấn phẩm Dấu ấn Lịch sử Văn hóa - Quận 1, Phòng Văn hóa Thông tin Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ấn phẩm Phố đi bộ Bùi Viện, Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ấn phẩm Thành phố Hồ Chí Minh - Thành phố Tôi yêu, Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chuyên đề “Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh trong vai trò điểm đến của du lịch di sản” - TS. Hoàng Anh Tuấn, Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề tài “Khai thác và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực trong xây dựng sản phẩm du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh”, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề tài “Đánh giá hiện trạng công trình biệt thự theo tiêu chí về kiến trúc”, Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phát triển du lịch di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”, Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỷ yếu Đường hoa Nguyễn Huệ 2004 - 2014, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Bà NGUYỄN THỊ ÁNH HOA, Giám đốc Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Bà NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG, Trưởng Phòng Công nghệ - Thông tin Du lịch, Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

BAN CỐ VẤN

1. Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Ban Tôn giáo Thành phố Hồ Chí Minh;
3. Nhà Xuất bản Văn hóa - Nghệ thuật Thành phố;
4. Bà Phan Thị Tuyết Minh – Trưởng phòng Nghiên cứu lập hồ sơ xếp hạng di tích, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;
5. Tiến sĩ Du lịch Võ Sáng Xuân Lan;
6. Ông Phan Xuân Anh – Chuyên gia du lịch, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Du ngoạn Việt;
7. Ông Nguyễn Văn Mỹ – Chuyên gia du lịch, Công ty Du lịch Lửa Việt;
8. Bà Phan Yến Ly – Chuyên gia xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch. Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển của Công ty Say Cheese Communications & Events, nguyên Trưởng phòng Phát triển Sản phẩm, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist (STS), Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV (Saigontourist Group);
9. Bà Tạ Thị Tú Uyên – Phó Giám đốc Ban Sản phẩm – Dịch vụ, Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel;
10. Ông Huỳnh Công Hiếu – Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU), nguyên Phó Trưởng phòng, phòng Hướng dẫn quốc tế, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist (STS), Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV (Saigontourist Group);
11. Ông Nguyễn Bảo Toàn – Phó Trưởng phòng, phòng Hướng dẫn, Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam (Vietravel);
12. Ông Nguyễn Thanh Thủy – Công ty Du lịch Go Travel;
13. Ông Hồ Nhật Quang – Diễn giả văn hóa, quản lý Câu lạc bộ Nghiên cứu và Vinh danh Văn hóa Nam Bộ (do cố Giáo sư Trần Văn Khê thành lập);

BIÊN TẬP

Bà HOÀNG HƯƠNG GIANG, Chuyên viên Phòng Công nghệ - Thông tin Du lịch, Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

